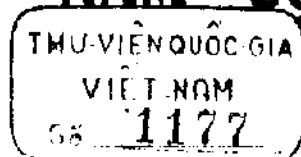


**TRƯỜNG QUỐC - GIA HÀNH - CHÍNH**

**LUẬN - VĂN TỐT - NGHIỆP**

# **VẤN - ĐỀ BẢO HIỂM**

## **TẠI VIỆT - NAM CÔNG - HÒA**



Giáo-Sư Hướng-Dẫn :

**HOÀNG - XUÂN - HẢO**

Tiến-Sĩ Công-Pháp

Nghị-Sĩ, Chủ-Tịch

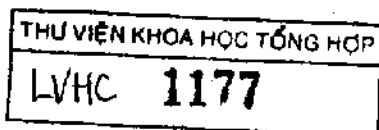
Ủy-Ban T.P.Đ.C. Thượng-Nghị-Viện

Sinh-Viên Đệ-Trình :

**VĂN - THẾ - VINH**

Ban Đốc-Sự Khóa XIX

1971-1974



TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

không tán-thành cũng không phản đối những ý-  
kiến phát-biểu trong luận-văn. Những ý-kiến  
đó do tác-gia hoàn-toàn chịu trách-nhiệm.

KHÁN VÀ CHẤP-THUẬN:

Sài-gòn, ngày      tháng      năm 1.974

Giáo-Sư Hướng-Dẫn,

Gs. HOÀNG-XUÂN-HÀO

- iii -

THÀNH KÍNH TRI ÂN:

Gs. HOÀNG-XUÂN-HÀO

Tiến-Sĩ Công-Pháp

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG-DẪN TÁC-GIA  
HOÀN - THÀNH LUẬN - VĂN NÀY.

**CHÂN-THÀNH CẢM ƠN QUÝ BẠN :**

- NGUYỄN-VĂN-ĐỀ,  
Toà Hành-Chanh Sa-Đéc
- NGUYỄN-VĂN-BẠCH,  
Bộ Nội-Vụ
- NGUYỄN-TẤN-THỜI,  
Tổng Nha Thuế-Vụ
- LAI-VĂN-THANH,  
Ty Ngân-Kho Kiến-Phong
- NGUYỄN-XUÂN-THU,  
Ban Đốc-Sự 19
- HUỖNH-NGỌC-MINH,  
Ban Đốc-Sự 19

đã tích-cực hỗ-trợ vật-chất  
cũng như tinh-thần cho việc  
thực - hiện luận - văn này.

# MUC-LUC

	Trang:
<u>Dẫn nhập</u>	1
<u>PHẦN THỨ NHẤT : TRÌNH BÀY CÁC GIẢI PHÁP</u> <u>BẢO HIỂN DƯ LIỆU TRONG HAI BẢN HIẾN</u> <u>PHÁP ĐỀ NHỨT và ĐỀ NHỊ CÔNG HÒA</u>	
Dẫn nhập Phần Thứ Nhất	7
<u>Chương I : GIẢI PHÁP BẢO HIỂN DƯ LIỆU</u> <u>TRONG HIẾN-PHÁP NGÀY 26-10-1956</u>	9
<u>Tiết I: Cơ-Quan Bảo Hiến</u>	10
Đoạn A: Nhiệm-Vụ và Thẩm-Quyền	10
Đoạn B: Tổ-Chức và Điều-Hành	12
Đoạn C: Quy-Chế Thẩm-Phan	14
<u>Tiết II: Thủ-Tục Bảo Hiến</u>	20
Đoạn A: Thủ-tục Tố-tung Kiểm hiến	20
Đoạn B: Thủ-Tục Biểu Thị Ý Kiến về Đề-Nghị Sửa Đổi Hiến-Pháp	24
Kết-Luận Chương I	25
<u>Chương II : Giải-Pháp Bảo Hiến DƯ LIỆU</u> <u>TRONG HIẾN-PHÁP NGÀY 1-4-1967</u>	26
<u>Tiết I : Cơ-Quan Bảo Hiến</u>	27
Đoạn A: Nhiệm-Vụ và Thẩm-Quyền	27
Đoạn B: Tổ-Chức và Điều-Hành	33
Đoạn C: Quy-Chế Thẩm-Phan	38
<u>Tiết II : Thủ-Tục Bảo Hiến</u>	42
Đoạn A: Thủ-Tục Tố-Tung Kiểm Hiến	42
Đoạn B: Thủ-Tục Giải-Thích Hiến- Pháp và Giải-Tan Chanh-Đàng	48
Kết-Luận Chương II	52

Kết-Luận Phần Thứ Nhất	52
<b>PHẦN THỨ NHÌ : NHẬN XÉT CÁC GIẢI PHÁP BẢO HIỂN DƯỚI HAI CHẾ ĐỘ</b>	
Dẫn Nhập Phần Thứ Hai	54
<b>Chương I : NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG và DI BIỆT GIỮA HAI GIẢI PHÁP</b>	55
<u>Tiết I</u> : Những Điểm Tương Đồng	55
Đoạn A: Về Cơ-Quan Bảo Hiến	55
Đoạn B: Về Thủ-Tục Bảo Hiến	63
<u>Tiết II</u> : Những Điểm Di Biệt	66
Đoạn A: Về Cơ-Quan Bảo Hiến	66
Đoạn B: Về Thủ-Tục Bảo Hiến	71
<u>Tiết III</u> : Giải Thích và Ưu Khuyết Điểm của Hai Giải-Pháp	72
Đoạn A: Nguyên-Nhân Xuất Hiện của Hai Giải-Pháp	72
Đoạn B: Ưu Khuyết Điểm của Hai Giải-Pháp	76
Kết-Luận Chương I	80
<b>Chương II : ÁN LỆ BẢO HIỂN và THỰC TẠI CHÁNH TRỊ</b>	81
<u>Tiết I</u> : Án Lệ Bảo Hiến	81
Đoạn A: Lược Khảo về các Án-Lệ Bảo Hiến	82
Đoạn B: Ảnh Hưởng của các Án-Lệ Bảo Hiến.	92
<u>Tiết II</u> : Thực Tại Chánh-Trị	96
Đoạn A: Những Yếu Tố của Thực Tại Chánh-Trị Đưa Đến Sự Bất Động của Viện Bảo Hiến	96
Đoạn B: Những yếu-tố Thực-Tại Chánh-Trị Thực Dậy Hoạt-Động của T.C.P.V.	98
Kết-Luận Chương II	100
Kết-Luận Phần Thứ Nhì	100
<b>Tổng Kết</b>	102

THU-VIỆP QUỐC-GIA

DẪN NHẬP

I.- ĐẶT VẤN-ĐỀ.-

Trong nền dân-chủ pháp-trị ngày nay, Hiến-pháp là văn-kiến đặt nền móng căn-bản cho việc tổ-chức guồng máy quốc-gia và thể hiện lý-tưởng chánh-trị của một dân-tộc. Cho nên, Hiến-pháp thường được thiết-lập dưới hình thức một bản văn long-trọng và lẽ tất-nhiên phải được cơ quan lập-pháp tôn-trọng khi làm luật và cơ quan hành-pháp tôn-trọng khi lấy các quyết-định hành-chánh. Nội khạc đi, một văn-kiến lập-pháp hay một quyết-định hành-chánh vi-phạm Hiến-pháp phải bị chế-tại - mà hình-thức thông thường là sự tiêu-hủy hay sự đình-chỉ thi-hành.

Vì vậy, một vấn-đề được đặt ra tại các quốc-gia dân-chủ là phải trao cho ai nhiệm-vụ kiểm soát hợp hiến tính các văn-kiến lập-pháp và hợp pháp tính hay hợp hiến tính các quyết-định hành-chánh cũng kiểm soát như thế nào ?

Qua quá trình lịch-sử của hoạt-động bảo hiến, người ta thấy có hai giải-pháp từng được các quốc-gia áp-dụng sau đây :

- Bảo hiến bằng một cơ-quan dân cử, chẳng hạn như một trong hai Viện Quốc-Hội. Giải-pháp này đặt nặng khía cạnh chánh-trị mà nhẹ về chuyên-môn, cốt sao để cơ-quan kiểm-soát có đủ tư-cách thi-hành quyền hạn của mình đối với một cơ-quan dân cử khác ( tức lập-pháp và Hành-pháp )  
Thí-dụ: Vai-trò của Thượng Nghị-Viện trong bản Hiến-pháp năm thứ 3 thời Đại Cách-Mạng và Hiến-Pháp năm 1.852 của Pháp.

- Bảo hiến bằng một cơ-quan tài-phán, chẳng hạn như một tòa-án thương ( tại Hoa-Kỳ ) hoặc một tòa-án đặc tham ( tại Áo, Ý, Pháp, Tây-Đức, ... ) hoặc dùng ngay định-chế Tối-Cao Pháp-Viện để trao cho nó tham-quyền chuyên-độc về bảo hiến ( tại Syrie, Ecuador, Thụy-Sĩ, Liên-Hiệp Nam-Phi, ... ). Giải-pháp này đặt nặng khía-

1. Ngoại trừ Hiến-Pháp tục-lệ của Anh-quốc và hình-thức Hiến-pháp thành văn nhu-tính ( như Hiến-pháp Ý 1343, Hiến-pháp Tân-Tây-Lao ngày nay ).

chánh hiệu-quả của công-việc và rất thích-hợp với bản chất của nhiệm-vụ kiểm hiên.

Cơ-quan bảo hiên có-thể chuyên theo dõi hoạt-dộng của các cơ-quan lập-pháp và hành-pháp để kịp thời chặn-dừng ngay các văn-kiện bất hợp hiên; thế-thức này có tánh cách tiền kiểm, được áp-dụng tại Thụy-Điển, Ba-Tây, Pháp...

Cơ-quan bảo hiên có-thể chỉ được quyền kiểm-soát hợp hiên tính các văn-kiện khi sự bất hợp hiên của các văn-kiện đó được nêu lên sau một thời-gian áp-dụng; thế-thức này có tánh cách hậu kiểm, hiên được đồng-đạo các quốc-gia áp-dụng.

Thế-thức hậu kiểm có-thể thực-hiên bằng hai phương cách: chánh-tố hoặc khước-biên. Với phương-cách chánh-tố, mọi người công-dân đều có quyền trực-tiếp nêu tính-cách bất hợp hiên của một văn-kiện ra trước cơ-quan bảo hiên để xin xét xử. Với phương-cách khước-biên, mọi tưng nhân trong một vụ kiện, pháp-định đều có quyền xin cơ-quan bảo hiên phán quyết tính-cách hợp hiên của một văn-kiện mà tòa án đương-tung đem ra áp-dụng bất lợi đối với y.

Các giải-pháp trên được xem như là <sup>nhưng</sup> mô-thức bảo hiên. Vì vậy, tìm hiểu giải-pháp bảo hiên của một quốc-gia, tức là tìm hiểu cả hai khía-cạnh: cơ-quan bảo hiên và thủ-tục bảo hiên, nói khác đi, là tìm hiểu mô-thức bảo hiên áp-dụng tại quốc-gia đó.

## II.- GIỚI-THIỆU ĐỀ-TÀI.-

### A.- Đề-tài khảo-sát.-

Tại Việt-Nam Cộng-Hòa, bảo hiên là một nguyên-tắc sinh-hoạt dân-chủ tương-đối mọi-mê. Chính tính-cách mọi-mê đó đã ảnh hưởng sự quan tâm của người viết. Do đó, đề-tài nghiên-cứu của luận-văn này sẽ là: "VĂN-ĐỀ BẢO HIÊN TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA". Đề-tài bao gồm những giải-pháp bảo hiên đã và đang được áp-dụng tại Việt-Nam.

### B.- Tổng-quát về các giải-pháp bảo hiên tại Việt-Nam.-

Các giải-pháp bảo hiên tại Việt-Nam được du liệu trong hai bản Hiến-pháp: Hiến-pháp ngày 26-10-1.956 thiết lập nên Đế Nhứt Cộng-Hòa và Hiến-pháp ngày 1-4-1.967 thiết lập nên Đế Nhị Cộng-Hòa.

Trong chế-độ Đế Nhứt Cộng-Hòa, Tư-Pháp không được coi là một quyền ngành hàng với lập-pháp và hành-pháp. Nhiệm-vụ bảo hiên được trao cho Viện Bảo Hiên, do điều 88



Hiến-pháp 1956 dự-liệu và Luật số 007/60 ngày 23-12-1960 an-dinh sự tổ-chức và điều-hành. Nhiệm-vụ này chuyên về kiểm-soát sự hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh, cũng tham-gia ý-kiến về các đề-nghị tu-chỉnh hiến-pháp do Quốc-hội gọi đến. Đặc-biệt Viện Bảo Hiến không có quyền giải-thích hiến-pháp, một tham quyền thương được trao cho các cơ-quan bảo hiến.

Tuy nhiên, Viện Bảo Hiến chỉ được dựng lên để làm cảnh mà không thực sự hoạt-dộng vì cho đến khi Hiến-pháp 1956 hết hiệu-lực, Viện Bảo Hiến đã không xây-dựng được một an-lệ nào.

Sang chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa, Tu-pháp mới được công nhận là đề tam quyền, đứng đầu bởi Tối-Cao Pháp-Viện, do điều 80 Hiến-pháp 1967 dự liêu và Luật số 007/68 ngày 3-9-1968, quy-dịnh sự tổ-chức và điều-hành. Tối-Cao Pháp-Viện ngoài quyền quản-tri ngành Tu-pháp, quyền tài-phần như phá án và kiểm pháp, còn được trao thêm quyền bảo hiến: giải-thích hiến-pháp, phán-quyết về tính-cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc-luật; tính-cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc-lệnh, nghị-dịnh và quyết-dịnh hành-chánh; phán quyết về việc giải-tan một chính đảng có chủ-trương và hành-dộng chống lại chính-thể Cộng-hòa. Với định-chế Tối-Cao Pháp-Viện, hoạt-dộng bảo hiến lần đầu tiên đã thực sự xuất-hiện tại Việt-nam.

### III .- LỢI-ÍCH CỦA ĐỀ-TÀI.-

#### A.- Tầm quan-trọng của đề-tài.-

Vì tính-cách ưu-thế của hiến-pháp đối với một văn-kiến pháp-lý khác trong quốc-gia mà vấn-đề bảo hiến có một tầm mức quan-trọng đặc-biệt. Nếu không có biện-pháp bảo hiến để ngăn chặn sự bất hợp hiến thì hiến-pháp sẽ không còn tính-cách ưu-thế nữa. Do đó, những gì được hiến-pháp quy-dịnh sẽ không còn giá-trị. Nói rõ hơn, sự phân nhiệm, phân quyền trong cơ-cấu quốc-gia và lý-tương, chánh-trị qua sự xác nhận long-trọng những quyền căn-bản của người công-dân không còn được bảo đảm nữa.

Thực-tế đã chứng-minh rằng ngay cả các quốc-gia không chấp-nhận nguyên-tắc kiểm hiến các đạo luật là hợp lý, vì cho rằng quốc-hội thể hiện ý muốn của toàn dân nên không thể có một cơ-quan nào khác có đủ-tham-quyền kiểm-soát, cũng phải nhìn-nhận tính-cách quan-trọng và không thể thiếu của vấn-đề bảo hiến trong sinh-hoạt chánh-trị quốc-gia, Điển-hình như là nước Pháp; quốc-gia này từng bỏ hẳn chế-độ kiểm hiến trong thời Đệ Tam Cộng-Hòa ( Hiến-pháp 1875 ), nhưng vì những tranh-chấp quyền-hành giữa các cơ-quan hiến định cứ liên-tiếp xảy ra

trước sự vắng bóng của một cơ-quan trong-tài hữu-hiệu, nên đã phải tái lập chế-độ kiểm-hiến trong các bản Hiến-pháp Đế-Tứ và Đế-Ngũ-Cộng-Hòa ( Hiến-pháp 1946 và Hiến-pháp 1958 ).

B.- Đề-tài vạch ra một phương-thức tham-lương nền dân-chủ tại nước nhà.-

Từ nhận-định trên, ta có-thể suy ra rằng một bản hiến-pháp dân-chủ chỉ là căn-bản chứ không phải là bảo-đảm chắc-chắn của một chế-độ dân-chủ. Mục-đó dân-chủ của một quốc-gia tùy thuộc nhiều hơn vào việc thực-thi đúng-dẫn và phù-hợp các điều-khoan cung-tinh-thần của bản hiến-pháp.

Cho nên, để tìm-hiệu và đánh-giá nền dân-chủ tại Việt-nam, ta cũng có-thể nhìn-qua các giai-pháp bảo-hiến tại đây. Một giai-pháp có nhiều khả-năng hành-động hữu-hiệu, nhất là tạo-được sự tin-tuông và hương-ứng của người dân là một bảo-đảm rất cần-thiết cho chế-độ dân-chủ.

IV .- GIỚI HẠN ĐỀ-TÀI.-

Để phù-hợp với chủ-đề, luận-văn này sẽ được giới-hạn qua hai khía-cạnh :

A.- Về không-gian.-

Người viết sẽ chỉ đề-cập đến các giai-pháp bảo-hiến dưới các chế-độ Miền-Nam Việt-Nam. Thiết-nghĩ một sự nghiên-cuu bao-gồm cả chế-độ Miền-Bắc vừa không thích-ung với giai-đoạn hiện-tại vừa không thể thực-hiện-được vì lý-đó thiếu-thốn tài-liệu. Và lại, sự nghiên-cuu đó không có giá-trị thực-tế vì lẽ hiến-pháp đối-với các quốc-gia Cộng-San chỉ là tấm bình-phong che-đậy một nền độc-tại toàn-diện.

B.- Về thời-gian.-

Những văn-kiên hiến-tính trong các khoảng thời-gian 1949-1955 và 1963-1966 không phải là những bản hiến-pháp nền-văn-đề bảo-hiến không-được-đặt-ra. Các giai-pháp bảo-hiến tại Miền-Nam Việt-Nam gắn-liên-với hai bản hiến-pháp dự-liệu nó: Hiến-pháp ngày 26-10-1956 và Hiến-pháp ngày 1-4-1967. Do-đó, người viết sẽ giới-hạn đối-tượng thời-gian trong hai giai-đoạn:

- Giai-đoạn từ 26-10-1956 đến 1-11-1963 tức thời-điểm mà bản Hiến-pháp ngày 26-10-1956 bị Quyết-nghị của

Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng cho ngưng áp-dụng.

- Giai-đoạn từ 1-4-1967 đến ngày nay.

#### V .- PHƯƠNG-PHÁP NGHIÊN-CỨU.-

Thông thường khi nghiên-cứu một vấn-đề pháp-ly, người ta sẽ tìm tòi, phân-tách trước nhứt các văn-kiến tự lập hiện đến lập pháp và lập-quy chi-phối vấn-đề đó rồi sau đó mới bổ-túc bằng các nguồn tài-liệu khác.

Cũng theo chiều hướng đó, người viết luận-văn sẽ sưu-tập tất-cả các văn-kiến pháp-ly chi-phối vấn-đề bao hiện để phân-tích và tìm hiểu một cách tỉ-mỉ. Khảo-hương này được mệnh danh là 'khảo-hương pháp-ly'.

Nhưng pháp-chế về bảo hiến vốn là một vấn-đề phức tạp nên để hiểu rộng rãi hơn, cần được bổ-túc bằng cách tham khảo những quan điểm ghi trong các án-lệ và tài-liệu viết, nhưng ý-chí của các nhà lập hiến và lập-pháp (qua các biên-ban Quốc-Hội Lập Hiến và Lập Pháp liên hệ) cũng những định-chế bảo hiến tương-tự tại các quốc-gia khác, khi cần. Ngoài ra, thực-tại chánh-trị cũng là yếu-tố được chú-ý trong khi tìm hiểu nguyên-nhân xuất hiện cũng như hoạt-động của các giải-pháp bảo hiến.

Diễn-trình của cuộc nghiên-cứu gồm có ba giai-đoạn: thập thập tài-liệu, kiểm-soat tài-liệu, trình-bay và giải-thích tài-liệu.

Sau cùng, người viết luận-văn thấy cần nói lên một trở ngại đang kể đã gặp phải trong cuộc nghiên-cứu là tính-cách nghề nạn về tài-liệu bảo hiến dưới thời Đế-Nhứt Công-Hoa. Giải-pháp bảo hiến, ngoài các điều khoản dự liệu trong ban Hiến-pháp 1956 và đạo luật an-định sự tổ-chức và điều-hành, đã không hề có dịp hoạt-động và cũng không thấy có một tác gia nào đề-cập tới. Thành thử chúng ta thiếu hẳn những tài-liệu quý báu về án-lệ và học-ly để tìm hiểu thêm định-chế này.

#### VI .- GIỚI-THIỆU BỐ-CỤC CỦA LUẬN-VĂN.-

Để có một nhận-định khá-dĩ bao-quát đầy-đủ vấn-đề, người viết luận-văn sẽ làm hai việc :

- Công-việc đầu tiên nhằm mô-tả các giải-pháp bảo hiến được áp-dụng tại Việt-Nam Công-Hoa. Công-việc này sẽ thực-hiện theo thứ-tự thời-gian và đòi hỏi nhiều đến sự nghiên-cứu, phân-tích và sắp-xếp các dữ kiện dự-liệu trong những văn-kiến pháp-ly.

- Công-việc kế-tiếp đòi hỏi nhiều đến trí phán đoán. Nó buộc người viết thực-hiện sự nghiên-cuu trong một tinh-thần tích-cực hơn, khả dĩ phát-giác ra mọi tương-quan và thành-qua hoạt-động của các giải-pháp, phát-giác ra những lý-do lý-thuyết cũng thực-tế đã đưa đến sự hình-thành và tạo nên môi-trường hoạt-động của các giải-pháp.

Căn-cứ vào hai ý-niệm hướng-dẫn đó, luận-văn này sẽ gồm có hai phần :

Phần Thứ Nhất : Trình-bày các giải-pháp bảo hiến dự-liệu trong hai bản Hiến-pháp Đệ Nhứt và Đệ Nhị Cộng-Hoa.

Phần Thứ Nhì : Nhận-xét các giải-pháp bảo hiến dưới hai chế-độ.

**PHÂN THỨ NHỨT**

**TRÌNH BÀY CÁC GIẢI PHÁP BẢO HIỂN DU LỊCH  
TRONG HAI BẢN HIẾN PHÁP ĐỆ NHẤT VÀ  
ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA**

---

Tại nước ta danh-từ Hiến-pháp được nói tới lần đầu tiên vào năm 1.946 với Quốc-Hội Lập-Hiến và Hiến-pháp ngày 09-11-1.946 của nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa. Nhưng đối với Quốc-gia Việt-nam, nó chỉ được nói tới tại Dụ số 1 ngày 1-7-1949 do Quốc-Trưởng Bao-Đại ban hành. Theo đó, một Quốc-hội Lập-hiến được dự-liệu triệu-tập qua một cuộc tổng tuyển cử tự-do khi hoàn-cảnh cho phép. Nhưng sự dự-liệu đó cho tới khi Quốc-Trưởng Bao-Đại bị truất-phé vào ngày 23-10-1.955 vẫn chỉ là một sự hứa hẹn.

Sau cuộc trưng-cầu dân ý ngày 23-10-1.955, kết-qua là ông Ngô-Đình-Diệm được tín-nhiệm thay thế Bao-Đại. Ngày 26-10-1955, Tân Quốc-Trưởng Ngô-Đình-Diệm cho ban hành bản Hiến-ước Tam-thời số 1 đặt nền Cộng-Hòa tại Việt Nam và chuẩn-bị việc thiết-lập một bản Hiến-pháp thật sự.

Thí-hành bản Hiến-ước Tam-thời ngày 26-10-1.955, Chánh-phủ Ngô-Đình-Diệm đã cho tổ-chức bầu Quốc-hội Lập-hiến đầu tiên của Việt-nam qua cuộc phổ-thông đầu phiếu ngày 4-3-1.956. Sau hơn 7 tháng làm việc, Quốc-hội Lập-hiến biểu-quyết xong một dự-thảo Hiến-pháp mà Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã ban hành ngày 26-10-1956. Hiến-pháp ngày 26-10-1.956, ngoại phần mở đầu, gồm có 98 điều chia ra làm 10 thiên.

Cuộc Cách-Mạng ngày 1-11-1.963 do Quân-đội lãnh-đạo đã lật đổ chế-độ Ngô-Đình-Diệm và Hội-Đông Quân-nhận Cách-Mạng đã ra quyết-nghị cho ngưng thí-hành Hiến-pháp ngày 26-10-1.956 và giải-tan Quốc-hội.

Kể từ đó, nền tảng pháp-lý của chế-độ chánh-trị tại Việt-nam không còn nữa. Hiến-pháp được thay thế bằng những văn-kiến hiện-tính dưới các hình-thức như Hiến-ước, Hiến-chương và Ước-pháp. Chánh-quyền quân-nhận cai-trị bằng Sắc-luật và quyết-định hành-chánh. Hậu-qua của sự kiện này là một tình-trạng chánh-trị hỗn-loạn liên-tiếp diễn ra tại Việt-nam trước sự bắt-lực của chánh-quyền.

Một phần vì tình-thế quá khẩn-trương, một phần vì áp-lực của nhân-dân, Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia - định-chế sau cùng của chánh-quyền quân-nhận - buộc phải quyết

- 
1. Điều 2 Hiến-ước Tam-thời ngày 26-10-1955 đổi danh xưng Quốc-Trưởng kiêm Thủ-Tướng của ông Ngô-Đình-Diệm thành Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.

định việc thành-lập một Quốc-Hội Lập-Hiến. Quốc-hội đó được toàn dân bầu lên ngày 11-9-1.966. Sau hơn 6 tháng làm việc, Quốc-hội Lập-hiến soạn thảo và biểu-quyết xong một bản Hiến-pháp mà Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia đã ban hành ngày 1-4-1.967. Hiến-pháp ngày 1-4-1.967 gồm có lời mở đầu và 117 điều chia ra làm 9 chương. Với một căn-bản nhân-dân vững-chắc, Hiến-pháp 1-4-1.967 đã tổ-chức guồng máy cai-trị cho nền Đệ Nhị Cộng-Hoa và đã ổn-định được tình-trạng chánh-trị tại Việt-nam cho đến ngày nay .

Trong Phần Thứ Nhứt này, người viết sẽ mô-tả các giải-pháp bảo hiến được dự-liệu trong hai bản Hiến-pháp vừa trình bày trên trong hai Chương :

Chương I : Giải-pháp bảo hiến dự-liệu trong Hiến-pháp ngày 26-10-1.956.

Chương II: Giải-pháp bảo hiến dự-liệu trong Hiến-pháp ngày 1-4-1967.

-+++++

## Chương một

# GIẢI-PHÁP BẢO HIẾN DƯ-LIỆU TRONG HIẾN-PHÁP NGÀY 26-10-1956

Hiến-pháp ngày 26-10-1956 trao nhiệm-vụ bảo hiến cho Viện Bảo Hiến. Viện Bảo Hiến là một cơ-quan tài-phần đặc-biệt có thẩm-quyền chuyên-độc để giải-quyết các vụ tố-tung về hiến-pháp giống như Hội-Đồng Bảo Hiến Đệ-Ngũ Cộng-Hoa Pháp, Viện Kiểm-Hiến Áo ( Hiến-pháp 1920 ), Tòa Bảo Hiến Tây-Đức ( Hiến-pháp 1955 ),...

Nhưng so với Hội-Đồng Bảo Hiến Pháp, Viện Bảo Hiến Việt-nam có một phạm-vi kiểm-soát hợp hiến tính rộng, -rãi hơn; ngoài ra, hai cơ-chế đó cũng áp-dụng các thủ-tục kiểm hiến hoàn-toàn khác nhau.

Hội-Đồng Bảo Hiến Pháp đặt nặng vào mục-đích bảo-vệ sự phân quyền giữa Lập-pháp và Hành-pháp bằng cách áp-dụng một thể-thực tiền kiểm tất-cả các đạo luật tổ-chức trước khi ban hành và các văn-kiến quy-tắc của hai Viện Quốc-hội trước khi thi-hành; các đạo luật khác trước khi được thi-hành chỉ có-thể bị Hội-Đồng Bảo Hiến kiểm-soát nếu có sự yêu-cầu của Tổng-Thống, Thủ-Tướng, Chủ-tịch Thượng Nghị-Viện và Chủ-tịch Hạ Nghị-Viện mà thôi.

Trái lại, Viện Bảo Hiến Việt-Nam chủ-trương bảo-vệ quyền-lợi của người công-dân bằng một thể-thực hậu kiểm rộng-rãi các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh; tất-cả các thể-nhan và pháp nhân đều có quyền xin Viện Bảo Hiến kiểm-soát một văn-kiến lập-pháp hay lập-quy bị xem là bất hợp hiến.

Tuy vậy, Viện Bảo Hiến Việt-nam chỉ là một định-chế lệ-thuộc nhiệm-vụ Hành-Pháp thay vì được hoàn-toàn độc-lập để có-thể hoạt-động hữu-hiệu trong thực-tế.

Viện Bảo Hiến dự-liệu bởi Hiến-pháp Đệ Nhứt Cộng-

- 
1. Điều 81 MP 1958 của Pháp phân-biệt các văn-kiến lập-pháp thành 3 loại: Luật tổ-chức (loi organique), văn-kiến quy-tắc (texte réglementaire) và luật thường (loi ordinaire).



Hòa sẽ được trình-bày qua hai khía cạnh: trước hết là cơ quan bảo hiến ( Tiết I ) và sau đó là thủ-tục bảo hiến áp-dụng trước cơ-quan này ( Tiết II ).

oOo

## TIẾT I : CƠ-QUAN BẢO HIẾN .-

Để tiện việc nghiên-cứu, Tiết này sẽ được chia thành ba đoạn :

- 1)- Nhiệm-vụ và thẩm-quyền
- 2)- Tổ-chức và điều-hành
- 3)- Quy-chế thẩm-phán.

### ĐOẠN A : NHIỆM-VỤ VÀ THẨM-QUYỀN .-

Điều 85 Hiến-pháp 1956 quy định rằng Viện Bảo Hiến có nhiệm-vụ phán-quyết về tạnh-cách hợp hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh. Điều 91 dự-liệu cho Viện Bảo Hiến một nhiệm-vụ tự-vãn là góp ý-kiến về các đề-nghị sửa đổi Hiến-pháp. Các nhiệm-vụ này được luật số 007/60 ngày 23-12-1960 quy định việc tổ-chức và điều-hành Viện Bảo Hiến nhắc lại tại điều 1.

#### Mục 1 : Nhiệm-vụ kiểm hiến.-

Căn-cứ vào các điều khoản hiến định và luật định trên, ta thấy đối-tượng của sự kiểm hiến có thể được xếp thành hai loại: loại thứ nhất gồm có các hành-vi lập-pháp tức các đạo luật và sắc-luật, loại thứ hai gồm có các hành-vi hành-chánh ( các quy-tắc hành-chánh ).

##### a)- Các đạo luật và sắc-luật :

1.- Các đạo luật ở đây là những đạo luật hình-thức ( lois formelles ) tức các bản văn do Quốc-hội biểu - quyết và Hành-pháp ban hành theo thủ-tục dự-liệu tại điều 55 và 57 Hiến-pháp 1956.

2.- Sắc-luật là một hình-thức của văn-kiến lập-pháp được đề-cấp tới trong bản Hiến-pháp 1956. Theo đó, Tổng-Thống được quyền ký sắc-luật trong các trường-hợp sau đây :

- Trường-hợp khẩn cấp trong thời-gian giữa hai khóa họp của Quốc-hội ( điều 41 HP );

- Trường-hợp được Quốc-hội ủy-quyền, trong tình-trạng khẩn cấp, chiến-tranh, nội loạn, khủng-hoang kinh-tế hoặc tai-chánh ( điều 42 HP );

- Trường-hợp ngân-sách không được Quốc-hội chung quyết trước ngày 31-12 để ấn-dịnh phần ngân-sách cho mỗi tam ca nguyệt của tài khóa sau cho đến khi nào Quốc-hội chung quyết xong đạo luật ngân-sách ( điều 43 HP ) .

b)- Các quy-tắc hành-chánh :

Các quy-tắc hành-chánh là các văn-kiên do các cơ-quan có quyền lập quy làm ra, đặc-biệt là cơ-quan hành-pháp.

1.- Trong khi Quốc-hội thảo-luận về luật ngữ 'quy tắc hành-chánh', Dân-biểu Nguyễn-Quốc-Hung, Chủ-tịch Ủy Ban Tu-pháp Định-chế, đã giải-thích quy-tắc hành-chánh là những văn-kiên có quyết-dịnh và hiệu-lực tổng-quat liên-hệ đến nhiều người, khác với quyết-dịnh cá nhân chỉ liên-hệ đến cá-nhân mà thôi. Căn-cứ vào lời giải-thích đó, ta thấy các quy-tắc hành-chánh còn được gọi là các văn-kiên lập-quy.

2.- Về phương-diện, đẳng cấp, quy-tắc hành-chánh ở dưới các văn-kiên lập-pháp nên không được trái với các văn-kiên lập-pháp. Tuy nhiên, có một trường-hợp thật đặc-biệt mà điều 44 Hiến-pháp 1956 đã minh thị như sau:

"Tổng-thống có-thể ký sắc-lệnh tuyên-bố tình-trạng khẩn-cấp, báo động hoặc giới-nghiêm trong một hay nhiều vùng; các sắc-lệnh này có-thể tạm lĩnh chỉ sự áp-dụng một hoặc nhiều đạo luật tại những vùng đó".

Như vậy, riêng trong trường-hợp vừa kể, Tổng-Thống có-thể dùng sắc-lệnh để đình chỉ một đạo luật; Trường-hợp này tương-tu với điều 37 Hiến-pháp 1958 của Pháp; theo đó, những văn-đề không thuộc phạm-vi quy-dịnh của đạo luật ( tại điều 34 ) được quy-dịnh bởi sắc-lệnh nên những đạo luật có trước Hiến-pháp 1958 đã trở nên khác với điều 34 có thể bị Hành-pháp dùng sắc-lệnh để sửa đổi với sự thỏa-thuận của Tham-Chính-Viên; đối với những đạo luật vi-phạm lãnh-vực lập quy hạn sau Hiến-pháp 1958, Hành-pháp cũng có quyền sửa đổi sau khi được Hội-Đồng Bảo Hiến xác định tính-cách vi-phạm lãnh-vực lập quy của các đạo luật đó.

Mục 2 : Nhiệm-vụ tu-vấn .-

1. Quan-niệm của các nhà lập-pháp được đề-cập trong Chương này đều tham-chiếu Biên-bản Quốc-hội Lập-pháp ngày 20-12-1960 ( CBVNCH/ABQH 1961, từ tr. 412 ).

Ngoài nhiệm-vụ tài-phần, Viện Bảo Hiến còn có nhiệm vụ tu-vấn để phát-biểu ý-kiến về một đề-nghị sửa đổi hiến pháp do Quốc-hội gọi đến.

1.- Theo điều 90 Hiến-pháp 1956, đề-nghị sửa đổi hiến-pháp phải được phát xuất từ Tổng-Thống hoặc 2/3 tổng số dân-biểu; đề-nghị phải viện dẫn lý-do và nộp tại văn-phòng Quốc-hội.

2.- Điều 91 khoản 1 Hiến-pháp 1956 buộc Ủy-Ban Nghiên-Cứu Đề-Nghị Sửa Đổi Hiến-Pháp của Quốc-hội phải tham khảo ý-Kiến của Viện Bảo Hiến và của Tổng-Thống. Do đó, ý-kiến của Viện Bảo Hiến và của Tổng-Thống chỉ là phần đóng góp khi Ủy-Ban Nghiên-Cứu tại Quốc-hội hội đến. Dĩ nhiên, đó không thể là một sang quyền và không thể buộc Quốc-hội phải tôn-trọng khi biểu quyết đạo luật tu chỉnh Hiến-pháp.

### ĐOẠN B : TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH .-

Theo Luật số 007/60 ngày 23-12-1960, Viện Bảo Hiến đứng đầu bởi một Chủ-tịch với những hội-tham do Tổng-Thống và Quốc-hội cử. Chủ-tịch và hội-tham hợp thành cơ-quan tài-phần chánh-thực của Viện. Ngoài ra, còn có một Ủy-ban Dinh-tham do Chủ-tịch chỉ-định và một Phòng Tổng-Thư-Ký phụ-trợ cho Viện trong các dịch-vụ thuận-tuy hành-chánh.

#### Mục 1 : Cơ-quan tài-phần .-

##### a)- Thành-phần nhân-sự :

1.- Viện Bảo Hiến gồm một thành-phần thẩm-phán, là 9 người: một chủ-tịch và 8 hội-tham. Chủ-tịch Viện Bảo Hiến do Tổng-Thống chỉ-định với sự thỏa-hiệp của Quốc-hội. Tổng-Thống còn cử 4 hội-tham lựa trong các tham-phán cao cấp hay các luật-giá và Quốc-hội cử 4 hội-tham khác lựa trong số các dân-biểu.

Theo quan-niệm của các nhà lập-pháp, việc Quốc-hội thỏa-hiệp về vị Chủ-tịch cũng như cử các hội-tham của Viện Bảo Hiến sẽ được thực-hiện trong một cuộc bầu-cử theo đa số thượng như trong khi Quốc-hội bầu các vị Chủ-tịch Ủy-Ban và nhân-viên Văn-phòng Quốc-hội vậy. Nếu sự thỏa-hiệp không hội đủ số phiếu cần-thiết của các dân-biểu, Tổng-Thống sẽ chỉ-định người khác để Quốc-hội bầu lại cho tới khi nào có sự thỏa-hiệp thì thôi.

Tánh-gách của thành-phần trên thoát nhìn cũng thấy nặng về chánh-trị mà nhẹ về tài-phần. Vì trong số 9 vị tham-phán của Viện Bảo Hiến, chỉ có 4 phát xuất từ

giới tham-phần chuyên nghiệp hay luật-gia mà thôi. Để biện-minh, Dân-biểu Nguyễn-Quốc-Hung ( Chủ-tịch Ủy-Ban Tu-pháp Định-chế ) cho rằng đó là một thành-phần tương-trung cho một nửa phần lương-tri và một nửa phần kiến-thức (!) .

2.- Tham-phần của Viện Bảo Hiến có một nhiệm kỳ trùng hợp với nhiệm-kỳ của Quốc-hội nghĩa là được chỉ-định hoặc bầu lên trong những phiên đầu khóa họp thường lệ thứ nhất của mỗi nhiệm-kỳ Quốc-hội và chấm dứt nhiệm vụ khi nhiệm-kỳ Quốc-hội chấm dứt. Theo điều 51 Hiến-pháp 1956 thì nhiệm -kỳ của Quốc-hội là 3 năm nhưng về sau luật hiến-pháp số 001/62 ngày 8-7-1962 sửa lại là 4 năm.

Ngoài ra, điều 3 khoản 2 Luật số 007/60 còn minh thị rằng Chủ-tịch và các hội-tham do Tổng-Thống cử có thể được tái bổ-nhiệm, các hội-tham dân-biểu có thể được Quốc-hội tái cử nếu con đực cử dân-biểu ở pháp-nhiệm m sau.

b)- Tổ-chức cơ-cấu và điều-hành :

1.- Chủ-tịch và 8 hội-tham của Viện Bảo Hiến họp thành cơ-cấu nắm toàn quyền thảo-luận và phán quyết tranh-cách họp hiến của các văn-kiến bị chỉ-trích do một đơn xin phán quyết hợp-lệ.

Viện Bảo Hiến không có khóa họp thường-lệ, các phiên nhóm toàn Viện do chủ-tịch toàn quyền ấn-định mỗi khi cần.

2.- Ngoài ra, một cơ-cấu khác được gọi là Ủy-Ban Định-Tham cũng có nhiệm-vụ tại phan.

Ủy-ban Định-tham gồm có 5 hội-tham, trong số có hai hội-tham dân -biểu, do Chủ-tịch Viện Bảo Hiến chỉ-định với nhiệm-kỳ là một năm.

Ủy-ban Định-tham được điều-khiển bởi một trưởng-ban do Ủy-ban bầu lên. Ủy-ban Định-tham phán xét và quyết-định việc chấp-thuận hay bác bỏ các đơn xin phán-quyết được chuyển đến Viện Bảo Hiến, cũng tham-cuu các đơn được chấp-thuận để trình cho Chủ-tịch.

Mục 2 : Cơ-quan phụ trợ: Phòng Tổng-Thư-Ký.-

Để giúp Viện Bảo Hiến trọng việc đảm nhiệm các công việc hành-chánh, đăng ký đơn từ, tổ-chức và trông coi thủ-viện cùng văn-kho, luật số 007/60 dự-liệu thiết-lập tại Viện Bảo Hiến một Phòng Tổng-Thư-Ký.

a)- Tổ-chức :

Về phương-diện nhân-sự, Phòng Tổng-Thư-Ký gồm một Tổng-Thư-Ký và một số nhân-viên trợ lực. Vì Tổng-Thư-Ký do Tổng-Thống bổ-nhiệm chiếu đề-nghị của Chủ-tịch Viện Bảo Hiến và phải tuyên thệ nhậm chức trước Viện Bảo Hiến.

Về phương-diện cơ-cấu, chiếu điều 11 khoản 3 luật số 007/60, sắc-lệnh số 227-TTP ngày 23-10-1961 của Tổng-Thống chia Phòng Tổng-Thư-Ký thành 4 ban ; Ban Hành-Chánh, Ban Pháp-Chánh, Ban Kế-toán Ngân-sách và Ban Suu-Tám Nghiên-Cứu.

b)- Nhiệm-vụ :

Phòng Tổng-Thư-Ký có các nhiệm-vụ sau đây:

1.- Tiếp nhận những đơn xin phán-quyết hoặc khiếu-nại về tính-cách hợp hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh do các tòa-án hoặc Thẩm-chính-viện gửi đến.

2.- Chuyển những đơn và hồ-sơ nhận được lên Chủ-tịch Viện Bảo Hiến sau khi đã đăng ký vào sổ để vị này giao ngay cho Ủy-ban Định-tham.

3.- Cáo tri các loại án văn bằng cách :

- tổng-đạt đến những nơi liên-hệ những bản án bác đơn của Ủy-ban Định-tham;

- Chuyển lên Chủ-tịch Viện Bảo Hiến những bản án chấp nhận đơn xin phán quyết của Ủy-ban Định-tham;

- chuyển sang Phủ Tổng-Thống các bản án bác đơn của Ủy-ban Định-tham và các bản án của Viện Bảo Hiến để nơi đây cho công-bố trên công-báo.

Sau đây, để tìm hiểu thêm về khía cạnh nhân-sự của Viện Bảo Hiến, ta sẽ xét đến quy-chế thẩm-phán.

ĐOẠN C : QUY-CHẾ THẨM-PHÁN .-

Trên khía cạnh thực-tế, với nhiệm-vụ tài-phán, Viện Bảo Hiến có thẩm quyền giải-thích hiến-pháp để áp-dụng vào mỗi trường-hợp cụ-thể. Cho nên địa-vị

kiêm tốn, Viện Bảo Hiến vẫn ảnh-hưởng đến chánh sách của Chánh-phủ một phần nào. Luật số 007/60 ấn-định quy-cho danh cho Chủ-tịch và Hội-tham Viện Bảo Hiến với mục-dịch giúp cho cơ-quan này có-thể chu toan nhiệm-vụ trong tinh-thần độc-lập căn-thiết và cố hữu của các tham phán.

Mục 1 : Các nghĩa-vụ.-

a)- Các nghĩa-vụ qua lời tuyên thệ :

Chủ-tịch và hội-tham của Viện Bảo Hiến trước khi nhậm chức, phải tuyên thệ trước Tổng-Thống như sau:

"Tôi xin thề trung-thành làm tròn nhiệm-vụ, thi-hành phận-sự  
"một cách vô-tư, tôn-trọng Hiến-pháp và giữ hoàn-toàn bí-  
"mật những điều bàn luận trong lúc tham nghị và biểu-quyết".

1.- Làm tròn nhiệm-vụ được luật-pháp giao phó là nghĩa-vụ của bất cứ một cơ-quan nào. Nhưng vô tư và tôn trọng hiến-pháp là những yếu-tố tối căn-thiết đối với một cơ-quan tại phán bảo hiến; thiếu hai yếu-tố đó, Viện Bảo Hiến khó có thể chu toan nhiệm-vụ một cách đung-đắn và có ý-nghĩa.

2.- Hơn nữa, giữ bí mật cũng được coi là một nghĩa vụ căn-thiết mà tham-phán Viện Bảo Hiến phải tôn-trọng để những gì bàn luận trong lúc tham nghị và biểu quyết không thể bị tiết-lộ có hại cho tinh-thần độc-lập của tham-phán.

b)- Nghĩa-vụ bất khả kiêm nhiệm :

Ngoài những nghĩa-vụ kể trên, các tham-phán Viện Bảo Hiến còn không được kiêm nhiệm những chức vụ có phương hại đến sự độc-lập của các vị đó.

Nghĩa-vụ này nhằm bảo vệ sự độc-lập và công-minh của các tham-phán Viện Bảo Hiến, Nhưng luật-pháp không giải-thích thế nào là 'những chức vụ có phương hại đến sự độc-lập', cũng không nói rõ chức vụ đó là công vụ hay dân-cử, cho nên sợ với điều 43 Hiến-pháp 1956 dụ-liệu các trường-hop bất khả kiêm nhiệm cho các dân-biểu, điều 6 luật số 007/60 chỉ đưa ra một khai niệm rất mơ-hồ, có lẽ để dành quyền giải-thích rộng-rãi cho một sắc-lệnh của Hành-pháp dụ-liệu tại điều 30 luật đó.

---

1. Nhưng sắc-lệnh này không được Hành-Pháp ban-hành.

Mục 2 : Quyền-lợi .-

a)- Đặc quyền tài-phán :

Chủ-tịch và hội-thăm Viện Bảo Hiến được hưởng một chế-độ an-toàn bản thân rất đặc-biệt.

Đối với các hội-thăm, ngoại trừ trường-hợp phạm quốc, xâm-phạm an-ninh quốc-gia hoặc đương trường phạm pháp, hội thăm Viện Bảo Hiến trong suốt nhiệm-kỳ không thể bị truy-tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử nếu không được 2/3 tổng-số hội-viên chấp-thuận trong một bản quyết định ( điều 8 luật số 007/60 ).

Riêng Chủ-tịch Viện Bảo Hiến, trong trường-hợp can tội phạm quốc và các trọng tội khác, có thể bị truất quyền theo thủ-tục sau đây :

- Thăm quyền phán xét thuộc Đặc-Biệt Pháp-Viện;

- Sự khởi tố phải hội đủ điều-kiện: (1) phải có một bản đề-nghị viện dân lý-do được 3/5 tổng-số dân-biểu Quốc-hội ký tên và nộp tại Văn-phòng Quốc-hội 15 ngày trước khi thảo-luận, (2) đề-nghị phải được 2/3 tổng-số dân-biểu chấp-thuận, (3) các dân-biểu trong Đặc-Biệt Pháp-Viện và trong ban điều tra không được quyền đề-nghị khởi tố và biểu quyết về đề-nghị này;

- Nhiệm-vụ của Chủ-tịch Viện Bảo Hiến bị đình chỉ từ khi Quốc-hội biểu quyết truy-tố đến khi Đặc-Biệt Pháp-Viện phán quyết.

Ngoại trừ Chủ-tịch Viện Bảo Hiến, đặc quyền dành cho hội-thăm Viện Bảo Hiến đã gây nên một cuộc tranh-luận thật sôi nổi trước khoáng đại Quốc-hội lập-pháp trong khi thảo-luận và biểu quyết điều khoản này. Các ý kiến của các nhà Lập-pháp có thể xếp thành hai xu-hướng: chống đối và ủng-hộ.

1.- Xu hướng chống đối đã nêu các luận cứ sau đây:

- Điều 8 mâu-thuận với điều 54 Hiến-pháp riêng đối với trường-hợp dân-biểu. Vì theo điều 54 Hiến-pháp, không ai có quyền bắt bớ các dân-biểu trong suốt thời-gian các khóa họp, kể cả thời-gian đi họp và về, nay điều 8 lại cho phép Viện Bảo Hiến được bắt một hội-thăm dân-biểu với 2/3 tổng-số hội-thăm chấp-thuận. Thành thử thật nhin, điều 8 có lợi cho hội-thăm dân-biểu nhưng xét kỹ thì các vị này có thể bị truy-tố bất cứ tội gì và bất cứ lúc nào.

- Luận cứ khác lại nhưt định cho rằng quyền của hội-thăm Viện Bảo Hiến vượt lên trên cả đặc quyền danh cho một dân-biểu do Hiến-pháp quy định. Vì điều 54 Hiến pháp chỉ bảo đảm cho dân-biểu trong suốt thời-gian khóa họp, trong khi điều 8 lại bảo đảm cho hội-thăm Viện Bảo Hiến trong suốt nhiệm-ky. Và lại Hiến-pháp không hề tru liệu một điều khoản nào cấm truy-tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử một tham-phản kể cả tham-phản Viện Bảo Hiến thế mà điều 8 lại tru liệu các biện-pháp đó. Cho nên việc danh ưu quyền cho hội-thăm Viện Bảo Hiến có tanh-cách vi hiến.

Do đó, các dân-biểu chống đối cho rằng nếu có xảy ra các vụ tranh-chấp về đặc quyền thì rất khó mà giải-quyết.

2.- Tuy nhiên, xu-hướng ủng-hộ ( thuộc Ủy-Ban Tư-pháp Định-chế ) đã bác bỏ các luận cứ nêu trên và lý-luận như sau :

- Điều 8 không mâu thuẫn mà chỉ bổ-túc cho điều 54 Hiến-pháp. Quyền đặc miễn do Hiến-pháp ban cho dân-biểu thì ở cấp cao hơn nên trong thời-gian của khóa họp Quốc-hội, dân-biểu hội-thăm sẽ được Hiến-pháp bảo đảm. Vậy quyền đặc miễn do điều 8 tru liệu sẽ che chở thêm cho dân-biểu hội-thăm ngoài thời-gian các khóa họp của Quốc-hội.

- Điều 8 tru liệu sự đặc miễn cho các hội-thăm Viện Bảo Hiến trong suốt nhiệm-ky, nhưng không phải vì thế mà bảo rằng quy-chế hội-thăm Viện Bảo Hiến được ưu đãi hơn quy-chế dân-biểu. Vì sự bảo đảm đối với một cơ-quan là nhằm mục-đích giúp cơ-quan đó làm tròn nhiệm-vụ. Cho nên hội-thăm Viện Bảo Hiến được bảo đảm trong suốt nhiệm-ky vì công việc của các vị này kéo dài trong suốt nhiệm-ky chứ không phải như dân-biểu chỉ làm việc thực-sự cho Quốc hội trong hai khóa họp mỗi năm mà thôi. Và lại những bảo đảm tại điều 8 xét ra rất cần-thiết cho các hội-thăm Viện Bảo Hiến trong nhiệm -vụ tại-phần bảo hiến nên dù Hiến-pháp không tru liệu cũng không có nghĩa là Hiến-pháp cấm đoán nhà lập-pháp danh cho các hội-thăm Viện Bảo Hiến những bảo đảm đó.

- Sau hết sự tranh-chấp về đặc quyền cũng không thể xảy ra. Vì ta có-thể căn-cứ vào hai nguyên-tắc sau :

(1) Nguyên-tắc đặc quyền có-thể hỗ-trợ lẫn nhau, miễn không trái với Hiến-pháp. Đối với dân-biểu hội-thăm, điều 8 vẫn nhìn nhận đặc quyền mà Hiến-pháp đã danh cho dân-biểu; còn đối với tham-phản thì khi nào được cử vào chức vụ hội-thăm, hội-thăm-phản mới được hưởng đặc quyền.



(2) Nguyên-tắc phải áp-dụng một cách khách-quan theo chức-vụ chứ không áp-dụng chủ-quan theo cá-nhan.

b)- Quyền được hưởng phụ-cấp :

Trong khi hành sự chức-vụ, chủ-tịch và hội-thăm Viện Bảo Hiến được hưởng một khoản phụ cấp do Tổng-Thống ấn-dịnh, Phụ-cấp này được kiêm lãnh với lương bổng hoặc các khoản phụ-cấp khác. Trong trường-hợp các vị này không lãnh lương bổng hoặc phụ-cấp của một công quỹ, Tổng-Thống có-thể ấn-dịnh một phụ-cấp cao hơn.

1.- Trước hết, có một điểm thắc-mắc được nêu lên là việc Tổng-Thống đơn phương quyết-dịnh phụ cấp cho thăm-phần Viện Bảo Hiến mà không có sự thỏa-hiệp của Quốc-hội liệu có làm thương tổn đến tinh-thần độc-lập của các vị đó không ? Thắc-mắc này được Ủy-ban Tư-pháp Định-chế giải-thích như sau :

- Việc Tổng-Thống hay Quốc-hội ấn-dịnh phụ cấp cho chủ-tịch và hội-thăm của Viện Bảo Hiến cũng tương-tự như nhau. Vì Tổng-Thống cũng do dân-cử, hơn thế nữa, lại do toàn dân cử lên thay vì chỉ có dân-chúng trong một đơn-vị nhỏ cử như trường-hợp của dân-biểu, và lại, Tổng-Thống có địa-vị cao hơn Chủ-tịch Quốc-hội nên để cho Tổng-Thống quyền này rất xứng đáng (!) (CB.VNCH/ABQH 1961, tr.428).

- Ngoài ra, điều đó không có gì là phản sự độc-lập cũng như phạm tới danh-dự của dân-biểu. Vì những phụ-cấp không ngoài mục-dịch đền bù những công-việc làm thêm của dân biểu. Trong thực-tế, đó là van-dề vật-chất. Với những bạo-dam luật định cần-thiết để thi-hành nhiệm-vụ, sự kiện đó không thể nào làm phương-hại đến uy-tín hoặc công-việc của các dân-biểu.

2.- Một thắc-mắc khác cũng đáng được lưu ý là các dân-biểu hội-thăm lãnh phụ cấp thêm có trái với điều 53 Hiến-pháp cấm đoạn dân-biểu không được kiêm nhiệm một công-vụ được trả lương không ? Cũng theo quan điểm của Ủy-Ban Tư-Pháp Định-Chế thì điều 53 Hiến-pháp chỉ liệt-kê các công-vụ có hưởng lương, mà không có tinh cách hạn chế, và lại, phụ-cấp không có ảnh-hưởng gì đến công việc của họ (!).

Mục 3 : Sự chấm dứt nhiệm-vụ.-

a)- Các lý-do chấm dứt nhiệm-vụ :

Ngoài lý-do thông-thường là mãn nhiệm-kỳ, thăm - phần Viện Bảo Hiến có thể chấm dứt nhiệm-vụ vì lý-do từ-chức hoặc sức-khỏe hoặc vì một lý-do khác mà Viện Bảo Hiến xét ra chạnh đáng. Theo điều 7 luật số 007/60 thì

lý-do chánh đáng khác là lý-do được ấn-định tại các điều 4, 5, 6, tức là :

- Vi-phạm lời thề: thiếu vô-tu, không tôn-trọng Hiến-pháp và tiết-lộ bí-mật ;

- Làm những điều thương tổn tánh-cách độc-lập và phẩm giá của chức-vụ ;

- Vi-phạm điều-kiện bất khả kiêm nhiệm.

Quyết-định của Viện Bảo Hiến chấm dứt nhiệm-vụ của chủ-tịch hay hội-tham Viện Bảo Hiến vì những lý-do trên, ít nhất phải được 6 thăm chấp-thuận.

Như vậy, ngoài việc chấm dứt nhiệm-vụ vì lý-do từ chức và sức khỏe, thăm-phản Viện Bảo Hiến còn có thể bị chấm dứt nhiệm-vụ vì lý-do kỷ-luật. Nhưng việc chấm dứt nhiệm-vụ này được khởi xướng như thế nào ? Theo quan-niệm của các nhà lập-pháp, vấn-đề có thể giải-quyết như sau :

1.- Trường-hợp từ-chức: nếu không phải là chủ-tịch thì gọi đơn cho chủ-tịch và nếu là chủ-tịch thì gọi đơn cho vị hội-tham niên-trưởng; chủ-tịch hay hội-tham niên trưởng sẽ triệu-tập Viện Bảo Hiến để quyết-định việc chấp nhận hay không chấp nhận.

2.- Các trường-hợp khác ( lý-do kỷ-luật ): vấn-đề có thể được nêu lên do một hội-tham nào đó rồi đem ra một phiên họp của Viện ; Viện sẽ thụ-lý và xét tung trường-hợp.

b)- Biện-pháp thay thế :

Sau khi Viện Bảo Hiến chấp-thuận việc chấm dứt nhiệm-vụ của chủ-tịch hay một hội-tham, điều 6 còn trù-liệu biện-pháp thay thế sẽ được thi-hành như sau:

1.- Nếu là chủ-tịch, tùy sự khống khuyết xảy ra trong thời-gian Quốc-hội họp hay nghỉ, Tổng-Thống hoặc chỉ-định ngay hoặc sẽ chỉ-định trong tuần-lễ đầu của khóa họp kế tiếp, thưởng hay bắt thưởng, một vị chủ-tịch khác để Quốc-hội biểu-quyết thỏa-hiệp. Trong khi chờ đợi, vị hội-tham niên-trưởng sẽ tạm đảm nhiệm chức-vụ chủ-tịch.

2.- Nếu là hội-tham do Tổng-Thống cử, Tổng-Thống sẽ chỉ-định hội-tham khác thay thế trong hạn một tháng.

3.- Nếu là hội-tham do Quốc-hội cử, tùy sự khống

khuyết xảy ra trong thời-gian Quốc-hội họp hay nghỉ, Quốc-hội sẽ bầu ngay hoặc sẽ bầu trong tuần-lễ đầu của các khóa họp kế tiếp, thường hay bất thường, vị hội-tham khác để thay thế.

Các vị được cử thay thế chỉ nối tiếp phần nhiệm-kỳ còn lại của các vị tiền nhiệm mình.

Trên đây, người viết đã mô-tả Viện Bảo Hiến qua các nhiệm-vụ, cơ-cấu và nhân-sự của nó. Nhưng khi chánh-thực hành sứ-nhiệm-vụ, Viện Bảo Hiến phải tuân theo những thủ-tục nào? Đó là vấn-đề sẽ được đề-cập trong Tiết II.

## TIẾT II : THỦ-TỤC BẢO HIẾN .-

Thủ-tục áp-dụng tại Viện Bảo Hiến gồm có hai phần: trước hết là thủ-tục kiểm-soát hợp hiến tính các đạo luật sắc-luật và quy-tắc hành-chánh; sau đó là thủ-tục biểu-thị y-kiến về đề-nghị sửa đổi một điều khoản của Hiến-pháp do Quốc-hội giới-đến.

### ĐOẠN A : THỦ-TỤC TỔ-TỤNG KIỂM HIẾN .-

Theo luật số 007/60, thủ-tục kiểm hiến tại Viện Bảo Hiến có tánh-cách dung-hòa giữa dân-hu và hiệu-năng. Cho nên thủ-tục đó một mặt giúp mọi người có-thể sử-dụng tổ-quyền rộng-rãi, mặt khác lại giúp cho cơ-quan bảo hiến điều-hòa hoạt-động bằng cách đặt ra nhiều lần, gạt lọc các đơn xin phán quyết trước khi đưa ra xét xử.

#### lục 1 : Các phương-cách sử-dụng tổ quyền .-

Muốn khởi kiện, nguyên đơn có-thể dùng phương-cách khước-biên hoặc chánh tổ.

##### a)- Phương-cách khước-biên :

Phương-cách này có-thể áp-dụng trong một vụ kiện bất kỳ ở giai-đoạn nào, kể cả giai-đoạn phá án. Đơn khước biên phải nộp tại tòa-an đương tụng. Luật cũng minh thị rằng tòa-an đương tụng có-thể là tòa-an tu-pháp hoặc hành-chánh, thường hay đặc-biệt thuộc mọi cấp bậc. Nếu chấp nhận khước-biên hay không chấp nhận nhưng có sự khiếu nại của đương-sự, tòa-an đương tụng đều phải chuyển hồ-sơ đến Viện Bảo Hiến và đình hoãn vụ kiện cho tới khi nào có phán quyết của Viện Bảo Hiến.

##### b)- Phương-cách chính-tổ :

Khác với phương-cách khước-biên, phương-cách chính

tổ được dùng để kiện thẳng bản văn, bất hợp hiến, ra trước pháp đình. Một thể nhân hay một pháp nhân tu-pháp hoặc công-pháp đều có thể áp-dụng phương-cách chính tố.

Đơn chánh-tố phải nộp tại Tham-Chánh-Viện. Đặc-biệt chính Tham-Chánh-Viện cũng có quyền sử-dụng phương-cách này để xin Viện Bảo Hiến xét tính-cách hợp hiến của một đạo luật, sắc-luật hay quy-tắc hành chánh.

Với vai-trò tiền kiểm, Tham-Chánh-Viện có-thể từ khước nộp trình nếu đơn xin phán quyết không có lý-do chánh đáng, nhưng đương-sự có quyền khiếu nại và lúc đó Tham-Chánh-Viện phải chuyển hồ-sơ lên Viện Bảo Hiến.

## Mục 2 : Các giai-đoạn của vụ kiện .-

Một vụ kiện về kiểm hiến diễn tiến qua nhiều giai đoạn mà người viết xin tạm chia thành 4 giai-đoạn chính như sau: giai-đoạn khởi diễn, giai-đoạn xét đơn và thẩm cứu, giai-đoạn phán xử, giai-đoạn kết-thúc vụ kiện.

### a) - Giai-đoạn khởi diễn :

Vụ kiện bắt đầu bằng một đơn khước-biên hoặc chính tố. Đơn xin phán quyết phải viện dẫn lý-do và theo một thủ-tục chuyển đơn luật định.

1.- Luật không xác-định rõ phạm-vi của lý-do viện dẫn trong đơn xin phán quyết nên danh-tu 'lý-do' có một ý-nghĩa quá rộng-rãi, khác với chữ 'lợi ích' mà luật tố tụng thương dụng. Chỉ có tòa án đương tụng và Tham-Chính Viện mới có thẩm quyền xét định tính-cách chánh đáng của lý-do viện dẫn.

2.- Ngoại trừ pháp nhân công-pháp, thể nhân hoặc pháp nhân tu-pháp phải đóng một số tiền-dự phạt là 2000\$ tại tòa án đương tụng hay Tham-Chánh Viện tùy tụng trường-hợp.

Tòa-án đương tụng và Tham-Chánh-viện có một thời-hạn là 7 ngày kể từ ngày nhận đơn để quyết-định việc nộp trình đơn, ấy hay không lên Viện Bảo Hiến. Trong trường-hợp khước từ việc nộp trình vì xét đơn xin không có lý-do chánh đáng, tòa-án hay Tham-Chánh-Viện phải tổng đạt quyết-định này cho đương-sự trong thời hạn 7 ngày. Đây là một quyết-định thương vụ được biểu quyết theo đa số do thành-phần luật định của tòa-án đương tụng hay Tham-Chánh-Viện tùy tụng trường-hợp.

Trong trường-hợp tòa-án hay Tham-Chánh-Viện chấp nhận đơn xin phán quyết, hồ-sơ sẽ được chuyển đến Viện Bảo Hiến cũng trong thời hạn 7 ngày.

Tuy nhiên, nếu tòa-án hay Tham-Chánh-Viện từ khước nạp trình đơn xin phán quyết, đương-sự có một thời hạn là 7 ngày kể từ ngày nhận được quyết-định từ-khước để đăng ký đơn khiếu nại tại Phòng Lục-Sự hay Phòng Tổng-Thư-Ký của Tòa-án hay Tham-Chánh-Viện, nếu muốn. Sau khi đăng ký đơn khiếu-nại, trong thời hạn 7 ngày, tòa-án hay Tham-Chánh-Viện phải gửi hồ-sơ nội-vụ lên Viện Bảo Hiến.

b)- Giai-đoạn xét đơn và thẩm cứu :

Phòng Tổng-Thư-Ký đăng ký vào sổ đơn xin phán quyết hoặc khiếu nại và có 3 ngày để chuyển lên Chủ-tịch Viện Bảo Hiến. Nhưng trước khi đem ra phiên nhóm toàn Viện, vụ kiện phải trải qua một thủ-tục xét đơn và thẩm-cứu.

1.- Thủ-tục xét đơn do Ủy-ban Định-thẩm phụ-trách. Trong hạn 3 ngày sau khi nhận được đơn và hồ-sơ do Chủ-tịch Viện Bảo Hiến chuyển giao, Trưởng Ban Định-thẩm phải giao nội-vụ cho một hội-thẩm của Ủy-ban để cứu xét. Trong thời hạn 2 tháng sau đó, Trưởng-ban sẽ triệu-tập toàn thể Ủy-ban trong một phiên họp kín để nghe vi hội-thẩm phụ-trách thuyết-trình, thảo-luận và quyết-định về sự bác bỏ hay chấp nhận đơn xin. Sự quyết-định của Ủy-ban phải theo đa số tuyệt đối tức ít nhất phải có 3 thẩm chấp-thuận.

Quyết-định bác đơn của Ủy-ban Định-thẩm có tánh-cách chung quyết và được làm dưới hình-thức một bản án có viện dẫn lý-do. Quyết-định này sẽ được Phòng Tổng-Thư-Ký tùy trường-hợp tổng-đạt tới tòa-án sơ-quan hoặc Tham-Chánh-Viện và tới đương-sự trong thời-hạn 7 ngày. Lúc đó, số tiền dự phạt 2000\$ cũng bị tịch thu.

Trái lại, nếu đơn xin được Ủy-ban chấp-thuận, trong thời-hạn 3 ngày đơn và hồ-sơ sẽ được Phòng Tổng-Thư-Ký chuyển lên Chủ-tịch Viện Bảo Hiến để mở đầu cuộc thẩm cứu chính-thức. Trong trường-hợp này, số tiền dự phạt sẽ được hoàn lại cho đương-sự.

2.- Việc thẩm cứu các đơn xin phán quyết và khiếu nại hợp-lệ sẽ do một vi hội-thẩm ( khác với vi hội-thẩm thuyết-trình-viên trước Ủy-ban Định-thẩm ) được Chủ-tịch Viện Bảo Hiến chỉ-định phụ-trách. Sự chỉ-định này phải thực-hiện trong thời-hạn 3 ngày kể từ khi vi Chủ-tịch nhận được đơn và hồ-sơ do Phòng Tổng-Thư-Ký chuyển đến; Vi hội-thẩm phụ-trách ( cũng là thuyết-trình-viên ) phải lập bản thuyết-trình để lên Chủ-tịch trong thời hạn 2 tháng sau khi nhận lãnh hồ-sơ nội-vụ.

c)- Giai-đoạn phán xử :

Chủ-tịch sẽ thông-tri bản thuyết-trình và hồ-sơ

cho tất cả hội-thẩm Viện Bảo Hiến rõ sau khi nhận được. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày thông-tri, chủ-tịch sẽ ấn-định một phiên họp toàn Viện để thảo-luận dưới sự chủ-tòa và điều-khiển của chính mình.

Nếu trường-hợp chủ-tịch bị cản trở hoặc khiếm-khuyết, vị hội-thẩm niên trưởng sẽ tạm thời thay thế vị chủ-tịch.

Phiên nhóm chỉ họp lệ nếu có đủ sự hiện diện của ít nhất 6 hội-thẩm. Quyết-định của Viện về tính-cách bất hợp hiến của một đạo luật hay một sắc-luật phải được ít nhất 6 thẩm chấp-thuận; quyết-định về tính-cách bất hợp hiến của một quy-tắc hành-chánh phải được ít nhất 5 thẩm chấp thuân. Nếu thiếu định túc số trên, đơn xin phán-quyết coi như bị bác.

Điểm đáng lưu ý là việc phán xử này không có tính-cách công-khai nên không có sự hiện-diện của nguyên-đơn, bị-đơn và công-tố-viên. Do đó, thủ-tục kiểm hiện tại Viện Bảo Hiến có tính-cách hoàn-toàn but-ky và phi-tụng.

d) - Giai-doan kết-thúc vụ kiện :

Vụ kiện kết-thúc bằng một bản án tức quyết-định của Viện Bảo Hiến. Trong một bản án, sau phần viện dẫn, lý-do, Viện Bảo Hiến phải phán quyết rằng các điều khoản bị chỉ trích là hợp hiến hay không hợp hiến.

Bản án của Viện Bảo Hiến có hai điểm cần lưu ý :

1.- Bản án chỉ có hiệu-lực kể từ ngày được đăng vào công-bao. Thế-thực để đăng một bản án vào công-bao là phải chuyển bản án đó đến Phụ Tổng-Thống trong hạn 7 ngày kể từ khi Viện Bảo Hiến phán quyết, sau đó Phụ Tổng-Thống sẽ cho đăng vào công-bao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận được bản án.

Thế-thực này tạo nên một sự thắc-mắc là trong trường-hợp Tổng-Thống tự ý không đăng bản án của Viện Bảo Hiến vào công-bao thì sao ? Để trả lời câu hỏi này, các nhà lập-pháp có hai quan điểm trái ngược :

- Quan-diểm thứ nhất ( của Ủy-ban Tư-pháp Định-chế ) cho rằng cơ-quan hành-pháp có quyền xét định tính-cách hợp thời hay không hợp thời của một bản án nên tuy trường-hợp mà công-bố hay không công-bố. Tuy nhiên, đối với bản án có liên-hệ tới quyền-lợi cá-nhân của các đương-sự thì tòa-án đương-tung có thể tiếp-tục xử sau khi có phán-quyết của Viện Bảo Hiến nên đương-sự không hề bị thiệt-thòi vì cơ-quan hành-pháp không chịu đăng bản án đó vào công-bao.

- Quan-điểm thứ nhì ( của DB Phạm-Duy-Lân ) chủ-trọng việc đăng bản án của Viện Bảo Hiến vào công-báo phải hiểu như là một hành-vi bắt-buộc, vì bản án không có giá-trị thì không có nghĩa gì cả.

2.- Hiệu-lực của bản án Viện Bảo Hiến là định-chỉ sự thi-hành các điều khoản bất hợp hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh. Hiệu-lực định-chỉ hoàn-toàn khác biệt với hiệu-lực tiêu-hủy của bản án Tham-chánh-viện về sự kiểm soát hợp pháp tính của một quyết-định hành-chánh lúc bấy giờ; bản án tiêu-hủy của Tham-chánh-viện làm cho quyết-định hành-chánh bất hợp pháp bị coi như không hề có trong hệ-thống pháp-ly. Như vậy, bản án kiểm hiến của Viện Bảo Hiến có hiệu-lực không mạnh-mẽ bằng bản án kiểm pháp của Tham-chánh-viện. Cho nên đây là một điều rất đáng đĩ nghị riêng đối với các quy tắc hành-chánh vậy.

**ĐOẠN B : THỦ-TỤC BIỂU-THỊ Ý-KIỆN VỀ ĐỀ-NGHỊ SỬA ĐỔI HIẾN-PHÁP .-**

Thủ-tục này được du-liệu tại điều 29 luật số 007/60. Theo đó, có hai điểm đáng lưu ý: trước hết là sự tiếp-nhận và cứu xét đề-ngị, sau đó là cách chung quyết bản ý-kiến.

**Mục 1 : Việc tiếp nhận và cứu xét đề-ngị.-**

1.- Trong thời hạn 3 ngày sau khi tiếp nhận đề-ngị sửa đổi Hiến-pháp, Chủ-tịch Viện Bảo Hiến triệu-tập một phiên họp đặc-biệt toàn Viện với sự hiện-diện của ít nhất 6 hội-tham. Trong phiên nhóm, đầu tiên Chủ-tịch cao tri đề-ngị sửa đổi Hiến-pháp cho các vi hội-tham rõ, sau đó Viện sẽ bầu ra một Ủy-ban gồm có 3 hội-tham để nghiên cứu đề-ngị ấy.

2.- Ủy-ban Nghiên-cứu Đề-ngị có tối đa 20 ngày để cứu xét và chuẩn-bị thuyết-trình văn-đề khi Viện Bảo Hiến tại nhóm.

**Mục 2 : Cách chung quyết bản ý-kiến .-**

Đề-ngị sửa đổi Hiến-pháp được chánh-thức đem ra thảo-luận trong phiên nhóm đặc-biệt thứ nhì của Viện. Phiên nhóm này cách phiên nhóm trước trong vòng 20 ngày và cũng phải có ít nhất 6 hội-tham hiện-diện. Đầu tiên là Ủy-ban Nghiên-cứu thuyết-trình văn-đề, sau đó toàn Viện sẽ thảo-luận để đi đến một sự quyết-định.

2.- Quyết-định của Viện Bảo Hiến được soạn-thảo dưới hình-thức một bản ý-kiến và phải được ít nhất 6

thăm chấp-thuận. Thiếu định túc-số này, Chủ-tịch phải lập biên-ban ghi rõ ý-kiến của đa số và của thiểu số.

Trong thời-hạn 3 ngày sau khi có quyết-định, tùy trường-hợp, Chủ-tịch sẽ chuyển sang Quốc-hội bàn ý-kiến hay biên-ban và gọi một ban sao văn-kiện này lên Phủ Tổng-Thống.

oOo

Trên đây, người nghiên-cứu vừa lược khảo xong các khía cạnh của giai-pháp bảo hiến nền Đệ Nhất Cộng-Hòa. Trên nguyên-tắc, với tờ quyền rông-rải trên tay, người dân có thể thực-hiện chủ-trương đòi-lập để chông lại các hành-vi của các cơ-quan công quyền. Tuy nhiên, trong thực-tế, mãi đến ngày 23-12-1960 luật số 007/60 mới ra đời để quy-định việc tổ-chức và điều-hành Viện Bảo Hiến. Ngoài ra, cho đến ngày 24-11-1961 Hành-pháp mới bổ-nhiệm vị Tổng-Thư-Ký đầu tiên ( sắc-lệnh số 228-TTP ) để trông coi việc điều-hành nội-bộ, ngày 16-6-1962 mới bổ-nhiệm vị chủ-tịch đầu-tiên ( sắc-lệnh số 127-TTP ) và ngày 19-7-1962 mới bổ-nhiệm thành-phần hội-tham ( sắc-lệnh số 155-TTP ). Xem vậy, Viện Bảo Hiến phải mất đến 6 năm kể từ ngày ban hành Hiến-pháp 1956 mới được tổ-chức tương-đối đầy-đủ. Thời-gian còn lại từ 19-7-1962 đến ngày Hiến pháp 1956 bị ngưng áp-dụng ( 1-11-1963 ) chỉ vón vẹn hơn một năm không đủ để cho định-chế này trưởng thành. Trong khoảng thời-gian ngắn ngủi đó, ngoài vài dịp biểu thị ý-kiến về đề-nghị sửa đổi Hiến-pháp, Viện Bảo Hiến đã hoàn-toàn không hoạt-động vì không có một vụ kiện xin kiểm hiến nào xảy ra.

Hiến-pháp ngày 1-4-1967 của nền Đệ Nhị Cộng-Hòa đã trừ liệu một giai-pháp bảo hiến khác biệt với Hiến-pháp Đệ Nhất Cộng-Hòa. Với giai-pháp này, ngoài các tài liệu về pháp-lý, chúng ta lại còn có dịp học hỏi thêm qua các quan-diểm của an-lệ và học-lý.

-+++++-



## Chương hai

# GIẢI-PHÁP BẢO HIẾN DƯ-LIỆU TRONG HIẾN-PHÁP NGÀY 1-4-1967

Một trong những điểm đặc-sắc của Hiến-pháp ngày 1-4-1967 là đã dư-liệu việc thành-lập Tối-Cao Pháp-Viện.

Đình-chế Tối-Cao Pháp-Viện có vẻ như quen thuộc, trong lịch-sử pháp-chế Việt-nam, vì nó có lần được thành lập do Dự số 4 ngày 18-10-1949. Tuy nhiên, Tối-Cao Pháp-Viện năm 1949 chỉ nhằm thỏa-mãn vấn-đề tổ-chức gương may quốc-gia trong giai-đoạn sơ khai, không đặt trên một căn-ban pháp-ly vững-chắc và đã bị bãi bỏ vào năm 1954 trước sự thành-lập Tòa Phá-an ( Dự số 27 ngày 2-9-1954 ) và Tham-chánh-viện ( Dự số 38 ngày 9-11-1954 ). Với Hiến pháp 1967, Tối-Cao Pháp-Viện ngoài thẩm-quyền của một cơ quan tài-phán tối-cao như Tối-cao Pháp-viện 1949, còn được trao thêm quyền quản-trị ngành Tư-pháp và đặc-biệt như là quyền bảo hiến.

Trong luật đối-chiếu, việc trao thẩm-quyền bảo hiến cho Tối-cao Pháp-viện tại Việt-nam tương-tự như trường-hợp của Tối-cao Pháp-viện Hoa-kỳ. Tuy nhiên, tương căn-nhập mạnh-ràng hai cơ-chế đó áp-dụng các thủ-tục bảo hiến hoàn-toàn khác-biệt.

Tại Hoa-kỳ, thủ-tục kiểm-hiến luôn luôn được thể-hiện bằng phương-cách khước-biên và do chính các tòa-án đương-tung các cấp xử sơ-thẩm. Tối-cao Pháp-viện chỉ xử phúc-thẩm về pháp-ly và sự kiện ( law and fact ) khi có sự kháng cáo, ngoại trừ các trường-hợp liên-hệ đến các đại-sứ, các bộ-trưởng và các lãnh-sự hay tới một tiểu-bang, Tối-cao Pháp-viện mới có quyền nguyên-thủy ( original jurisdiction ) ( điều 3 mục 2 Hiến-pháp 1787 ).

Trái lại, Tối-cao Pháp-viện Việt-nam là cơ-quan có thẩm-quyền chuyên-độc về bảo hiến, thủ-tục kiểm-hiến vừa được thể-hiện bằng phương-cách khước-biên vừa bằng phương-cách chánh-tố. Cho nên riêng về nhiệm-vụ bảo hiến, Tối-cao Pháp-viện Việt-nam giống như một tòa-án đặc-thẩm - kiểu Viện Bảo Hiến Đệ Nhứt Cộng-Hoa - chứ không giống Tối-cao Pháp-viện Hoa-Kỳ.

Riêng về phương-diện tổ-chức guồng máy quốc-gia, Hiến-pháp 1967 - theo khuôn mẫu của Hiến-pháp Hoa-kỳ - ủy quyền Tư-pháp độc-lập cho Tối-cao Pháp-viện. Do đó, Tối-cao Pháp-viện là một trong ba cột trụ của thể tam phân, quyền lực và nhiệm-vụ quốc-gia ( Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp). Nhờ vị-trí đặc-biệt đó của Tối-cao Pháp-viện nên trên nguyên-tắc, vấn-đề bảo hiến trong nền Đệ Nhị Cộng-hòa có một ảnh-hưởng rất quan-trọng đối với hoạt-động của cơ-quan lập-pháp và hành-pháp.

Trong Chương này, để tìm hiểu Hiến-pháp Đệ Nhị Cộng hòa, người viết sẽ nghiên-cứu cơ-quan bảo hiến trước ( Tiết I ) và thu-tục bảo hiến sau ( Tiết II ).

oOo

### **TIẾT I : CƠ-QUAN BẢO HIẾN .-**

Tiết này sẽ tìm hiểu Tối-cao Pháp-viện lần-lượt trong ba đoạn: nhiệm-vụ và thẩm-quyền, tổ-chức và điều-hành, quy-chế tham-phán.

#### **ĐOẠN A : NHIỆM-VỤ VÀ THẨM-QUYỀN .-**

Nhiệm-vụ và thẩm-quyền của Tối-cao Pháp-viện được minh-thị tại điều 76 và 81 Hiến-pháp, sau được đạo luật số 007/68 ngày 3-9-1968 nhắc lại tại điều 2. Theo đó, Tối-cao Pháp-viện ngoài nhiệm-vụ của một cơ-quan lãnh-đạo, ngành Tư-pháp, còn có nhiệm-vụ của một cơ-quan tài-phán.

Với tư-cách một cơ-quan tài-phán, Tối-cao Pháp-viện có hai loại thẩm-quyền :

- Thẩm-quyền tài-phán tư-pháp :

(1) Kiểm-soát hợp pháp tính các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh;

(2) Phán-quyết về các vụ thượng tố các bản án chung thẩm của mọi tòa-án không phán biệt;

(3) Phán quyết về các đơn xin tái thẩm;

(4) Phân định thẩm-quyền giữa các cơ-quan tài-phán cấp dưới.

- Thẩm-quyền bảo hiến :

(1) Giải-thích hiến-pháp;

(2) Kiểm-soát hợp hiến tính các đạo luật, sắc-luật, sắc-lệnh và quyết-định hành-chánh;

(3) Phán quyết về việc giải-tán một chánh đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chánh-thể Cộng-hòa.

Thẩm-quyền bảo hiến là đối-tượng nghiên-cứu của đoạn này.

Mục 1 : Thẩm-quyền giải-thích Hiến-pháp .-

Đây là một thẩm-quyền có tính-cách mới-mẻ của cơ-quan bảo hiến Đệ-nhi Cộng-hòa vì Viện Bảo Hiến của nền Đệ Nhứt Cộng-hòa không có quyền này. Tại sao phải đặt vấn đề giải-thích hiến-pháp và sự giải-thích hiến-pháp xảy ra trong những trường-hợp nào ?

a)- Lý-do của sự giải-thích hiến-pháp :

Sở dĩ có vấn-đề giải-thích hiến-pháp là vì Hiến-pháp thường là một bản văn rất tổng-quat, không thể nào dự-liệu hết mọi trường-hợp xảy ra để minh thị sẵn-sang các đường lối giải-quyết. Do đó, trong khi thi hành, có thể cơ-quan lập-pháp hiệu Hiến-pháp cách này, cơ-quan hành-pháp hiệu Hiến-pháp cách khác mà tạo thành sự bất đồng quan điểm hay tranh-trong hơn là sự tranh-chấp quyền hành. Sự kiện đó cũng có thể xảy ra giữa hai Viện Quốc-hội hoặc giữa các phe nhóm đối-lập trong mỗi Viện. Trong các trường-hợp như thế, nếu không trao quyền giải-thích hiến-pháp cho một cơ-quan trọng-tại thì những rắc-rối thật khó giải-quyết.

Trong luật đối chiếu, tại Liên-bang Tây-Đức, Tòa-án Bảo-hiến cũng có một thẩm quyền tương-tự là phạt-biểu y-kien về một vấn-đề thuộc luật hiến-pháp; tại Senegal, Tối-cao Pháp-viện còn đi xa hơn nữa là được trao hẳn thẩm-quyền phán-xử những vụ tranh-chấp giữa cơ-quan lập-pháp và hành-pháp.

b)- Các trường-hợp giải-thích hiến-pháp :

Với mục-dịch hóa giải các sự bất đồng và tương-tranh xảy ra giữa các Viện Quốc-hội hoặc giữa các khối đối-lập trong mỗi Viện hoặc giữa Hành-pháp và Lập-pháp, Tối-cao Pháp-viện Việt-nam chỉ giải-thích hiến-pháp khi có sự yêu-cau của Tổng-Thống, Chủ-tịch Thượng Nghị Viện, Chủ-tịch Hạ Nghị Viện, 1/3 tổng-số nghị-sĩ hoặc 1/3 tổng-số dân-biểu. Qua các án-lệ bảo hiến, người ta ghi nhận các trường-hợp giải-thích hiến-pháp xảy ra sau đây :

- 1.Theo luật ngày 12-3-1951 ấn-định sự tổ-chức và điều-hành của Tòa Bảo hiến Tây Đức.
- 2.Theo Hiến-pháp ngày 3-3-1963 của Sénégal.

1.- Trường-hợp có sự bất đồng giữa hai Viện Quốc-hội: An-lệ điển hình là vụ Chủ-tịch Thượng-Nghị-Viện yêu-cầu Tối-cao Pháp-viện giải-thích điều 39 khoản 3 HP :

Nhận một thông-diệp của Tổng-Thống xin Quốc-hội chấp-thuận việc Chanh-phủ tham-dự Hòa-dam Ba-lê, Thượng-Nghị-Viện cho rằng thủ-tục biểu quyết việc này là hai Viện họp riêng, con Hạ-Nghị-Viện thì chủ-trương sự biểu quyết phải do một phiên họp khoáng đại lưỡng viện. Tối-cao Pháp-viện đã giải-thích theo quan-điểm của Hạ-Nghị-Viện ( Phan-quyết ngày 6-12-1968 ).

2.- Trường-hợp có sự tranh-chấp giữa các nhóm đối-lập trong Quốc-hội: An-lệ điển-hình là vụ 46 dân-biểu yêu-cầu Tối-cao Pháp-viện giải-thích điều 37 khoản 2 HP:

Nhận một vụ truy-tố dân-biểu phạm-pháp, nhóm dân-biểu thân Hành-pháp quan-niệm chỉ cần lấy đủ chữ ký của 3/4 tổng-số dân-biểu là hợp-lệ, trái lại, nhóm đối-lập, thì cho rằng túc-số đó phải là kết-qua của một cuộc thảo-luận và biểu quyết trong một phiên họp khoáng đại của Viện sơ quan. Tối-cao Pháp-viện đã giải-thích theo quan-điểm của nhóm dân-biểu đối-lập ( PQ ngày 24-3-1970 ).

3.- Trường-hợp có sự bất đồng quan-điểm giữa Lập-pháp và Hành-pháp: An-lệ điển-hình là vụ 22 nghị-sĩ yêu-cầu Tối-cao Pháp-viện giải-thích điều 46 Hiến-pháp :

Nhận một trường-hợp Tổng-Thống yêu-cầu Quốc-hội phục nghị dự luật về ngân-sách, Quốc-hội quan-niệm rằng Hiến-pháp không cho phép Tổng-Thống có quyền này trong khi Hành-pháp cương-quyết giữ lập-trương trái lại. Tối-cao Pháp-viện đã giải-thích theo quan-điểm của Hành-pháp nhưng đặt thêm điều-kiện là Tổng-Thống chỉ tự ý yêu-cầu Quốc-hội phục-nghị đối với một hay nhiều Chương Mục thuộc Hành-pháp và phải có lời yêu-cầu của các quyền độc-lập khác đối với các Chương Mục Ngân-sách thuộc các quyền này ( Phan-quyết ngày 31-1-1969 ).

4.- Trường-hợp không có sự tranh-chấp:

Ba loại trường-hợp được ghi nhận trên có tánh-cách thường xảy ra, nhất là trường-hợp có sự xung khắc giữa lập-pháp và Hành-pháp. Trên bình-diện lý-thuyết, cũng như trên thực-tế, có thể có những trường-hợp lập-pháp hay Hành-pháp yêu-cầu Tối-cao Pháp-viện giải-thích những điều khoản hay tinh-thần của Hiến-pháp trong mục-dịch tranh mọi sự vi hiến hoặc khai thông các bế-tắc về pháp-ly. An-lệ điển-hình thuộc các trường-hợp này là vụ Thượng-Nghị-Viện yêu-cầu Tối-cao Pháp-viện giải-thích để khai thông bế-tắc liên-hệ đến điều 43 và 46 Hiến-pháp như sau :

Theo điều 46 khoản 3 Hiến-pháp, Hạ-Nghi-Viện phải chuyển bản dự thảo ngân-sách sau khi biểu quyết, đến Thượng Nghị Viện chậm nhất là ngày 1-12 mỗi năm; thế mà trong năm 1972 Thượng-Nghi-Viện lại nhận được bản dự thảo ngân-sách do Hạ Nghị Viện chuyển đến vào ngày 24-12. Vậy Thượng-Nghi Viện phải giải quyết thế nào trong khi điều 46 khoản 4 Hiến-pháp buộc Thượng Nghị Viện phải biểu quyết dự thảo ngân-sách xong trước ngày 31-12 ? Để khai thông bế-tắc, Tối-cao Pháp-viện đã đưa ra giải-pháp là Thượng - Nghị Viện nên áp-dụng thủ-tục lập-pháp thông thường dự - liệu nơi điều 43 Hiến-pháp vì dù sao ngày 24-12 vẫn còn nằm trong thời hạn hiến định để Thượng Nghị Viện thảo - luận và biểu quyết ( PQ ngày 30-12-1971 ).

Mục 2 : Thẩm-quyền kiểm hiến .-

Trong vai-trò kiểm hiến, Tối-cao Pháp-viện có quyền phán quyết về tính-cách hợp hiến hay bất hợp hiến các bản văn lập-pháp và hành-chánh.

a) - Các văn-kiện lập-pháp:

Các văn-kiện lập-pháp gồm có các đạo luật và sắc-luật:

1.- Các đạo luật là các bản văn do Quốc-hội biểu-quyết và Tổng-Thống ban hành. Thủ-tục này được dự liệu tại điều 39 và 44 Hiến-pháp 1967.

2.- Các sắc-luật được xếp vào loại các văn-kiện lập pháp nhưng quyền soạn thảo và ban hành thuộc cơ-quan Hành pháp. Các sắc-luật được coi là còn hiệu-lực và đặt dưới quyền kiểm-soát của Tối-cao Pháp-viện gồm có :

- Các sắc-luật do Tổng-Thống Đê Nhứt Cộng-Hòa ký trong khuôn khổ thi hành Hiến-pháp 1956;

- Các sắc-luật xuất hiện trong giai-đoạn không có Quốc-hội Lập-Pháp tức giai-đoạn từ 1-11-1963 đến 1-4-67;

- Các sắc-luật do Tổng-Thống Đệ Nhị Cộng-Hòa ký trong khuôn khổ thi hành bản Hiến-pháp 1967 và Luật uy-quyền số 005/72 ngày 28-6-1972.

Theo Hiến-pháp 1967, Tổng-Thống được quyền ký sắc-luật trong các trường-hợp sau đây:

- Trường-hợp tuyên-bố tình-trạng báo động, giới-nghiêm hay khan trương trên một phần hay toàn lãnh-thổ ( điều 64 Hiến-pháp );

- Trường-hợp thi hành từng phần ngân-sách ( tương-

duong với 1/12 ngân-sách thuộc tài-khoá trước ) khi Quốc hội không chung quyết xong dự thảo ngân-sách trước ngày 31 tháng 12 ( điều 46 Hiến-pháp );

- Trường-hợp Quốc-hội ủy quyền cho Tổng-Thống. Riêng trường-hợp này ta không thấy Hiến-pháp 1967 dự liệu nhưng trên thực-tế, lần đầu tiên Quốc-hội đã biểu quyết đạo luật số 005/72 ngày 28-6-1972, như đã dẫn, để ủy quyền cho Tổng-Thống cai-tri bằng sắc-luật trong các lãnh-vực an-ninh, quốc-phong, kinh-tế và tài-chánh trong thời hạn 6 tháng. Đạo luật ủy quyền này thoát đầu đã bị một số dư luận chống đối nhưng chưa có ai đặt vấn-đề yêu-cầu Tối-cao Pháp-viện kiểm-soát sự hợp hiến tính của nó nên ta tạm xem Hiến-pháp 1967 vẫn chấp nhận trường-hợp này.

#### b)- Các văn-kiện hành-chánh :

Các văn-kiện hành-chánh gồm có các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh. Nói chung, đây là các văn-kiện do các cơ-quan hành-chá nh đơn phương lập ra và có tính-cách chấp hành tức có hiệu-lực bắt buộc phải được tuân hà nh ngay. Về danh hiệu các văn-kiện hành-chánh, có những điểm đáng lưu ý sau đây :

1.- Sắc-lệnh là văn-kiện hành-chánh cao hơn hết, rồi mới đến nghị-định, quyết-định, sau hết là các văn-kiện mang các tên khác như: thông-tu, thông-cáo, thông-tri,...

Theo thể-lệ hiện hành, Tổng-Thống, Thủ-Tướng có quyền ký đến sắc-lệnh ( Chu-tịch Tối-cao Pháp-viện và Chu-tịch Giám-sát-viện cũng có quyền tương-tự này ); các tổng-trưởng, bộ-trưởng, thu-trưởng, đô-trưởng có quyền ký đến nghị-định; sau hết là các nhà hữu-trách hành-chánh cấp dưới thường ký các văn-kiện không mang một danh hiệu chánh-thực nào cả.

Danh hiệu không quan-trọng bằng chức-vụ của người ban hành văn-kiện. Một nhà hữu trách cấp dưới không thể đưa ra một văn-kiện trái với một văn-kiện của cấp trên. Thí dụ: thông-tu của Tổng-Thống đương nhiên ở cấp cao hơn các nghị-định của Thủ-Tướng, các Tổng-Trưởng,...

2.- Trên khía cạnh học-lý, danh-từ 'quyết-định hành-chánh' được coi bạo gồm tất-cả các hành vi hành-chánh có đủ hai đặc-tính đã nói: đơn-phương và chấp-hành tức có thể gồm các văn-kiện mang đủ mọi danh hiệu: sắc-lệnh, nghị-định, quyết-định, thông-tu, ... Chính vì thế mà GS. Nguyễn-Khắc-Nhan đã cho rằng có sự trùng dụng trong cách hành văn của điều 81 Hiến-pháp và một vài điều khoản của luật số 007/68 khi các nhà lập hiến và lập-pháp phân biệt các hành-vi hành-chánh thành các sắc-lệnh, nghị

định và quyết-định hành-chánh<sup>1</sup>.

Mục 3 : Thẩm-quyền giải-tán chánh đảng .-

Thẩm-quyền giải-tán một chánh đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chánh-thể Cộng-hoa được xem thuộc nhiệm-vụ bảo hiến, vì chống chánh-thể Cộng-hoa là vi-phạm điều 1 Hiến-pháp : 'Việt-nam là một nước Cộng-hoa..' và điều 25 Hiến-pháp: 'Mọi công-dân đều có nghĩa-vụ bảo-vệ tổ-Quốc và chánh-thể Cộng-hoa'.

a)- Khái-niệm vi hiến :

Khái-niệm vi hiến của một chánh đảng để đi đến việc bị giải-tán phải hội đủ hai yếu-tố: (1) chủ-trương và (2) hành-động chống lại chánh-thể Cộng-hoa. Như vậy, một chánh đảng chỉ mới có chủ-trương vi hiến mà chưa có hành-động vi hiến thì chưa có-thể bị Tối-cao Pháp-viện giải-tán.

Theo luật số 009/69 ngày 19-6-1969 ấn-định quy-chế chánh đảng, Bộ Nội-vụ có quyền từ-chối việc cấp phai lai nếu viên đân được chánh đảng có chủ-trương và mục-đích chống lại chánh-thể công-hoa. Luật cũng cho phép người đứng khai thành-lập chánh đảng quyền khởi tố trước Tối-cao Pháp-viện để xin tiêu-hủy quyết-định trên của Bộ Nội vụ. Như vậy cơ-quan hành-chánh đã có quyền tiền kiểm về chủ-trương của chánh đảng ngay lúc khai báo thành-lập và Tối-cao Pháp-viện hậu kiểm quyền từ chối không cấp phai lai của Bộ Nội-vụ nếu có.

Do đó, một chánh đảng đang hoạt-động chỉ có-thể bị giải-tán trong hai trường-hợp sau đây :

1.- Chánh đảng có hành-động vi hiến và chủ-trương vi hiến có ghi trong đảng quy nhưng Bộ Nội-vụ đã không kiểm-soát thấy nên đã cấp phai-lai và nghị-định hợp thực hóa việc thành-lập.

2.- Chánh đảng đó có hành-động vi hiến nhưng chủ-trương ghi trong đảng quy hoàn-toàn hợp hiến nên đã được Bộ Nội-vụ cấp phai-lai và nghị-định hợp thực hóa việc thành-lập hoặc khi không được cấp phai lai nhưng đã được Tối-cao Pháp-viện phán-quyết tiêu-hủy quyết-định bác khước của Bộ Nội-vụ. Trong trường-hợp này, theo Gs. Nguyễn Quang Quỳnh, chánh đảng chỉ bị giải-tán nếu Tối-cao Pháp-

---

1. Nguyễn-Khắc-Nhân, Luật Hành-Chánh, Giảng-Văn Ban Đốc-Sự (Sài-gòn: Trường Quốc-Gia Hành-Chánh, 1973)

viện phật-giác được chủ-trương thăm kín và thực-sự của chánh đảng; chủ-trương này có-thể biểu-lộ qua hành-động của các đảng viên.

b)- Thế nào là chống lại chánh-thể cộng-hòa ?

Cũng theo Gs. Nguyễn-Quang-Quyển<sup>1</sup>, điều 1 Hiến-pháp minh thị: 'Việt-nam là một nước cộng-hòa, độc-lập, thống-nhất, lãnh-thổ bất khả phân' nên chống chánh-thể cộng-hòa có nghĩa là :

1.- Chánh đảng có hành vi xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ hay nền độc-lập của quốc-gia. Chẳng hạn một chánh đảng chủ-trương chia cắt đất nước hay làm tay sai cho ngoại bang để mưu đồ bán nước.

2.- Chánh đảng có hành vi xâm phạm hay làm nguy hại sự hiện sinh của nền cộng-hòa. Chẳng hạn một chánh đảng chủ-trương tái lập nền quân-chủ hay thiết-lập một chánh-thể độc-tại, phát-xít.

Trong luật đối chiếu, ta thấy tại Tây-Đức, một chánh đảng có-thể bị giải-tán nếu 'làm nguy hại sự hiện sinh của nền Cộng-hòa Liên-bang hoặc xâm-phạm hay đảo thái nền trật tự dân-chủ tự-do do Hiến-pháp thiết-lập', ( điều 21 khoản 1 Hiến-pháp 1955 ). Căn-cứ vào điều khoản này, Tòa-án Bảo-hiến Tây-Đức vào năm 1959 đã giải tán đảng Tân Quốc-Xã Đức và Công-Sản Đức. Tại Việt-nam, chưa có án-lệ về giải-tán chánh đảng .

Trên đây ta đã xét những thẩm-quyền của Tối-cao Pháp-viện trong nhiệm-vụ một cơ-quan bảo hiến. Trong đoạn kế tiếp, ta sẽ tìm hiểu sự tổ-chức và điều-hành của định-chế này.

ĐOẠN B : TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH .-

Tối-cao Pháp-viện gồm có các cơ-quan đầu não do các thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện phụ-trách và các cơ-quan hành chánh phụ-trợ. Sự tổ-chức và điều-hành Tối-cao Pháp-viện được dự liệu tại điều 80 Hiến-pháp - vừa được tu chỉnh bởi đạo luật số 001/74 ngày 22-1-1974 - và được thi hành bởi luật số 007/68 ngày 3-9-1968.

Mục 1 : Các cơ-quan đầu não .-

---

1. Nguyễn-Quang-Quyển, "Thẩm-Quyền của T.C.P.V.," Nghiên-Cứu Hành-Chánh, số 4/1969, tr. 41-42.



a) - Thành-phần nhân-sự :

1.- Thoạt tiên, điều 80 khoản 1 Hiến-pháp dự-liệu nhân-số thăm-phần T.C.P.V. gồm từ 9 đến 15 thăm-phần, điều 4 luật số 007/68 đã minh thị T.C.P.V. gồm 15 thăm-phần; tuy nhiên trong giai-đoạn mới thành-lập, T.C.P.V. chỉ gồm có 9 thăm-phần, để bổ-túc nhân-số cho đủ 15, giữa năm thứ ba nhiệm-kỳ đầu tiên của các thăm-phần T.C.P.V., sẽ có một cuộc bầu cử và tuyển chọn thêm 6 thăm-phần.

Thi-hành điều 4 luật số 007/68, giữa năm thứ ba của nhiệm-kỳ thăm-phần T.C.P.V. đầu tiên ( 1968-1974 ), Hội-Đồng Bầu-Cử Thăm-Phan T.C.P.V. đã phổ-biên thông-tụ số 1 ngày 6-4-1967 để tổ-chức tuyển chọn thêm 6 thăm-phần T.C.P.V. Nhưng thông-tụ này bị phản-quyết ngay 20-4-1971 của T.C.P.V. tuyên-bố bất hợp hiến vì tuyển chọn 6 thăm-phần T.C.P.V. trên một danh sách 30 ứng tuyển viên là làm sai lạc 'tỷ-số hiến định' ( theo T.C.P.V., tỷ-số hiến định là từ 9 đến 15 thăm-phần T.C.P.V. được bầu trên một danh-sách 30 ứng tuyển viên ) và cũng bất hợp pháp vì không có một đạo luật nào ủy quyền cho Hội-Đồng Bầu-Cử ban bố thông-tụ đó. Hậu-quả của cuộc khủng hoảng này là T.C.P.V. không thể thực hiện đủ 15 thăm-phần trong nhiệm-kỳ I như luật số 007/68 quy định và cuối cùng luật số 010/71 ngày 29-6-1971 đã ấn-định lại nhân số T.C.P.V. như sau: trong nhiệm kỳ đầu T.C.P.V. chỉ có 9 thăm-phần, từ nhiệm-kỳ II trở đi mới gồm đủ 15 thăm-phần.

Tuy nhiên, với nhận định rằng T.C.P.V. gồm 9 thăm-phần là đã thích-hợp, đủ để quản-tri hữu-hiệu ngành Tư-pháp như thực-tế đã chứng nghiệm trong thời-gian qua, ngày 19-1-1974 lưỡng viện Quốc-hội đã biểu quyết luật số 001/74 ngày 22-1-1974 tu chính rằng 'T.C.P.V. gồm 9 thăm-phần'. Tương cũng cần nhắc lại quyết-định này đã phù hợp với chủ-trương của Thượng Nghị Viện trong khi biểu quyết luật số 007/68<sup>2</sup>.

2.- Cách tuyển chọn thăm-phần T.C.P.V. rất phức-tạp nên cũng đã được luật số 001/74 tu chính.

Theo phương-thức cũ, muốn ứng cử thăm-phần T.C.P.V., các thăm-phần xu an, công-tố và luật-sự phải hội đủ các điều-kiện luật định và phải qua một cuộc bầu cử sơ tuyển để trở thành ứng tuyển viên. Cuộc bầu cử được chia thành hai cấp như sau :

---

1.Theo phúc-trình của Ủy-Ban Lưỡng Viện Quốc-Hội Nghiên-Cứu Về-Nghị Tu-Chính Hiến-Pháp ( ngày 13-1-1974 ).

2.Biên-Jản T.N.V. số 53 ngày 18-7-1968.

- Trước hết, thăm-phần đoàn, công-tổ đoàn và luật-sự đoàn, mỗi ngành bầu 50 cử-tri mà người ta thường gọi là 'cử-tri đề nghị cấp' theo thế-thức liên danh đa số ( 10 người mỗi liên danh ). Mỗi thăm-phần hay luật-sự có quyền chọn tối đa 5 liên danh; 5 liên danh có nhiều phiếu nhất của mỗi đoàn sẽ được đặc cử vào cử-tri đoàn để bầu ứng tuyển viên thăm-phần T.C.P.V.

- Sau đó, cử-tri đoàn ( tổng số 150 người ) sẽ bầu ứng tuyển viên theo thế-thức đơn danh hợp tuyển. Mỗi cử-tri đề nghị cấp được quyền chọn tối đa 30 ứng tuyển viên, tuy nhiên chỉ được bầu tối đa 10 ứng tuyển viên cho mỗi thành-phần. Các ứng cử viên được nhiều phiếu nhất thuộc mỗi thành-phần sẽ đặc cử ứng tuyển viên thăm-phần T.C.P.V.

Sau cuộc bầu cử sơ tuyển này, danh sách 30 ứng tuyển viên đặc cử được Hội-Đông Bầu-Cử chuyển đến Văn-Phòng hai Viện Quốc-hội. Văn-phòng phải thông-tri danh sách này cho các nghị-sĩ và dân-biểu 3 ngày trước phiên họp khoáng đại lưỡng Viện. Quốc-hội sẽ họp kín để tuyển chọn các thăm-phần T.C.P.V. trên danh sách 30 ứng tuyển viên đặc-cử.

Sau hết, Chủ-tịch Thượng-Nghị-Viện sẽ chuyển danh-sách các thăm-phần T.C.P.V. đặc-cử đến Tổng-Thống để Tổng-Thống bổ-nhiệm.

Phương-thức tuyển chọn trên đã có nhiều khuyết điểm phương hại trầm-trọng đến việc quản-trị ngành Tự-pháp nên đã phát-sinh nhu cầu tu chỉnh. Theo nhận-xét Ủy-Ban Lương-Viện Quốc-Hội Nghiên-Cứu Đề-Nghị Tu-Chỉnh Hiến-Pháp thì các khuyết điểm đó là :

- Các thăm-phần T.C.P.V. đã chịu một sự lệ thuộc vào các thăm-phần cấp dưới nên đã làm mất đi phần lớn sự vô tư cần-thiết của ngành thăm-phần, do phát sinh tệ-trạng phe phái bạo chế ngay cả những lỗi lầm trầm-trọng của những thăm-phần cấp dưới như sự há làm quyền hành, tham-nhũng, v.v...; Do đó, tôn ty trật-tự trong ngành thăm-phần ngày càng xáo trộn.

- Chưa bảo đảm được và chưa làm nổi bật được khả năng chuyên môn cũng như kinh nghiệm nghề-nghiệp của các thăm-phần T.C.P.V.

- Thành-phần thăm-phần gồm có cả các luật-sự mà do ở bản chất phóng khoáng của nghề-nghiệp nên không mấy thích hợp với vai-trò và nhiệm-vụ của một thăm-phần TCPV.

Vì vậy, điều 80 khoản 1 ( mới ) Hiến-pháp do luật số 001/74 tu chỉnh đã ấn-định phương thức Quốc-hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ-nhiệm thăm-phần T.C.P.V.,

căn-cứ trên một danh-sách do Tối-cao Pháp-viện và Bộ Tư-pháp thiết-lập gồm những thẩm-phán ở trong ngạch thẩm-phán xử án hay thẩm-phán công-tố các tòa sơ thẩm và thượng thẩm hoặc ngạch thẩm-phán hành-chánh ít nhất 15 năm và từ cấp bậc hội-thẩm và tham-ly tòa thượng thẩm hoặc có-văn hạng nhì Tham-chánh-viện trở lên.

3.- Nhiệm-kỳ của thẩm phán T.C.P.V. là 6 năm. Luật số 007/68 chủ-trương một sự thay thế luân phiên nhân số thẩm-phán từng ba năm một: sau 3 năm của nhiệm-kỳ đầu, sẽ tuyển chọn 6 thẩm phán để bổ-túc cho đủ con số 15, rồi cứ sau những 3 năm kế tiếp sẽ tuyển chọn 9 hoặc 6 thẩm-phán tùy trường-hợp để thay thế những thẩm-phán mãn nhiệm. Tuy nhiên chủ-trương này đã bị luật số 010/71, ngày 29-6-1971 sửa đổi sau cuộc 'khủng hoảng nhân-số' của T.C.P.V. bằng cách sau nhiệm-kỳ 6 năm toàn thể thẩm-phán tối cao đều được thay thế cùng một lượt.

Sự thay thế toàn phần thẩm-phán T.C.P.V. không giữ được một sự liên tục, không tạo được điều-kiện cho sự tiến bộ hậu giúp đỡ an-lệ T.C.P.V. ngay một thêm phòng phụ. Đó là lý-do khiến đạo luật tu chính ấn-định lại là cứ 2 năm Quốc-hội sẽ tuyển chọn và Tổng-Thống sẽ bổ-nhiệm lại 1/3 tổng số thẩm-phán T.C.P.V.

Đạo luật tu chính cũng ấn định rõ các thẩm-phán T.C.P.V. đương nhiệm ( 1968-1974 ) sẽ mãn nhiệm-kỳ vào ngày 22-10-1974. Trong nhiệm-kỳ đầu tiên áp-dụng thể-thực tuyển chọn mới, các thẩm-phán T.C.P.V. sẽ được chia thành 3 nhóm đều nhau theo thể-thực rút thăm: nhóm I có nhiệm-kỳ 2 năm, nhóm II có nhiệm-kỳ 4 năm và nhóm III có nhiệm-kỳ 6 năm.

b)- Cơ-cấu và điều-hành :

Cơ-cấu đầu não của T.C.P.V. gồm có Đại Hội-Đông, Văn-Phòng, Ban Bảo-hiến và Ban Pha-an.

1.- Đại Hội-Đông Tối-cao Pháp-viện gồm toàn thể thẩm-phán T.C.P.V. Ngoài nhiệm-vụ tai-phần bảo hiến và kiểm pháp, Đại Hội-Đông còn có nhiệm-vụ ngoại tai-phần liên-hệ đến vai-trò quan-trị ngành Tư-pháp.

Đại Hội-Đông họp mỗi tháng ít nhất hai lần ngoài trừ thời-gián hưu thăm. Ngoài ra, Đại Hội-Đông có thể họp bất thường do quyết-định của Văn-Phòng hoặc theo lời yêu-cầu của 1/3 tổng-số thẩm-phán T.C.P.V. Đại Hội-Đông họp kín để quyết-định mọi vấn-đề ngoại trừ những phiên xử công khai luật định ( như xử về bảo hiến, bảo pháp ).

2.- Văn-Phòng gồm có Chủ-tịch và hai Phó Chủ-tịch T.C.P.V. phụ-tra ch Ban Bảo hiến và Ban Pha an cùng một

tham-phán tối-cao khác đặc-trách quản-tri Tư-pháp. Văn-Phong do Đại Hội-Đông bầu lên với nhiệm-kỳ 1 năm.

3.- Ban Bảo-hiến do một Phó Chủ-tịch T.C.P.V. điều khiển và có 2 tham-phán tối-cao làm ủy-viện, Điểm đáng lưu ý là Ban Bảo hiến không có nhiệm-vụ xử án, chỉ đóng vai tuồng tham cứu và thuyết-trình trước Đại Hội-Đông trong các vụ kiện về bảo hiến và kiểm pháp.

4.- Ban Phá án do một Phó Chủ-tịch T.C.P.V. khác điều-khiển và gồm có 3 phòng: Phòng Hộ-vụ, Phòng Hình-vụ và Phòng Hành-chánh; mỗi phòng có một chánh tham và hai hội-tham do Đại Hội-Đông cử hàng năm trong số các tham-phán tối-cao để đảm nhiệm việc xử án.

Ban Phá án chuyên xử tiêu phá các bản án chung thẩm và phân định thẩm quyền về các vụ tranh thẩm tích-cục hay tiêu-cục giữa các cơ-quan tài-phán cấp dưới.

Ngoài ra, bên cạnh Tối-cao Pháp-viện còn có một Viện Chương-ly trực thuộc Bộ Tư-pháp, gồm nhiều tham-phán công-tố có cấp bậc chương-ly tòa thượng-thẩm trở lên và đặt dưới quyền điều khiển của một Chương-ly để hành sự công-tố quyền.

#### Mục 2 : Các cơ-quan phụ-trợ .-

Nhằm điều-hành công-việc, Tối-cao Pháp-viện được sự phụ giúp của một số cơ-quan có tánh-cách hành-chánh như Nhà Tổng-Thư-Ký, Văn-Phong Đặc-Biệt và Khôi Chuyên-viện.

1.- Nhà Tổng-Thư-Ký<sup>1</sup> do một tổng-thư-ký điều-khiển với sự phụ-ta của một phó tổng-thư-ký và đặt dưới sự kiểm- soát-trực-tiếp của Chủ-tịch T.C.P.V. Tổng-thư-ký do Đại Hội-Đông lựa chọn trong số các tham-phán hoặc luật-sư có ít nhất 10 năm tham niên.

Nhà Tổng-Thư-Ký đảm trách các công-việc về hành-chánh, tài-chánh, quản-tri nhân-viên, vật-liệu thuộc T.C.P.V. và tòa án các cấp.

Đặc-biệt trong công-việc liên-hệ đến nhiệm-vụ bảo hiến, Nhà Tổng-Thư-Ký là nơi tiếp nhận hồ-sơ khởi tố, đăng ký tiền dư phạt; Sở Lục-sự Bảo hiến thuộc Nhà này phụ-trách công-việc về thủ-tục liên-quan đến những hồ-sơ bảo hiến và vị chánh-sơ là lục-sự của phiên xử bảo hiến.

---

1. Tổ-chức bởi Sắc-lệnh số 03/TCFV/SL ngày 15-1-1969, được sửa đổi bởi Sắc-lệnh số 31 ngày 10-10-1969.

2.- Văn-phòng Đặc-biệt<sup>1</sup> do một Đông-ly Văn-phòng điều-khiển. Đông-ly và nhận-viên (gồm có các công-can uy-viên, tham-chánh văn-phòng và các viên-chức hành-chánh) do Chú-tịch T.C.P.V. toàn quyền lựa chọn.

3.- Khối Chuyên-viên<sup>2</sup> gồm có 8 người được tuyển chọn bằng khê-ước trong số các thăm-phán hay luật-sư có ít nhất 5 năm thăm niên hoặc trong số các luật gia danh tiếng.

Các chuyên-viên phụ-trách những công-việc sự-tầm, khảo cứu, soạn thảo, cố-văn về những vấn-đề do Chú-tịch, Phó Chú-tịch và các thăm-phán T.C.P.V. giao phó. Vì công việc này có ảnh-hưởng mật-thiết đến các phần quyết của T.C.P.V. nên nội-quy của T.C.P.V. quy định rằng nếu luật sư làm chuyên-viên phải xin rút tên khỏi danh biểu luật-sư doan và người phối ngẫu của các chuyên-viên nếu là luật-sư cũng không được biện hộ trước T.C.P.V.

Đến đây, ta chấm dứt đoạn tìm hiểu về tổ-chức và điều-hành T.C.P.V. Bây giờ ta sẽ tiếp-tục xét đến quy-chế của thăm-phán T.C.P.V.

### ĐOẠN C : QUY-CHẾ THĂM-PHÁN TỐI-CAO PHÁP-VIÊN .-

Qua các nhiệm-vụ và thăm-quyền được mô-tả, ta khó có thể phù nhận tính-cách quan-trọng của T.C.P.V. trong sinh-hoạt chính-trị của nền Đê-nhi Cộng-hòa. Nhưng làm thế nào để cho thăm-phán T.C.P.V. có thể hoàn thành vai trò của minh trong tinh-thần độc-lập? Hẳn nhiên một sự tuyển chọn nhân sự dù có trù liệu hoàn hảo đến đâu cũng không đủ nên luật đã đánh cho thăm-phán T.C.P.V. một quy-chế với những nghĩa-vụ và quyền-lợi đặc-biệt.

#### Mục 1 : Các nghĩa-vụ .-

##### a)- Các nghĩa-vụ minh-thị qua lời tuyên thệ :

Các thăm-phán T.C.P.V., trước khi nhậm chức, phải tuyên thệ như sau, trong một phiên tòa long-trọng của T.C.P.V. trước sự hiện diện của Hành-pháp và Lập-pháp :

"Tôi xin thề tận tâm bảo-vệ Hiến-pháp và tôn-trọng luật-pháp,  
"trung-thành với nhiệm-vụ được giao phó, thi-hành phận sự một  
"cách vô-tư, giữ hoàn-toàn bí mật những điều bàn luận lúc thăm  
"nghị và biểu quyết," trong mọi trường-hợp tối nguyên cư xử như  
"một thăm-phán xứng đáng và luôn luôn giữ tinh-thần độc-lập"  
( điều 53 luật số 007/68 ).

1. Tổ-chức bởi Nghị-định số 210/TCPV/NĐ ngày 15-1-1969.  
2. Tổ-chức bởi Sắc-lệnh số 12/TCPV/SL ngày 7-5-1969.

1.- Trước hết, nghĩa-vụ bảo-vệ Hiến-pháp và tôn-trọng luật-pháp phải là nghĩa-vụ đương nhiên của một cơ-quan bảo-vệ Hiến-pháp và công-ly. Nhưng cũng trong tinh-thần thương tôn luật-pháp đó, thẩm-phan T.C.P.V. phải thi hành phận sự một cách vô-tư và luôn luôn trung-thành với nhiệm-vụ được giao phó.

2.- Thứ đến, thẩm-phan T.C.P.V. phải giữ hoàn-toàn bí mật những điều bàn luận trong lục thẩm nghị và biểu-quyết. Nghĩa-vụ này cần-thiết đối với các phiên họp kín để bảo-vệ những gì quốc-gia thay tiết-lộ là có hại; nó cũng có ý-nghĩa bảo-vệ sự đoàn-kết giữa các thẩm-phan có quan-điểm đối nghịch về một vấn-đề và sự thông nhứt ý-chí của T.C.P.V.

3.- Sau hết, thẩm-phan T.C.P.V. luôn luôn cư xử như một thẩm-phan xung đàng mà trong đó có lẽ nghĩa-vụ giữ cho tinh-thần được độc-lập là quan-trọng hơn cả. Sự độc-lập phải được quan-niệm như là một đức tính cố hữu của người thẩm-phan; dù trong bất cứ trường-hợp nào và trước sự thử thách nào, thẩm-phan phải nguyện can đảm khắc-phục bạn thân, bất khuất trước uy vũ để khá dĩ làm tròn thiên chức của mình.

b) - Nghĩa-vụ bất khả kiêm và các trường-hợp vô năng của thẩm-phan :

Thẩm-phan T.C.P.V. không được kiêm nhiệm hay đặc-nhiệm một chức vụ công cụ hay dân cử, ngoại trừ việc giảng huấn tại đại-học và các chức vụ do hiến-pháp cho phép.

Xem thế, mục-dịch của sự bất khả kiêm là nhằm loại-trừ sự lệ thuộc của thẩm-phan đối với Hành-pháp và Lập-pháp. Chính vì thế mà các thẩm-phan khi đặc-tuyển phải được đặt ngoài ngạch, các thẩm-phan quan pháp khi đặc-tuyển được đương-nhiên giải ngũ. Riêng việc kiêm-nhiệm việc giảng huấn tại đại-học được coi như không có hại cho tinh-thần độc-lập của thẩm-phan T.C.P.V. nên được luật pháp chấp-nhận.

Ngoài ra, luật cũng trừ-liệu các trường-hợp mà thẩm-phan T.C.P.V. bị xem là vô-năng như trường-hợp đương-cán, chương-ly, kê-biên-hộ, thụ-uy hay luật-sư của một bên đương-sự là thân-thuộc, thích-thuộc của mình cho đến bậc thứ-ba. Gặp các trường-hợp này, thẩm-phan T.C.P.V. phải xin-hỏi tỷ-đề thụ-tục tố-tụng khỏi thành-vô-hiệu.

Đó là những nghĩa-vụ của thẩm-phan T.C.P.V. Cũng trong mục-dịch giúp sự hoàn-thành nhiệm-vụ giao-pho một cách hữu-hiệu, thẩm-phan T.C.P.V. được hưởng một số đặc-quyền quan-trọng.

Mục 2 : Các đặc quyền .-

a)- Đặc quyền tài phán :

Đối với trường-hợp đặc miễn tài phán, điều 59 luật số 007/68 quy định:

"Trong suốt thời-gian hành nhiệm, thẩm-phán T.C.P.V. không thể bị truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử vì những ý-kiến và biểu quyết của thẩm-phán, ngoại trừ trường-hợp qua tang phạm pháp.

"Không thể truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử một thẩm-phán T.C.P.V. nếu không có sự chấp-thuận của 2/3 tổng số thẩm-phán T.C.P.V.

"Trong trường-hợp qua tang phạm pháp, sự truy tố hay bắt giam sẽ được đình chỉ nếu có sự yêu-cầu của 2/3 thẩm-phán T.C.P.V."

Ngoài ra, thẩm-phán T.C.P.V. còn được hưởng đặc quyền tài-phạm hiến định ( điều 85 HP ) mà điều 60 luật số 007/68 nhắc lại như sau :

"Trong trường-hợp can tội phạm quốc hay các trọng tội khác, thẩm-phán T.C.P.V. có thể bị Đặc-Biệt Pháp-Viện truất quyền.."

1.- Trước hết, trong các trường-hợp đặc miễn, ta thấy đặc quyền của thẩm-phán T.C.P.V. không khác đặc quyền của nghị-sĩ và dân-biểu an-định tại điều 37 hiến-pháp máy. Thẩm-phán T.C.P.V. được bảo đảm hoàn toàn trong khi hành nhiệm. Ngoài ra, thẩm-phán T.C.P.V. còn được bảo đảm ngay trong cuộc sống thương nhật ngoại xã-hội và cả trong trường-hợp qua tang phạm pháp, chỉ khác với trường-hợp nghị-sĩ và dân biểu là (a) muốn truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử một thẩm phán T.C.P.V. phải có sự chấp thuận của 2/3 tổng số thẩm-phán T.C.P.V. còn đối với nghị sĩ và dân biểu thì phải cần đến 3/4 tổng số nghị-sĩ hay dân-biểu và (b) phải 2/3 thẩm-phán T.C.P.V. mới có quyền yêu-cầu đình chỉ sự truy-tố hay bắt giam một thẩm-phán T.C.P.V. qua tang phạm pháp còn đối với nghị-sĩ và dân-biểu thì không cần tục số đó mà chỉ cần sự can-thiệp của Viện sơ quan là đủ .

Điều 75 nội quy T.C.P.V. dành quyền xét xử các thẩm phán tội cáo bị truy tố cho Đại Hội-Đông T.C.P.V.. Sự quy định này nhằm tránh tình-trạng 'quan tòa nhỏ xử quan tòa lớn' nhưng nội quy T.C.P.V. chỉ tương đương với một văn-kiện lập quy trong khi thủ tục tố tụng cần phải được an-định bởi một đạo luật nên về mặt pháp-ly, điều 75 này rất đáng dị nghị.

2.- Thứ đến, thẩm phán T.C.P.V. có thể bị Đặc-Biệt Pháp-Viện truất quyền nếu can tội phạm quốc và các trọng tội khác.

Theo điều 87 Hiến-pháp, đề-nghị khởi tố thẩm-phán T.C.P.V. có viện dân lý-dò phải được qua bản tổng-số dân biểu và nghị-sĩ ký tên, còn quyết-dịnh khởi tố phải được đa số 2/3 tổng-số dân-biểu và nghị-sĩ biểu quyết chấp-thuận. Sau khi thẩm-phán T.C.P.V. bị truất quyền, sự quyết-dịnh về việc truy tố lại thuộc quyền của Đại Hội-Đồng T.C.P.V.. Thủ-tục đặc-biệt khó khăn này cũng không ngoài mục-dịch bảo vệ tinh-thần độc-lập của thẩm-phán và hiệu quả của T.C.P.V.

b)- Quyền được hưởng phụ cấp xứng đáng :

Theo điều 77 nội quy T.C.P.V., thẩm-phán T.C.P.V. được hưởng phụ cấp tương xứng với chức vụ và trách nhiệm cũng được cung-cấp phương-tiện để thi hành nhiệm vụ như bí-thư, văn-phòng, vật-liệu, phẩm-phục, giao-tế, phương-tiện chuyên chở riêng. Thẩm-phán T.C.P.V. được cấp nhà ở có điện nước.

Mục 3 : Sự chấm dứt nhiệm-vụ thẩm-phán T.C.P.V. .-

a)- Các lý-do chấm dứt nhiệm-vụ :

Theo điều 57 luật số 007/68, thẩm-phán T.C.P.V. có thể bị chấm dứt nhiệm-vụ vì một trong 5 lý-do sau: mãn nhiệm-kỳ, mệnh môt, tù-chức, bất lực về tinh-thần hay vật-chất và bị Đặc-biệt Pháp-viện truất quyền.

1,- Ngoài 5 lý-do trên, ta không thấy trường-hợp thẩm-phán T.C.P.V. phải chấm dứt nhiệm-vụ vì vi phạm kỷ-luật, chẳng hạn như tiết-lộ bí mật, thiếu vô-tu khi thi hành phận-sự, v.v... Ta chỉ thấy điều 70 nội quy T.C.P.V. quy định rằng khi thẩm phán T.C.P.V. vi phạm nghĩa-vụ bất khả kiem sẽ bị coi như đương-nhiên tù-chức mà thôi. Có lẽ luật cố ý dành quyền chế tài kỷ-luật cho Đại Hội-Đồng T.C.P.V. mà điều 81 nội quy T.C.P.V. đã ấn-định biện - pháp là cảnh cáo và cảnh cáo có ghi hồ-sơ.

2,- Qua sự minh-thị của điều luật trên, ta thấy không có một cơ-quan công quyền nào có-thể tự ý giải-nhiệm thẩm-phán T.C.P.V. dù đó là Quốc-hội tức cơ-quan có quyền tuyển chọn thẩm-phán T.C.P.V.. Đây chính là đặc quyền bất khả bãi miễn dành cho thẩm-phán T.C.P.V. để tránh tình-trạng thẩm-phán chịu lệ-thuộc vào cơ-quan tuyển bổ mình khi quyết-dịnh chế- tài các hành vi bất hợp hiến của các cơ-quan đó.

b)- Biện-pháp thay thế :

Nếu các lý-do trên đưa đến sự không khuyết một hay nhiều thẩm-phán T.C.P.V. thì sự thay thế sẽ được thực-



hiện ra sao ? Theo điều 58 ( mới ) luật số 007/68, Chủ-tịch T.C.P.V. phải thông báo sự không khuyết cho Tổng-Thống, Chủ-tịch Thượng-Nghi-Viện và Chủ-tịch Hạ-Nghi-Viện trong hạn 3 ngày tròn. Nếu sự không khuyết này xảy ra quá 9 tháng trước khi chấm dứt nhiệm kỳ thăm-phản T.C.P.V. liên hệ, Quốc-hội có 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của T.C.P.V. để tuyển chọn một hay nhiều thăm-phản thay thế.

Trên đây, người nghiên-cứu vừa trình bày định-chế bảo hiến của nền Đệ-nhi Cộng-Hoa qua các khía cạnh về nhận sự cùng nhu cơ-cấu của nó. Sau đây, trong một Tiết khác, người nghiên-cứu sẽ khảo sát tiếp về thủ-tục bảo hiến áp-dụng trước cơ-quan này.

## TIẾT II : THỦ-TỤC BẢO HIẾN .-

Thủ-tục bảo hiến trước T.C.P.V. gồm có thủ-tục kiểm hiến, thủ-tục giải-thích hiến-pháp và giải tán chánh đảng.

### ĐOẠN A : THỦ-TỤC TỔ-TUNG KIỂM HIẾN .-

Theo luật số 007/68, thủ-tục tổ-tung kiểm hiến trước T.C.P.V. đặc-biệt chú trọng đến khía cạnh dân-chủ. Cho nên, thủ-tục đó vừa áp-dụng các phương-cách sử-dụng tổ quyền rộng-rãi vừa dành quyền quyết-định tối hậu cho Đại Hội-Đồng T.C.P.V. về các đơn khởi tố cốt sao cho mọi nguyện vọng của người dân đều có thể chuyển đến T.C.P.V. một cách dễ-dàng.

#### Mục 1 : Các phương-cách sử-dụng tổ quyền .-

Muốn khởi kiện một đạo luật, sắc-luật, sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh ra trước T.C.P.V., tùy trường-hợp, nguyên đơn sẽ dùng phương-cách chính tố hoặc khước-biên.

##### a) - Phương-cách chánh tố :

Phương cách này dùng để trực-tiếp xin T.C.P.V. phán quyết về tính-cách bất hợp hiến của một ban văn. Điều 63 luật số 007/68 quy định mọi thể-nhân, pháp-nhân tự-pháp hay công-pháp đều có quyền sử-dụng phương-cách này để kiện các đạo luật, sắc-luật, sắc-lệnh, nghị-định hay quyết định hành-chánh ra trước T.C.P.V. miễn rằng các ban văn này làm thiệt hại đến quyền-lợi của mình. Riêng pháp-nhân công-pháp được miễn chứng-minh lợi-ích để khởi tố. Đơn khởi tố phải viện dẫn lý-do và nộp tại Nha Tổng-Thư-Ký T.C.P.V.

Điểm đáng lưu ý là nguyên đơn có quyền nộp thẳng

đơn khởi tố tại T.C.P.V. mà không phải qua một trạm tiền kiểm nào, chỉ có T.C.P.V. mới có thẩm-quyền bác bỏ các đơn bất hợp-lệ.

b)- Phương-cách khước-biên :

Khác với phương-cách chánh-tố, phương-cách khước-biên chỉ được áp-dụng nhân một vụ án chính. Điều 64 luật số 007/68 định rằng trong mọi vụ kiện, bất kỳ ở giai-đoạn nào kể cả giai-đoạn phá án, đương tụng cũng có thể bằng phương-cách khước-biên đề xin T.C.P.V. phán quyết về tính-cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc-luật, sắc-lệnh, nghi-định và quyết-định hành-chánh. Đơn khước-biên có viện dẫn lý-do phải được nộp ngay trong phiên xử thường-lệ của tòa-án đang thụ-lý vụ kiện.

Nếu chấp nhận nộp trình khước-biên hay không chấp nhận nhưng đã có sự khiếu-nại của đương tụng, tòa thụ lý đều phải hoãn xử chánh vụ cho tới khi có phán quyết của T.C.P.V. ( điều 65,66 luật số 007/68 ).

Mục 2 : Các giai-đoạn của vụ kiện :

a)- Giai-đoạn khởi diễn :

Như qua các phương-cách đã trình-bày ở trên thì tố quyền xin phán quyết về sự hợp hiến của một hành vi lập-pháp hay hành-chánh chỉ được phát động với một đơn chánh tố ( cũng gọi là đơn khởi tố ) hay khước-biên.

Trong khi đệ nộp đơn xin phán-quyết, có các điểm đáng lưu ý sau đây :

1.- Nếu nguyên đơn không phải là pháp-nhân, công-pháp hoặc thể nhân hay pháp-nhân tư-pháp được hưởng tư-pháp bảo trợ thì phải ký nộp một số tiền dự phạt là 5000\$ tại nơi nộp đơn, biên-lại đăng ký tiền dự phạt này phải đính kèm theo đơn xin phán quyết. Số tiền dự phạt này sẽ bị tịch thu nếu đơn xin phán quyết bị T.C.P.V. bác bỏ.

Theo quan điểm của án-lệ, một đơn xin phán-quyết có thể bị bác bỏ trong hai trường-hợp sau đây:

- hoặc bác bỏ về hình-thức, nghĩa là T.C.P.V. bất khả chuẩn chấp vì đơn không hội đủ các điều-kiện hợp pháp về hình-thức như nguyên đơn không có tự-cách khởi tố, nguyên đơn không viện dẫn được lý-do sử dụng tố quyền,...

- hoặc chấp nhận về hình-thức nhưng bác bỏ toàn bộ về nội-dung tức bác bỏ những điểm do nguyên đơn xin T.C.P.V. tuyên bố bất hợp hiến.

Trong trường-hợp ngược lại, đơn xin phán quyết được T.C.P.V. chuẩn chấp toàn bộ hay một phần về nội-dung, tiền dự phạt sẽ được hoàn lại cho đương-sự.

2.- Đối với đơn khước-biên, sau khi công-tố viên kết-luận, tòa-án thụ-lý phải quyết-định ngay trong phiên xử về vấn-đề nạp trình đơn khước-biên hay không lên T. C.P.V. . Đây là một quyết-định thường và được ghi trong sổ bút ký của phiên tòa.

Nếu chấp nhận nạp trình, tòa án thụ-lý có 7 ngày kể từ khi quyết-định để chuyển hồ-sơ vụ kiện với biên-lai tiền dự phạt đến Nha Tổng-Thư-Ký T.C.P.V. và phải hoàn xử chánh vụ cho đến khi có phán quyết của T.C.P.V.

Nếu khước từ nạp trình vì xét những lý-do đương-sự nại dẫn hiển nhiên không xác đáng, tòa-án thụ-lý phải thông-báo quyết-định này ngay trong phiên tòa cho đương-sự hoặc cho luật-sư của người này. Và sau đó, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày có quyết-định từ khước, đương-sự có quyền khiếu nại chống lại quyết-định đó. Đơn khiếu-nại có viện dẫn lý-do phải được đăng ký tại Phòng Lục-Su Tòa-án thụ-lý. Tòa-án thụ-lý có thời hạn 7 ngày sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại để chuyển hồ-sơ và biên-lai tiền dự phạt lên T.C.P.V. và phải hoàn xử chánh vụ cho tới khi có phán quyết của T.C.P.V.

Tuy nhiên, nếu gặp trường-hợp tòa-án thụ-lý chánh vụ không chịu nhận đơn khước biên và ký nhận tiền dự phạt, cũng như không chịu chuyển khước biên lên T.C.P.V. dù có đơn khiếu nại của đương-sự thì nội vụ sẽ giải quyết ra sao ? Trường-hợp này đã xảy ra trong thực-tế, theo quan-điểm của an-lệ, tụng nhân phải làm đơn khiếu nại trình-bày rõ sự việc cùng các điểm đã khước-biên nạp tại Nha Tổng-Thư-Ký T.C.P.V. với 5000\$ tiền dự phạt. Sau đó, T.C. P.V. sẽ ra lệnh cho tòa dưới chuyển hồ-sơ nội vụ lên T.C. P.V. để xúc tiến thủ-tục phán xét .

3.- Đối với các đơn chánh tố, luật buộc phải có hai điều-kiện về hình-thức sau đây thì đơn mới được chấp-nhận:

- Điều-kiện thứ nhất là chỉ có thể-nhận, pháp nhân tư-pháp và công-pháp mới có quyền khởi tố. Trên thực-tế, đặc biệt đối với việc xác-định một pháp-nhân công-pháp đã phát sinh ra nhiều sự tranh luận mà ta sẽ nêu vấn-đề

---

1. Xin xem PQ ngày 29-4-70 ( Vụ Huỳnh-Tân-Mãn ) và PQ ngày 5-5-70 ( Vụ Trần-Ngọc-Châu ) cùng các bút lục và hồ-sơ liên-hệ ( Tư-Pháp Tập-San số 2/70 ).

thanh quyết trong Phần II của Luận-văn này.

- Điều-kiện thứ hai là đơn khởi tố ( ngoại trừ của các pháp nhân công-pháp ) phải có viện dẫn lý-do. Từ ngữ 'lý-do' ở đây phải được hiểu là 'lợi-ích để khởi tố' hay cụ-thể hơn là bản văn bất hợp hiến phải 'làm thiệt-hại đến quyền-lợi' của từng nhân.

Án-lê điển hình là vụ Lương-Văn-Thọ chống điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971. Trong vụ này, T.C.F.V. đã bác đơn khởi tố về hình-thức vì 'nguyên đơn không viện dẫn tu-cách nào và cũng không chứng-minh được một lợi-ích nào để hành sự tố quyền' ( PQ ngày 13-7-1971 ).

b)- Giai-đoạn thẩm cứu :

Nhà Tổng-Thư-Ký sau khi nhận được các đơn xin phán quyết phải trình hồ-sơ nội-vụ cùng các văn-kiện chứng-minh lên Chủ-tịch T.C.F.V. Nhưng trước khi được đem ra một phiên xử chính-thức của Đại Hội-Đồng T.C.P.V., vụ kiện phải trải qua một giai-đoạn thẩm cứu sau đây :

1.- Trước hết, Chủ-tịch giao hồ-sơ nội-vụ cho Ban Bảo Hiên để nghiên-cứu và chuẩn-bị soạn-thảo bản phúc-trình. Đồng thời Chủ-tịch cũng chỉ-thị thực-hiện các thủ-tục thông-tri đơn khởi tố hay khước-biện cho Viện Chương-lý và bị đơn.

Tùy theo mỗi trường-hợp của vụ án, Chủ-tịch sẽ ấn-định thời hạn cho hai bên nguyên đơn và bị đơn xuất trình biện-minh và kháng biện luận. Nếu mãn thời hạn ấn-định mà đương-sự nào không có nộp biện-minh hay kháng biện luận, người đó sẽ được coi như không còn lý-lẽ gì nữa để bảo chữa.

Riêng Viện Chương-lý có thời hạn pháp định là tối đa hai tháng để nộp kết-luận trạng.

Tất-cả kết-luận trạng, biên-minh trạng và kháng biện luận đều được T.C.P.V. ( Nhà Tổng-Thư-Lý ) thông-tri cho các đương-sự trong vụ án.

2.- Ban Bảo Hiên đóng vai tuồng chính yếu trong nhiệm-vụ thẩm cứu. Để thi-hành nhiệm-vụ, trong thực-tế Ban Bảo Hiên có-thể mở rộng các cuộc điều-tra, đòi thêm tài-liệu từ các nơi liên-hệ, hỏi thêm nhân chứng, tham-khảo ý-kiến các luật-giá, các chuyên-viên và các giới chức hữu quyền. Sau khi nghiên-cứu các hồ-sơ hoàn-tất, Ban Bảo Hiên sẽ lập bản phúc-trình cho Chủ-tịch T.C.P.V.

Vậy qua bản phúc-trình, Ban Bảo Hiên có quyền bày tỏ quan điểm của mình không ?

Theo các cuộc thảo-luận của các nhà lập pháp thì việc bày tỏ quan điểm của Ban Bảo Hiến được mặc nhiên xác nhận. Và chính vì xác nhận như thế nên các nghị-sĩ Thượng Nghị-Viện đã chia thành hai chủ-trương đối-lập: một đồng ý thiết-lập và một đòi huy bỏ Ban Bảo Hiến trong cơ-cấu tổ-chức T.C.P.V. ( Biên-ban TNV số 57 ngày 20-7-1968 ).

Trong thực-tế, ta nhận thấy rằng Ban Bảo Hiến đã sử dụng quyền bày tỏ quan điểm như là một quyền chuyên-quyết trong các bản phúc-trình của mình. Và thực-tế cũng đã chứng tỏ rằng ý-kiến của Ban Bảo Hiến thường có một ảnh-hưởng rất quan-trọng đối với các phán quyết của Đại Hội-Đồng T.C.P.V.

c)- Giai-đoạn phán xử :

Sau khi các thủ-tục trong giai-đoạn thẩm-cứu đã được thi-hành nghiêm chỉnh, Chủ-tịch T.C.P.V. trong thời hạn 1 tháng phải ấn-định phiên xử, triệu-tập Đại Hội-Đồng và thông báo ngày giờ phiên xử cho Viện Chương-ly, nguyên đơn và bị đơn.

Mọi phiên xử của Đại Hội-Đồng đều có tánh-cách công khai và đặt dưới sự chủ tọa của Chủ-tịch T.C.P.V. Chủ-tịch sau khi kiểm điểm thành-phần hợp-lệ sẽ điều-khien phiên xử theo thứ-tự sau đây:

- trao lời cho đại-diện Ban Bảo Hiến thuyết-trình;
- mở cuộc thẩm vấn;
- trao lời lần-lượt cho nguyên đơn, Viện Chương-ly và bị đơn. Sau khi cuộc tranh luận kết-thúc, Đại Hội-Đồng sẽ vào nghị an trong Phòng Thẩm-nghi.

1.- Trước hết tương cần lưu-ý là thành-phần hợp-lệ của phiên xử tùy thuộc hai trường-hợp :

- Trường-hợp phán quyết về tánh-cách bất hợp hiến của các đạo luật và sắc-luật: quyết-định của T.C.P.V. chỉ có giá-trị nếu hội đủ  $\frac{3}{4}$  tổng-số thẩm-phần tại chức; do đó, thành-phần hợp-lệ của phiên xử cũng ít nhất phải đạt được tỷ-số này;

- Trường-hợp phán quyết về tính-cách bất hợp hiến của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh: thành-phần hợp-lệ là của bản thẩm-phần tại chức và quyết-định của T.C.P.V. chỉ cần đòi hỏi đủ đa số tương-đối thẩm-phần hiện diện.

2.- Thứ đến, việc Chủ-tịch T.C.P.V. lần lượt trao lời cho nguyên đơn, chương-ly và bị đơn chứng tỏ ít nhất hai điểm đáng lưu ý sau :

- Điểm thứ nhất: thủ-tục kiểm hiên là ương-tịch. Án-lê kiểm hiên của T.C.P.V. cũng xác nhận như thế. Tuy nhiên vì luật không dự liệu các trường-hợp khuyết tịch (nguyên đơn, bị đơn hay cả nguyên bị đơn) và thủ-tục báo hiên khác với thủ-tục tố-tụng dân-sự nên trong bất cứ trường-hợp nào, T.C.P.V. đều phải xét xử ương-tịch (xem PQ ngày 12-12-1969 về vụ Thương-Nghi-Viện chống nghị-định tăng thuế-suất thuế kiểm-ước).

- Điểm thứ hai: thủ-tục kiểm hiên là đối tụng thay vì phi tụng. Phan quyết ngày 9-12-1969 đã trực-tiếp xác nhận luật điểm này. Tuy nhiên, ngoài quan điểm của Thương-Nghi-Viện hoàn-toàn đối-lập với T.C.P.V. cho rằng thủ-tục kiểm hiên là phi tụng, thẩm-phan tối-cao Nguyễn-Văn-Biên đã nêu lên quan-điểm đặc-biệt bên dưới Phan-quyết ngày 9-12-69 như sau:

"Thủ-tục tố-tụng dự-liệu từ điều 63 đến điều 72 của luật số 007/68 không nhất thiết là thủ-tục đối tụng mà có-thể là "thủ-tục hoặc đối tụng hoặc phi tụng tùy theo mục-tiêu của "đơn khởi tố. Trong một tố-tụng xin phán-quyết về tính-cách "bất hợp hiên hay bất hợp pháp của một bản văn văn lập-pháp "hay lập quy, nguyên đơn có-thể nêu mục-tiêu, nhưng không "kiện đích danh một đối phương nào. Trong trường-hợp này, "những người nào có quyền lợi để bên vực có-thể xin xen vào "vụ kiện hoặc được đòi ra dự sự."

Qua sự diễn tiến của các án-lê, ta thấy rằng quan-điểm dung-hòa này đã được hoàn-toàn nghiệm đúng.

d)- Giai-đoạn kết-thúc vụ kiện :

Vụ kiện kết-thúc bằng một bản án gọi là phán-quyết của T.C.P.V. được tuyên đọc trong phiên tòa công khai. Ngoại trừ quyết-định về việc tịch-thụ hay hoãn lại tiền dự phạt, các quyết-định đều phải viện dẫn lý-do.

Lập-trường của phe thẩm-phan thiểu số có-thể ghi bên dưới trong phán quyết nếu được các thẩm-phan liên-hệ yêu cầu.

Về phán-quyết T.C.P.V., có hai điểm cần lưu-ý: hiệu-lực và thời điểm hiệu-lực bắt đầu.

1.- Về hiệu-lực của các phán-quyết T.C.P.V., ta thấy luật số 007/68 diễn tả đến 4 danh-từ: hiệu-lực chung quyết (điều 72), hiệu-lực tuyệt đối (điều 76), hiệu-lực tương-đối (điều 76) và hiệu-lực đình chỉ (điều 77).

- Hiệu-lực chung quyết nghĩa là bản án đã do tòa

án, có thẩm-quyền tối hậu xét xử, tung nhân không còn, kháng cáo được nữa. Điểm đáng lưu ý là đối với các bản án chung quyết của Tòa Thượng-thẩm hay Tham-chánh-viện, tung nhân còn có thể thượng-tổ xin phá-án tại Ban Phá án T.C.P.V. nhưng ở đây bản án do chính T.C.P.V. xử nên tung nhân tuyệt nhiên không thể xin thượng tổ.

- Hiệu-lực tuyệt-đối hay tương-đối là hiệu-lực đối với con người. Tuyệt-đối có nghĩa là phán-quyết của T.C.P.V. có hiệu-lực đối với mọi người chứ không riêng gì đối với các người tham-dự vụ kiện, nói cách khác, phán-quyết phải được mọi người tôn-trọng chẳng khác nào tôn-trọng một văn-kiến lập-pháp hay lập-quy. Chỉ có phán-quyết tuyên-bố bất hợp hiến một văn-kiến mới có hiệu-lực tuyệt-đối. Trái lại, tương-đối nghĩa là chỉ có hiệu-lực đối với các người tham-dự vụ kiện mà thôi; nếu một người nào khác không du vào vụ kiện mà muốn kiện lại một bản văn đã được T.C.P.V. phán xét văn được chấp nhận. Các phán-quyết bác đơn khởi tố hoặc khước-biện đều có hiệu-lực tương-đối.

- Hiệu-lực đình chỉ là hiệu-lực đối với các bản văn bất hợp hiến. Theo đó, các điều khoản bị tuyên-bố vi hiến của các bản văn này bắt buộc phải ngưng thi-hành kể từ khi phán-quyết bắt đầu có hiệu-lực.

2.- Các phán-quyết có hiệu-lực tương-đối vì tính-chất tiêu-cực của nó nên không cần phải đăng trong Công báo V.N.C.H. Các phán-quyết có hiệu-lực tuyệt-đối phải đăng trong Công-báo V.N.C.H. trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Kể từ khi được đăng vào Công báo, phán-quyết mới bắt đầu có hiệu-lực đình chỉ thi-hành các điều khoản bất hợp hiến của các văn-kiến. Muốn đăng phán-quyết trên Công-báo, Nha Tổng-Thư-Ký T.C.P.V. chỉ cần gửi thẳng phán-quyết đó tới Sở Công-báo mà không phải qua bất cứ một cơ-quan trung-gian nào cả.

Trên đây, ta đã xét thủ-tục tố-tung kiện hiến trước T.C.P.V. Dưới đây, ta tiếp-tục tìm hiểu thủ-tục giải-thích hiến-pháp và giải-tán chánh đảng.

### ĐOẠN B : THỦ-TỤC GIẢI-THÍCH HIẾN-PHÁP VÀ GIẢI-TÁN CHÁNH ĐẢNG .-

Thủ-tục giải-thích hiến-pháp và giải-tán chánh đảng có chung một điều-kiện để xin phán-quyết và một vài dị biệt nhỏ trong các giai-đoạn diễn-tiến trước tòa.

#### Mục 1 : Điều-kiện xin phán-quyết .-

Theo điều 73 luật số 007/68, chỉ có Tổng-Thống,

Chủ-tịch Thượng-Nghị-Viện, Chủ-tịch Hạ-Nghị-Viện, 1/3 tổng-số nghị-sĩ hoặc 1/3 tổng-số dân-biểu mới có quyền yêu-cầu T.C.P.V. giải-thích hiến-pháp hay phán-quyết về việc giải-tan một chính đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chính-thể Cộng-hòa.

Ta cần tìm hiểu là khi giới hạn tu-cách xin T.C.P.V. phán-quyết như thế, ý-chí của các nhà lập-pháp đã biểu-lộ ra sao ? Và có những thắc-mắc quan-trọng nào về điều luật đó ?

a)- Ý-chí của các nhà lập-pháp :

Khi thảo-luận điều 73 luật số 007/68 tại diễn đàn Hạ-nghị-viện, các dân-biểu đã biểu-lộ hai ý-kiến đối-lập:

1.-Đầu tiên có ý-kiến cho rằng sự giới hạn tu cách phát động tố quyền ghi tại điều 73 không phù-hợp với tinh-thần hiến-pháp, theo đó, mọi công-dân phải được quyền yêu-cầu T.C.P.V. giải-thích hiến-pháp cũng như xin T.C.P.V. phán quyết về những điều vi hiến. Vì vậy, để cho được hợp hiến, ý-kiến này chủ-trương áp-dụng một điều-kiện rộng-rãi để cho mọi người đều có-thể xin T.C.P.V. phán quyết như trong trường-hợp kiểm hiến.

2.-Tuy nhiên, với một hậu-thuần mạnh-mẽ hơn, ý-kiến của Ủy-ban Tu-pháp và Định-chế cho rằng nếu không có một sự giới hạn tu-cách xin phán-quyết thích nghi trong các trường-hợp này thì e rằng T.C.P.V. sẽ bị tràn ngập công-việc. Như vậy, điều 73 không có dụng ý hạn chế quyền xin giải-thích hiến-pháp cũng như xin giải-tan một chính đảng vi hiến của người dân; vì với tố quyền xin T.C.P.V. kiểm hiến một hành vi lập-pháp hay hành-chánh trong tay, người dân vẫn có-thể gián-tiếp xin T.C.P.V. giải-thích hiến-pháp, ... ( Biên-ban HNV số 46 HNV/BB ngày 21-6-68 )

b)- Một vài thắc-mắc :

Ngoài những ý-kiến đã được nêu và giải đáp trước diễn đàn Quốc-hội, khi đọc qua điều 73, người ta có-thể có một vài thắc-mắc sau đây :

1.- Trước hết, Thủ-Tướng là người thi hành chánh-sách quốc-gia, vai-trò cũng rất quan-trọng, tại sao không có quyền xin T.C.P.V. giải-thích hiến-pháp và giải-tan một chính đảng vi hiến ? Thắc-mắc này có-thể được giải-đáp như sau: bên Hành-pháp đã có Tổng-Thống đại-diện để hành sự quyền trên và Thủ-Tướng chỉ là một người thừa-hành chánh-sách của Tổng-Thống nên nếu cần xin giải-thích một điều-khoản của hiến-pháp hoặc xin giải-tan một chính đảng bị coi là vi hiến, Thủ-Tướng có-thể đệ trình ý-kiến



lên Tổng-Thống và chắc-chắn không có gì trở ngại.

2.- Kế đến, tại sao luật đã cho Chủ-tịch Thượng-Nghi-Viện và Chủ-tịch Hạ-nghi-viện có quyền xin giải-thích hiến-pháp, giải-tan chánh đảng lại còn cho các nghị-sĩ và dân-biểu hành sự quyền này nữa? Để trả lời thắc-mắc này, ta cần hiểu rằng điều 73 đã ban cho riêng quý vị Chủ-tịch Quốc-hội quyền hành trên như là một thủ quyền chuyên quyết chứ không phải quyền đại-diện cho các dân-biểu và nghị-sĩ; và lại, việc xin giải-thích hiến-pháp hay giải-tan chánh đảng luôn luôn phát xuất từ một sự bất đồng chánh kiến nên luật đã chấp nhận cho 1/3 tổng số dân-biểu hoặc nghị-sĩ được sử-dụng quyền này chính là nhằm mục-dịch hạn chế bớt vai-trò chuyên đoan của quý vị Chủ-tịch vậy.

Mục 2 : Diễn-tiến của thủ-tục trước T.C.P.V. .-

Trong giai-đoạn khởi diễn, văn-thư yêu-cầu giải-thích hiến-pháp hay giải-tan một chánh đảng phải nộp tại Nha Tổng-Thư-Ký T.C.P.V. và được miễn tiền phạt.

Sau khi nhận được văn-thư yêu-cầu, luật buộc Đại Hội-Đồng T.C.P.V. phải phán-quyết trong thời hạn tối đa là hai tháng. Ta thử xem trong thời hạn này thủ-tục diễn tiến ra sao.

a)- Đối với thủ-tục giải-thích hiến-pháp :

Về thủ-tục giải-thích hiến-pháp, luật không quy định rõ-ràng như trong trường-hợp kiểm-hiến. Do đó, chúng ta hầu như chỉ học hỏi được nơi an-lệ mà thôi.

1.- Qua các bút lục, hồ-sơ về các vụ giải-thích hiến-pháp trong thực-tế, ta thấy thủ-tục cũng trải qua một giai-đoạn thăm-cứu mà vai-trò chính yếu thuộc về Ban Bảo Hiến. Sau khi sưu-tầm và nghiên-cứu xong hồ-sơ nội-vụ, Ban Bảo Hiến đúc kết thành một bản phúc-trình đệ lên Chủ-tịch T.C.P.V.

2.- Phiên-xử do Đại Hội-Đồng họp công khai dưới quyền chủ tọa của Chủ-tịch T.C.P.V. Thành-phần họp-lê của Đại Hội-Đồng là qua bản thăm-phản tại chức. Khởi đầu phiên-xử là bài thuyết-trình của Ban Bảo Hiến, kế đến là phản-kết-luận của Viện Chương-ly. Sau đó, Đại Hội-Đồng nghị-an trong Phòng thăm-nghi để quyết-dịnh.

An-lệ cho ta biết thêm rằng sự hiện diện của công-tổ viện trước phiên-xử luôn luôn có tánh-cách bắt buộc ( PQ ngày 6-12-68 v/v Chủ-tịch TNV yêu-cầu giải-thích điều 39 khoản 3 HF ) và thủ-tục diễn ra có tánh-cách phi

tung, trong đó, Lập-pháp hoặc Hành-pháp có thể cử đại diện trình bày quan điểm của mình trước Đại Hội-Đồng ( Xem PQ ngày 19-12-1969 v/v hai vị Chủ-tịch Quốc-hội xin giải thích điều 45 NF ).

3.- Sau phần nghị án, thủ-tục được kết-thúc bằng một bản án, gọi là phán-quyết của T.C.P.V. Phán quyết này chỉ cần hội đủ đa số tương - đối tham-phần hiện diện chấp thuận; các tham-phần thiểu số, có quyền yêu-cầu ghi lập-trương của mình bên dưới bản án. Phán quyết có hiệu-lực tuyệt đối và phải được đăng trên Công báo V.N.C.H. trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

b)- Đối với thủ-tục giải tán chánh đảng :

Về thủ-tục giải tán một chánh đảng, luật cũng không quy định đầy đủ. Trong khi đó, T.C.P.V. chưa thụ lý một vụ giải tán chánh đảng nào cả nên ta hoàn toàn không học hỏi được nơi an-lê. Tuy nhiên, căn-cứ vào một vài điều khoản lẻ tẻ của luật số 007/68, ta nhận thấy thủ-tục trước tòa diễn tiến như sau :

1.- Sau khi nhận được văn-thư yêu-cầu giải tán một chánh đảng do Nha Tổng Thủ-Ký đệ trình, Chủ-tịch T.C.P.V. phải giao cho Ban Báo Hiến để nghiên-cứu và lập bản phúc trình. Đồng thời Chủ-tịch phải ra chỉ-thị làm thủ-tục thông báo cho chánh đảng ( bị can ) biết để xin tham - khảo hồ-sơ, đệ nạp biên minh trạng và chuẩn-bị cư đại diện tới trình bày lý lẽ trong phiên xử.

2.- Tại phiên xử công khai, Đại Hội-Đồng T.C.P.V. phải có thành-phần hợp-lê là ít nhất  $\frac{3}{4}$  tổng-số tham-phần tại chức hiện diện. Đại-diện của Lập-pháp và Hành-Pháp có quyền tham-dự để trình bày quan điểm của mình.

Ngoài rạ, ta cần nhận định rằng vụ án chỉ có bị đơn ( chánh đảng ) chứ không có nguyên đơn. Nhưng người yêu-cầu T.C.P.V. giải tán chánh đảng có thể hiện-diện hay không trước T.C.P.V. và sự hiện diện nếu có không phải với tư-cách nguyên đơn mà chỉ với tư-cách những kẻ dự sự để trình bày quan - điểm mà thôi. Vì thế, thủ-tục áp-dùng trước tòa luôn luôn có tánh-cách phi tụng.

Vụ kiện kết -thúc bằng một phán-quyết của T.C.P.V. Phán-quyết chấp-thuận việc giải-tán một chánh đảng, phải hội đủ đa số  $\frac{3}{4}$  tổng-số tham-phần T.C.P.V. tại chức. Tham-phần thiểu số trong lúc biểu quyết có quyền yêu-cầu ghi lập-trương của mình ngay dưới bản án.

Phán-quyết giải-tán một chánh đảng có hiệu-lực tuyệt -đối và phải đăng trên Công báo V.N.C.H. trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Hiệu-lực này có hậu-quả giải-tán chánh đảng ấy ngay kể từ ngày tuyên án.

Theo điều 32 luật số 009/69 ngày 19-6-1969 ấn định quy-chế chánh đảng và đổi-lập chánh-trị, phán-quyết giải-tan chánh đảng còn cõ hậu quả sung thâu tai-san của chánh đảng vào công quỹ quốc-gia.

oOo

Để kết-luận Chương II, ta có-thể nói rằng với vai trò trong-tại độc-lập, T.C.P.V. có đủ điều-kiện để trở thành một bảo đảm vô cùng cần-thiết cho nền dân-chủ hiện tại.

Trên nguyên-tắc, T.C.P.V. được thành-lập kể từ ngày 3-9-1968 ( ngày đạo luật số 007/68 được ban hành ) nhưng trên thực-tế, cơ-quan này chỉ được xem tổ-chức hoàn bị ngày 22-11-1968 ( ngày biểu-quyết xong nội-quy ). Đến ngày 6-12-1968 án-lê bạo hiên đầu tiên đã ra đời với vụ giải-thích điều 39 khoản 3 Hiến-pháp do Chủ-tịch Thượng-nghi-viện yêu-cầu để mở màn cho một giai-đoạn sinh-hoạt dân-chủ mới-mở tại Việt-nam.

Tuy nhiên, người ta nhận định rằng qua hơn 5 năm hiện diện, T.C.P.V. vẫn chưa đạt được thành-tích khả-quan, nhất là trong khoảng thời-gian 2 năm vừa qua, hoạt-động, bậc hiên hầu như hoar-toan ngưng trệ. Lý-do bởi giải-pháp bạo hiên thiếu hữu-hiệu hay bởi các yếu-tố ngoại lai nào khác ? Câu hỏi này sẽ được tìm hiểu trong Phan Thư Hai ( Chương II ).

### KẾT-LUẬN PHẦN THỨ NHẤT :

Qua hai Chương trên, người nghiên-cứu đã trình-bày các giải-pháp bạo hiên tại Việt-nam Cộng-hòa theo thứ tự thời-gian và đã áp-dụng một phương-pháp phân-tích tìm hiểu vấn-đề dựa trên các văn-kiện pháp-ly.

Trong nền Đệ nhất Cộng-hòa, Viện Bảo Hiến xuất hiện giữa khung cảnh mà quyền Tư-Pháp không được Hiến-pháp thừa nhận là một quyền riêng biệt như Hành-pháp và Lập-pháp. Nhiệm-vụ của Viện Bảo Hiến thu hẹp trong phạm-vi kiểm hiên các văn-kiện Lập-pháp và lập quy; cơ-cấu và nhân sự của cơ-quan này có-thể coi như là một bộ-phận của Hành-pháp. Thủ-tục bảo hiên được tổ-chức theo một phương-thức dung-hòa giữa dân-chủ và hiệu-năng nên trong mọi trường-hợp, người dân không có quyền nộp đơn khởi tố trực tiếp tại Viện Bảo Hiến.

Đến khi nền Đệ nhị Cộng-hòa ra đời, Hiến-pháp mới công nhận quyền Tư-pháp độc-lập ngang hàng với Lập-pháp và Hành-pháp. Bảo hiên là nghĩa-vụ của mọi công-dân, tham-

quyền bảo hiến được giao cho T.C.P.V. Tối-cao Pháp-viện không những có quyền kiểm-soát hiến tính các văn-kiến, lập pháp và hành-chánh, mà còn có quyền giải-thích, hiến-pháp và giải-tan các chành đảng vị hiến. Thủ-tục bảo hiến theo một phương-thức công khai, dễ-dàng và mọi người đều có thể nộp đơn khởi tố thặng tại T.C.P.V.

Một sự trình bày tách bạch và khách quan như thế có điểm lợi là dễ thấy rõ bản chất của mỗi giải-pháp nhưng ta khó có một ý niệm phối hợp đầy-đủ về sự thay đổi trong vấn-đề bảo hiến tại Việt-nam Cộng-hoa. Chung ta cũng chưa nhận định được mức hữu hiệu và kết-qua thực tiễn của mỗi giải-pháp trong mục-tiêu bảo vệ dân-chu của nó.

Do đó, thiết nghĩ một nhận xét bao quát toàn bộ vấn-đề bảo hiến dưới hai chế-độ là cần-thiết vậy.

-----

**PHÂN THỨ NHÌ**

**NHÂN XÉT CÁC GIẢI-PHÁP  
BẢO HIỆN DƯỚI HAI CHẾ-ĐỘ**

---

Qua sự mô-tả trong Phần I, chúng ta hẳn có thể nhận định được một cách khái- quát về sự thay đổi quan - niệm và hình-thức bảo hiến từ định-chế Viên Bảo Hiến đến định-chế Tối-cao Pháp-viện, mà hệ quả là đã tạo nên những thành quả bảo hiến hoàn-toàn khác nhau dưới hai chế- độ.

Mục-dịch của Phần này là thực hiện việc khai triển những nhận xét về sự thay đổi đó trong khía cạnh pháp-ly cũng như thực-tế để khá dĩ đạt được những lợi ích mong-muốn của đề-tài.

Trong việc khai triển, người viết nhận thấy có hai vấn-đề sau đây cần được lưu ý :

1.- Trước hết, sự thay đổi về định-chế đã thể hiện ra sao trong bản chất của các giải-pháp bảo hiến ? Vấn-đề này sẽ đưa ta đến việc phân-tích, nhận định về những khía cạnh đồng dị giữa hai giải-pháp.

2.- Thứ đến, mỗi giải-pháp đã hoạt-động như thế nào qua môi-trường chánh-trị liên-hệ tới nó ? Chính sự phân-tích vấn đề này sẽ cho phép ta có một cái nhìn chính xác hơn về khả năng bảo-vệ dân-chủ của mỗi giải-pháp.

Đặt vấn-đề như vậy, Phần II của Luận-văn này sẽ gồm có hai Chương :

Chương I : Những điểm tương đồng và dị biệt giữa hai giải-pháp bảo hiến.

Chương II: Án-lệ bảo hiến và thực tại chánh-trị.

oOo

## Chương một

# NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ ĐI BIỆT GIỮA HAI GIẢI-PHÁP

Trên bình diện pháp-lý, sự thay đổi từ định-chế Viên Bảo Hiến đến định-chế Tối-cao Pháp-viện có thể được nhận định một cách trực-tiếp qua bản chất của hai định-chế. Theo đó, người ta nhận thấy có một số điểm tương đồng bên cạnh những điểm đi biệt căn-bản về cơ-quan cũng như thủ-tục bảo hiến của hai giải-pháp.

Đi sâu hơn vào vấn-đề, ta sẽ thấy rằng sự xuất hiện của mỗi giải-pháp chẳng qua là do nơi căn-bản triết-ly của mỗi chế-độ và tính-chất đặc thù của mỗi giai-đoạn lịch-sử chánh-trị.

Ngoài ra, khi đặt vấn-đề so-sánh, tìm hiểu nguyên-do, ta không thể quên một khía cạnh quan-trọng khác của vấn-đề là sự nhận định về ưu khuyết điểm của mỗi giải-pháp. Vì qua những ưu khuyết điểm đó, ta mới thấy được tính cách tiến bộ về phương-diện pháp-lý của sự cải cách.

Với nhận quan như thế, Chương này sẽ nhận xét về hai chế-độ bảo hiến qua ba Tiết sau đây :

- Những điểm tương đồng ( Tiết I ),
- Những điểm đi biệt ( Tiết II ),
- Giải-thích và ưu khuyết điểm của hai giải pháp ( Tiết III ).

oOo

### TIẾT I : NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG .-

Trước hết, có những điểm tương đồng về cơ-quan bảo hiến, sau đó là những điểm tương đồng về thủ-tục áp-dụng trước cơ-quan này.

### ĐOẠN A : VỀ CƠ-QUAN BẢO HIẾN .-

Mục 1 : Tương đồng trong thẩm quyền bảo hiến .-

Trong nhận xét này, ta thấy rằng thẩm quyền của các cơ-quan bảo hiến đều có những tính-chất giống nhau và đều đặt nặng vào vai-trò kiểm hiến.

a) - Tính-cách của thẩm quyền :

Thẩm quyền của Viện Bảo Hiến và Tối-cao Pháp-viện đều có tánh-cách chung là chuyên-độc, hậu kiểm và chánh-trị.

1. - Chuyên độc: Ngoài Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. không có một cơ-quan tại phần nào khác có thẩm quyền về bảo hiến. T.C.P.V. Hoa-Kỳ cũng có thẩm quyền bảo hiến nhưng chỉ có tánh-cách chuyên độc giới hạn trong các vụ kiện liên hệ đến các đại-sứ, bộ-trưởng, lãnh-sứ và các tiểu-bang chứ không có thẩm-quyền chuyên độc trong các trường-hợp khác.

2. - Hậu kiểm: Viện Bảo Hiến và Tối-cao Pháp-viện chỉ có-thể kiểm-soát các văn-kiến đã ban hành và thật sự gây thiệt hại cho người dân. Đây là một tính-chất rất thông thường của các cơ-quan tại-phần và được thông dụng tại Hoa-Kỳ, Tây-Đức, ... Đối-lập với hậu kiểm là tiền kiểm; đó là thể-thức kiểm -soát các văn-kiến trước khi thi hành. Thể-thức tiền kiểm được thông dụng tại Pháp, theo đó, Hội Đồng Bảo Hiến có nhiệm-vụ kiểm-soát sự hợp hiến tính các đạo luật tổ-chức và các văn-kiến quy-tắc của Quốc-hội trước khi ban hành.

3. - Chánh-trị: Danh rằng kiểm-soát sự hợp hiến hay bất hợp hiến của một bản văn là bản-chất của nhiệm-vụ tại-phần, nhưng thật sự thẩm quyền này của Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. không thể khỏi đượm màu sắc chánh-trị. Thật vậy, việc so sánh các văn-kiến lập-pháp hay lập-quy với Hiến-pháp thường vượt ra ngoài quan điểm pháp-lý, đặc biệt khi có nhiều điều khoản không được Hiến-pháp ghi rõ ràng, cơ-quan bảo hiến phải giải-thích Hiến-pháp và khi các văn-kiến lập-pháp, lập-quy không được rõ-ràng, cơ-quan bảo hiến lại phải giải-thích các văn-kiến đó trước khi đi đến quyết-định. Cho nên kết-qua là quan-niệm chánh-trị của Viện Bảo Hiến hoặc của T.C.P.V. thay thế cả quan-niệm chánh-trị của Lập-pháp và Hành-pháp.

Về phương-diện học-lý, tánh-cách chánh-trị của thẩm-quyền bảo hiến được nhiều tác gia có thẩm-quyền xác nhận. Theo thẩm-phần tối-cao Trần-Văn-Linh ( Chủ-tịch T.C.P.V. ), giải-thích hiến-pháp không thể nào là một hành-vi hoạn-toan pháp-lý hay trung-lập, hành-vi đó đòi hỏi lại là một cách sửa đổi hiến-pháp tuy theo nhu cầu của



hiện tình và theo đa số của cá tính<sup>1</sup>. Cố Giáo-sư Nguyễn-văn-Bông còn cho rằng: 'Chính chiều hướng của chế-độ và tương-lai của quốc-gia mà bất cứ ai giải-thích hiện-pháp, đặc-biệt là cơ-quan có thẩm-quyền giải-thích, phải luôn luôn chú ý'<sup>2</sup>.

Về phương-diện án-lệ, tánh-cách chánh-trị được biểu lộ khá rõ-ràng qua các phán-quyết của T.C.P.V. ( Xin xem phán dân-lý của các phán-quyết ngày 6-12-68, ngày 7-6-71..)

Tại Hoa-Kỳ tánh-cách chánh-trị của thẩm-quyền bảo hiến đang được lưu ý qua lời nói nổi tiếng sau đây của Chủ-tịch T.C.P.V. Charles Evans Hughes: 'Chúng ta sống dưới Hiến-pháp nhưng Hiến-pháp là những gì được các Thẩm-phan nói ra'.

b) - Trong-tâm của thẩm-quyền là kiểm hiến :

1.- Viện Bảo Hiến Đệ-nhất Cộng-hòa là một cơ-quan kiểm hiến, chuyên phán quyết về tính-cách hợp hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh. Đối với T.C.P.V. Đệ-nhi Cộng-hòa, ta thấy trong các thẩm-quyền bảo hiến, quyền kiểm hiến vẫn được xem là quan-trọng hơn cả vì nó liên-hệ trực-tiếp tới quyền-lợi của người dân và bao gồm một cách gián-tiếp quyền giải-thích hiến-pháp. Cho nên, chỉ riêng về quyền kiểm-hiện, luật-pháp đã tru-liệu một thủ-tục rõ-ràng, trong đó mọi thể-nhân, pháp-nhân công-pháp và tư-pháp đều có-thể xin T.C.P.V. phán-quyết về tính-cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các văn-kiên lập-pháp và hành-chánh.

2.- Ngoài ra, nhận khi đề-cập đến thẩm-quyền kiểm-<sup>hiện</sup>, ta lại còn nhận thấy rằng Hiến-pháp và luật-pháp liên-hệ đến Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. nếu đã minh-thị một số văn-kiên đối-tượng của thẩm-quyền này thì đã hoàn-tồn im-lặng đối với một số ban văn có tánh-cách đặc-biệt như: Nội-quy của Quốc-hội, các Hiệp-ước quốc-tế, các đạo luật tự chính, các văn-kiên có trước ngay ban hành hiến-pháp; các quyết-định hành-chánh bất thành văn cũng không được đề-cập tới. Vậy văn-đề đặt ra là chúng ta cần xét xem Viện Bảo Hiến và T.C.P.V., trong thẩm quyền kiểm hiến, có thể kiểm soát hợp hiến tính đối với những Hành vi không

1. Trần-Văn-Linh, "T.C.P.V. và vấn-đề kiểm-soát hợp hiến tính," Giảng-thuyết ( Sài-Gòn: Tòa Thượng-thẩm, 28-12-1967 ).

2. Nguyễn-Văn-Bông, "T.C.P.V. nền Đệ-nhi Cộng-hòa," Cấp-Tiến, 9-3-1971.

3. Nguyễn-văn: "We are under a Constitution but the Constitution is what the Judges say it is".

được du-liệu này không ? Chúng ta hãy tuân t<sub>u</sub> xét từng trường-hợp :

+ NỘI-QUY CỦA QUỐC-HỘI :

Nội-quy là một-văn-kiến do Quốc-hội tu án-định lấy để tổ-chức và điều-hành nội-bộ của Quốc-hội. Hiến-pháp 1956 cho phép Quốc-hội tu án-định nội-quy tại điều 68 và Hiến-pháp 1967 cho phép mỗi Viện Quốc-hội được trọn quyền án-định nội-quy tại điều 49 khoản 3.

Vậy nội-quy của Quốc-hội có được đặt trong phạm-vi kiểm hiệncủa cơ-quan bảo hiến hay không ? - Có hai giải-pháp đối lập như sau :

- Giải-pháp thứ nhất trả lời không. Lý-do là vì điều 87 Hiến-pháp 1956 và điều 81 Hiến-pháp 1967 khi án-định tham-quyền kiểm hiến của cơ-quan bảo hiến không mang ý-nghĩa một sự liệt-kê vô giới-hạn.

- Giải-pháp thứ hai trả lời có. Lý-do là vì nội-quy của Quốc-hội cơ-thể đồng-hóa với luật và sự liệt-kê của điều 81 hiến-pháp 1967 không có tính-cách giới hạn. Trong luật đối-chiếu, điều 61 Hiến-pháp 1958 của Pháp cũng đặt nội-quy của hai Viện Quốc-hội dưới sự kiểm-soát của Hội-Đồng Bảo Hiến trước khi được đem áp-dụng.

Thiết nghĩ giải-pháp thứ nhất chỉ đúng trên bình - diện thuần-tuý hình-thức và sự giải-thích qua chặt hẹp nên khó chấp nhận được. Vấn-đề ở đây không phải là tìm xem sự liệt kê có giới hạn hay không có giới hạn mà phải tìm xem nội quy của Quốc-hội có thể nào xếp chung loại với các bản văn được liệt kê không và ý-chí của nhà lập hiến như thế nào khi giao cho Quốc-hội có toàn quyền án-định nội quy.

Trước hết, về phương-diện thực chất, ta không thể nào chối cãi được nội quy của Quốc-hội mang tính-chất của một đạo luật, chỉ thiếu có sự ban hành của Tổng-Thống để trở thành một đạo luật chính danh mà thôi. Và lại, xét trên một khía cạnh khác, nội-quy Quốc-hội do tập thể dân-biểu hay nghị-sĩ biểu quyết và tự đem thi hành, có đủ hai tính cách đơn-phương và chấp-hành chẳng khác nào một quy-tắc hành-chánh của Hành-pháp hoặc của một định-chế hiến-định như Chu-tịch T.C.P.V., Chu-tịch Giám-sát-viện; do đó,

1. Nguyễn-Khắc-Nhân, Luật Hành-Chánh, Giảng-Văn Ban Cao-Học H.C. (Sài-Gòn: Trường Q.G.H.C., 1971).
2. Nguyễn-Quang-Quyển, Op. Cit, tr. 32.

nội-quy của Quốc-hội có-thể được xem như một quy-tắc hành  
chánh chi phối ngành Lập-pháp.

Thứ nữa, trên thực-tế tại nhiều nước, Quốc-hội  
thường đưa vào nội-quy những điều khoản trái với Hiến-  
pháp mà nhà lập hiến thì chắc hẳn không bao giờ muốn Quốc  
hội sẽ ấn-định nội-quy trái với ý muốn của mình khi biểu-  
quyết trao trọn quyền này cho Quốc-hội.

Đó là những lý-do để ta có-thể kết-luận rằng nội-  
quy của Quốc-hội không thể nằm ngoài phạm-vi của thẩm-  
quyền kiểm hiến.

Về phương-diện án-lê, T.C.P.V. hiện nay chưa có một  
phần quyết nào bày tỏ quan điểm của mình về vấn-đề này.  
Tuy nhiên, ngoài G.s, Nguyễn-Quang-Quyển ( cũng là chuyên  
viên của T.C.P.V. ), một nhân-vật có thẩm-quyền khác,  
ông Trần-Văn-Linh ( Chủ-tịch T.C.P.V. ), đã chánh- thực  
bệnh-vực lập-trương vừa nêu .

#### + HIỆP-UỚC QUỐC-TẾ :

Hiệp-ước hay hiệp-định, điều-ước quốc-tế là những  
văn-kiên quy-định mối liên-hệ giữa các quốc-gia và là  
hình-thức thể hiện chạnh-sạch đối ngoại của chạnh-phu.  
Việc ấn-định và thi hành các hiệp-ước quốc-tế không thuộc  
thẩm quyền của Quốc-hội nhưng trước khi hiệp-ước được  
Tống-Thống ban hành phải được Quốc-hội phê chuẩn bằng  
một đạo luật. Hiến-pháp 1956 quy định điều-kiên này tại  
điều 55 và Hiến-pháp 1967 quy định tại điều 39.

Cũng như trường-hợp nội-quy Quốc-hội, có-thể có hai  
ý-kiến đối-lập trong việc có nên hay không nên đặt hiệp-  
ước quốc-tế thuộc thẩm quyền kiểm hiến của cơ-quan bảo  
hiện :

- Ý-kiến thứ nhất trả lợi không vì lẽ các bản Hiến  
pháp không có mình thì cho phép; và lại nếu Hiến-pháp cho  
phép thì có-thể vì một lý-do pháp-lý thông thường, T.C.P.  
V. tuyên bố bất hợp hiến một hiệp-ước và điều này sẽ tạo  
một ảnh-hương bất lợi trầm-trọng cho quốc-gia về phương-  
diện đối ngoại.

- Ý-kiến thứ hai cho rằng hiệp-ước quốc-tế được ban  
hành dưới hình-thức một đạo luật và thông thường các đạo  
luật này đều kèm theo văn-thức: 'Hiệp-ước này có hiệu-

lực nhu luật quốc-gia'. Cho nên theo tinh-thần trọng pháp, hiệp-ước quốc-tế phải đặt dưới quyền kiểm hiên của cơ-quan bảo hiên, Tuy nhiên, nếu ý-kiến này được chấp nhận thì ta rất khó tranh khỏi trở ngại như đã nói ở trên.

Thành thử, vì quyền-lợi tối thượng của quốc-gia, việc tìm một giải-pháp dung-hòa rất cần-thiết. Với tinh-thần này, người nghiên-cứu thiết-nghĩ trong hai nền pháp chế liên-hệ, ta không thể phủ nhận thẩm quyền kiểm hiên của cơ-quan bảo hiên đối với các hiệp-ước quốc-tế nhưng cần làm thế nào để cho một quyết-định kiểm soát hợp hiên tinh bất lợi không thể xảy ra. Chẳng hạn như áp-dụng một thể thức tiền kiểm, yêu-cầu T.C.P.V. giải-thích những điều khoản hiên-pháp nếu có sự nghi ngờ hiệp-ước sẽ vi-phạm. Một thể-thức như thế sẽ mặc nhiên tạo được sự thỏa hiệp trước của T.C.P.V.

#### \* CÁC ĐẠO LUẬT TU CHÍNH HIÊN-PHÁP :

Luật tu chính hiên-pháp, thường được các quốc-gia xem như là một phương-thức chánh-thức để sửa đổi hiên-pháp. Thủ-tục tu chính hiên-pháp được Hiên-pháp 1956 ấn định tại Thiên 9 ( từ điều 89 đến 93 ) và Hiên-pháp 1967 quy định tại Chương 8 ( điều 103 đến 107 ). Về phương-diện hình-thức, luật tu chính cũng do Quốc-hội biểu-quyết và Tổng-Thống ban hành nên phải đặt thuộc phạm vi thẩm quyền kiểm hiên của các cơ-quan bảo hiên. Tuy nhiên ta cần lưu ý rằng đó là một đạo luật đặc-biệt có hiệu-lực sửa đổi các điều khoản của Hiên-pháp nên vấn đề vi hiên về nội-dung không thể đặt ra. Cơ-quan kiểm hiên chỉ có-thể kiểm-soát hợp hiên, tinh về phương-diện hình-thức tức sự hợp lệ hay không của các giai-đoạn lập pháp mà thôi.

#### \* CÁC VĂN-KIỆN CÓ TRƯỚC NGÀY BAN HÀNH HIÊN-PHÁP :

Trước ngày ban hành Hiên-pháp 1956, cũng như Hiên-pháp 1967, về văn-kiền lập-pháp, hình-thức đạo dụ đã không được hai bản Hiên-pháp nơi tôi, chẳng hạn như trước Hiên pháp 1956 có Dụ số 9 ngày 14-7-1950 ấn-định quy-chế chung công-chức, Dụ số 57a ngày 24-10-1956 tổ-chức nên hành-chánh địa-phương, v.v... và trước Hiên-pháp 1967, có Dụ số 001/UBLĐQG ngày 24-6-1965 ban hành tình-trạng chiến-tranh trên toàn lãnh-thổ V.N.C.H. Vậy đạo dụ có đặt thuộc thẩm quyền kiểm hiên của các cơ-quan bảo hiên không ? Thật ra, sự giải đáp vấn-đề này không có gì khó-khăn, vì như ta biết đạo dụ chính là hình-thức sắc-luật được ban bố trong giai-đoạn không có Quốc-hội. Do đó, danh-từ có khác nhau nhưng thực chất và thể thức cấu tạo chỉ là một nên dĩ nhiên đạo dụ cũng phải đặt dưới sự kiểm-soát hợp hiên tinh. Điều cần lưu ý là sau Dụ số 001 ngày 24-6-65 đã dẫn ở trên, danh-từ 'đạo dụ' hoàn-toàn được thay thế bằng

danh-từ 'sắc-luật' khi chánh quyền cần ban bố một văn-kiện loại này.

Tuy nhiên, nói chung, các văn-kiện lập-pháp và hành-chánh có trước ngày ban hành Hiến-pháp khi phải đưa ra cơ-quan bao hiến kiểm-soạt có bị những cản trở nào không? Trước hết, về phương-diện học-ly, cũng như pháp lý, ta có thể nói là không có sự cản trở nào cả khi đặt các văn-kiện này dưới chế-độ kiểm-soạt hiến tính liên hệ, vì :

- Theo nguyên-tắc trong pháp, Hiến-pháp là luật tối thượng nên không thể chấp nhận có một bản văn nào khác đang còn hiệu-lực mà trái với nó.

- Hiến-pháp 1956 cũng như Hiến-pháp 1967, không hề có sự phân biệt nào về văn-kiện lập-pháp hay hành-chánh ban hành trước và ban hành sau ngày có Hiến-pháp.

Duy chỉ có điểm ta cần lưu ý là không thể thực hiện việc kiểm-soạt hợp hiến tính các văn-kiện loại này về phương-diện hình-thức mà chỉ có thể kiểm-soạt về nội dung thôi. Điều này dễ hiểu vì các ban văn cũ bắt buộc phải theo đúng hình-thức và thủ-tục quy định bởi luật-lệ đương thời.

Quan-niệm trên đây đã được án-lệ T.C.F.V. hoàn-toàn chấp nhận.

#### + CÁC QUYẾT-ĐỊNH HÀNH-CHÁNH BẮT THÀNH VĂN :

Quyết-định hành-chánh bắt thành văn được định nghĩa là sự im-lặng của chính quyền trước một vấn-đề cần giải-quyết nào đó. Sự im-lặng này đôi khi do luật-lệ minh-định, thí-dụ như :

- Theo điều 21 Dự số 38 ngày 9-11-1954, sự im-lặng sau thời-gian 2 tháng được đồng hoa với một quyết-định mặc thị hác khước;

- Sắc-lệnh 045-SL/NV ngày 1-4-1969 cũng nêu rằng qua 20 ngày, sự im lặng của Tỉnh-trưởng về việc chuẩn y một quyết-định để bổ-nhiệm các uy-viên xã được hiểu như một quyết-định mặc nhiên chấp thuận.

1. Xin xem các Phán-quyết ngày 29-4-70, 5-5-70 và 11-11-70 về việc tuyên-bố bất hợp hiến sắc-luật số 11/32 ngày 21-6-32 (Tu-Pháp Tập-San số 4/70), Phán quyết ngày 24-3-70 về việc tuyên bố bất hợp hiến sắc-luật số 22/65 ngày 8-10-1955 (Tu-Pháp Tập-San số 1/71).

Nhưng thông thường, sự im-lặng không được/hoặc minh văn-kiến thị cả nhưng sự xảy ra làm thiệt hại cho người dân. Học lý chủ-trương, trong trường-hợp này danh-tu' quyết-định hành-chánh, mà Hiến-pháp 1967 dung ( Hiến-pháp 1956 chỉ giới hạn các quyết-định hành-chánh trong các hành vi lập quy ) cần phải được hiểu rộng rãi qua hai cách :

- Một cách tích-cực để chỉ các quyết-định dưới hình-thức các 'ban văn',

- Một cách tiêu-cực để chỉ các quyết-định bất thành văn.

Do đó, các quyết-định hành-chánh bất thành văn cũng phải được đặt dưới quyền kiểm-soát hợp hiến tính của các cơ-quan bảo hiến.

Về phương-diện án-lê, lối giải-thích trên đã phù-hợp với quan điểm của T.C.P.V. trong một phán quyết về kiểm pháp nên ta có-thể suy ra quan điểm này cũng sẽ được chấp nhận trong một vụ kiện kiểm hiến.

## Mục 2 : Tương đồng trong quy-chế thẩm-phán .-

Trong quy-chế thẩm-phán của Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. có hai điểm tương đồng căn-ban về nghĩa-vụ và đặc quyền của thẩm-phán.

### a) - Về nghĩa-vụ thẩm-phán :

1.- Thẩm-phán Viện Bảo Hiến cũng như T.C.P.V., trước khi nhậm chức, đều phải tuyên thệ thi hành một số nghĩa-vụ căn-ban. Phân tích các lời thề đó, ta thấy có một sự tương đồng về nghĩa vụ của các thẩm-phán, đại để thẩm-phán phải :

- trung thành và làm tròn nhiệm-vụ được giao phó,
- thi hành phận sự một cách vô tư,
- giữ hoàn toàn bí mật những điều bàn luận trong lúc tham nghị và biểu quyết,
- tôn-trọng Hiến-pháp và luật-pháp.

2.- Ngoài ra, để giữ cho thẩm-phán được hoàn-toàn vô-tư trong khi hành sự, cả hai quy-chế đều cấm, đoán thẩm-phán không được kiêm nhiệm những chức vụ có phương-

---

1. Lê-Văn-Đình, "Quyết-Định Hành-Chánh Trước T.C.P.V.,"  
Tu-Pháp Tập-San, III ( 1969 ).

2. Xin xem Phán-quyết ngày 17-2-1970 ( T.P.T.S. số 1/70 ).

hại đến tinh-thần độc-lập của mình.

b)- Về quyền đặc miễn tài phán :

Cùng một mục-đích với nghĩa-vụ bất khả kiém, các quy-chế con ban cho các thẩm-phán quyền đặc miễn tài phán. Theo đó, nếu không kể các chi-tiết đi biệt trong cách áp-dụng, tuy trường-hợp mà việc truy-tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử các thẩm-phán đều theo một thủ-tục có bao đảm chắc-chắn cho sự an-toàn bản thân của các vị đó trong suốt nhiệm-ky.

ĐOẠN B : VỀ THỦ-TỤC BẢO HIẾN .-

Mục 1 : Tương đồng trong phương-cách sử dụng tổ quyền.-

a)- Mô-tả sự tương đồng :

Cả hai giải-pháp đều áp-dụng triết-đề hai phương, cách phát động tổ quyền xin kiém hiến: chánh tổ và khước biện.

1.- Trong phương-cách chánh tổ, tu-cách khởi tổ cần giải-thích rõ thêm như sau :

- Thế-nhân tức là mọi cá-nhân chúng ta, chủ-thể chính của pháp-luật;

- Pháp-nhân tu-pháp gồm các hiệp-hội ( có tánh cách văn-hoa, xã-hội, nghề-nghiệp, chính-trị, tôn-giáo, ... với mục-đích không kiém lợi ) và các công-tý ( có tánh cách thương-mại hay không nhưng có mục-đích kiém lợi );

- Pháp-nhân công-pháp tức là các tập-thể hoặc có tánh-cách địa-phương như quốc-gia, đô-thành, tỉnh, thị-xã, xã hoặc có tánh-cách chuyên-môn như các công-lập sở.

2.- Trong phương-cách khước-biên, tương cần lựu ý rằng vì sự khước-biên luôn luôn xảy ra phần một vụ an tổng-quạt hơn nên khước-biên được coi là một phụ đới của vụ an chính. Sự thật, với phương-cách khước-biên, tung-nhận không kiện, thăng bạ văn bặt hợp hiến mà chỉ xin pháp-dinh dùng áp-dụng bản văn đó đối với y. Chẳng hạn y bị đưa ra tòa hình xử vì đã vi phạm một điều luật, y bên khước-biên trước tòa rằng đạo luật đó bất hợp hiến để y được tha bổng, hoặc khi y bị đới phương nêu lên một đạo luật bất hợp hiến bất lợi đối với y trong một vụ tranh-chấp, y bên xin tòa đương tung không áp-dụng đạo luật đó. Phương-pháp kiém hiến bằng khước-biên thịnh hạnh nhất tại Hoa-Ky, chính sự thành-công đạt được tại đó đã khiến

nhiều quốc-gia khác chú ý và đem lòng phương-pháp này vào pháp-chế của quốc-gia mình.

b) - Một luật điểm cần thanh-quyết: tổ quyền xin kiểm hiên của Quốc-hội :

1.- Trong phương-cách chánh tổ, tu-cách khởi tổ là một điều-kiện rất quan-trọng để sử-dụng tổ quyền, Trên thực-tế, vấn-đề này đã tỏ ra không đơn-gian vì các tác-giả đã tung thảo-luận sôi nổi về tu-cách khởi tổ của Quốc-hội. Một số tác-giả cho rằng Quốc-hội không có tu-cách pháp-nhân nên không có quyền dùng chánh tổ trong một vụ kiện xin kiểm hiên. Một số khác, trong đó có G.s. Vũ-Văn-Mâu và đặc-biệt là cựu Chủ-tịch Thượng-Nghị-Viện Nguyễn-Văn-Huyền, lại cho rằng Quốc-hội có tu-cách pháp nhân riêng biệt nên có tổ quyền xin kiểm hiên như các pháp nhân khác.

Luật điểm trên đang lý được T.C.P.V. thanh quyết trong vụ án kiểm-soat hợp hiên tỉnh Nghị-dinh tăng thuế suất thuế kiểm-ước do Thượng-Nghị-Viện yêu-cầu, nhưng qua Phan-quyết ngày 12-12-1969, T.C.P.V. chỉ chấp-thuận về hình-thức đơn khởi tổ của Chủ-tịch Thượng-Nghị-Viện với lý-do sau: 'Chủ-tịch T.N.V. đã hành-dộng hợp-lệ với tu-cách là đại-diện T.N.V., Chủ-tịch T.N.V. được sử-dụng quyền xin giải-thích hiên-pháp và giải-tan chánh đang nên suy ra cũng được sử-dụng tổ quyền xin kiểm hiên hoặc kiểm-pháp'. Do đó, ta đã lỡ mất một dịp tìm hiểu quan-điểm của an-lệ về vấn-đề trên.

2.- Theo thiên ý, người viết luận-văn đồng ý với G.s. Nguyễn-Khắc-Nhân trên khía cạnh không thể công nhận Quốc-hội ( hay Thượng-Nghị-Viện hoặc Hạ-Nghị-Viện nơi riêng ) có tu-cách pháp-nhân công-pháp riêng biệt; vì chấp nhận như thế là gián-tiếp chấp nhận Hành-pháp và Tư-pháp cũng có tu-cách pháp-nhân riêng. Điều này khiến xâm phạm đến nguyên-tắc 'chủ quyền quốc-gia thuộc về toàn dân' mà Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp chỉ là các cơ-quan đại-diện.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà phủ nhận tổ quyền

---

1. Nguyễn-Bộ, Công-Pháp Tụng, Giảng-Văn (Sài-Gòn: Đại-Học Luật-Khoa, 1971), tr. 164.

Nguyễn-Khắc-Nhân, 'Khía Cạnh Pháp-Lý Của Vấn-Đề Thuế Kiểm-Uớc', Nghiên-Cứu Hành-Chánh số 4/59, tr. 123.

2. Vũ-Văn-Mâu, Luật-Học Đại-Cương (Sài-Gòn: k. t., 1971), tr. 377.

3. Xin xem bút-lục hồ-sơ về vụ Thượng-Nghị-Viện kiện Nghị-Định số 1569 ngày 23-10-1969 v/v tăng thuế Kiểm-ước (TPTS số 1/70).



xin kiểm hiến của Quốc-hội, vì theo nguyên-tắc quốc-gia là một pháp nhân công-pháp tối thượng mà cơ-quan Hành-pháp có quyền đại-diện trong mọi trường-hợp tổ tụng, trước tòa án thì mặc nhiên phải chấp nhận Lập-pháp ( và cả Tư-pháp trong Đệ-nhi Cộng-hòa ) cũng có quyền đại-diện cho pháp nhân này. Nói một cách khác, Quốc-hội không có tư-cách pháp nhân riêng nhưng có quyền thay mặt cho pháp-nhân quốc-gia để sử-dụng tố quyền xin kiểm hiến.

Mục 2 : Tương đồng trong thủ-tục phán xử và trong hiệu-lực của bản án.-

a)- Một thủ-tục phán xử coi trọng văn-kiến lập-pháp hơn văn-kiến hành-chánh :

Trước Viện Bảo Hiến cũng như T.C.P.V., các văn-kiến lập pháp luôn luôn được coi trọng hơn các văn-kiến hành-chánh. Sự phân biệt này được thực hiện bằng một kỹ-thuật phán xử như sau :

- Phán quyết về tính-cách hợp hiến một văn kiện hành-chánh chỉ cần qua ban tổng số tham-phán hiện-diện chấp thuận;

- Phán quyết về tính-cách hợp hiến của một văn-kiến lập-pháp thì phải cần đến một túc số cao hơn: 2/3 tổng-số tham-phán tại chức đối với trường-hợp Viện Bảo Hiến và 3/4 tổng-số tham-phán tại chức đối với trường-hợp T.C.P.V.

Sự phân biệt trên rất hợp lý vì về thực chất, văn-kiến lập-pháp luôn luôn phản ảnh ý-chí của số đông người hơn văn-kiến hành-chánh và cũng được thiết-lập một cách phức-tạp hơn; và lại, trên khía cạnh pháp-ly, văn-kiến lập-pháp cũng ở cấp cao hơn các văn-kiến hành-chánh.

b)- Hiệu-lực đình chỉ của bản án :

Bản án của Viện Bảo Hiến và của T.C.P.V. đều có hiệu lực đình chỉ nghĩa là những điều khoản hay bản văn, bất hợp hiến chỉ bị ngưng thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực về sau. Với hiệu-lực đình-chỉ, bản án không có tanh-cách hồi tố, quốc-gia không có bổn-phận tại lập tính-trang cho hợp hiến đối với thời-gian từ ngày ban hành bản văn bất hợp hiến đến ngày có bản án.

Hiệu lực đình-chỉ hoàn toàn khác với hiệu-lực tiêu hủy của bản án kiểm-soát hợp pháp tính của Tham-chánh-viện. Nhưng với Luật số 007/68, kiểm hiến kiểm pháp là thẩm quyền chuyên-độc của T.C.P.V. nên ta có-thể nói một cách tổng-quat rằng hiệu-lực tiêu hủy một bản văn không còn được chấp nhận nữa.

Mục 3 : Tương đồng trong đặc-tính tổng quát của thu-tục .-

Nếu nhận xét một cách tổng-quát, thủ-tục kiểm hiến trước Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. đều có 3 đặc-tính sau :

1.- Tính-cách rộng-rãi: Tất-cả mọi tư nhân và mọi pháp nhân không hạn chế đều có tố quyền xin kiểm hiến. Hơn nữa, từng nhân có thể dùng cả hai phương-cách chánh tố và khước biện để phát động tố quyền; tố quyền cũng không bị thời tiêu.

2.- Tính-cách giản-dị, ít tốn kém; Theo nguyên-tắc, có-thể không cần luật-sư, nguyên đơn có-thể thao-lấy biện minh trạng, thu-tục cũng diễn tiến nhanh chóng, các bút lục về thu-tục và các bản án đều được miễn thuế trước bạ và con niêm.

3.- Tính-cách hành-chánh trong thủ-tục thông báo: Các văn-kiến trao đổi giữa pháp đình và từng nhân đều do Phòng ( hoặc Nha ) Tổng-Thư-Ky thụ nhận và chuyển giao, như những văn-thư hành-chánh nên không cần đến thưa phạt lại như trong một vụ kiện dân-sự.

Trên đây là những nhận xét về các điểm tương đồng giữa Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. Sau đây ta cần nhận định về các điểm dị biệt giữa hai giai-pháp đó.

TIẾT II : NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT .-

Như các điểm tương-đồng, các điểm dị biệt giữa Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. cũng vừa liên-hệ đến cơ-quan bảo hiến vừa liên-hệ đến thu-tục bảo hiến.

ĐOẠN A : VỀ CƠ-QUAN BẢO HIẾN .-

Mục 1 : Khác nhau trong đối-tượng của thẩm quyền .-

Đối-tượng thẩm quyền của Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. có những điểm khác nhau về cả hình-thức lẫn nội-dung.

a)- Hình-thức của thẩm quyền :

Viện Bảo Hiến thật sự chỉ là một cơ-quan kiểm hiến không hơn không kém; Trái lại, T.C.P.V., ngoài thẩm-quyền kiểm hiến, còn có cả quyền giải-thích hiến-pháp ( chính danh ) và quyền giải tạn các chánh đảng vi hiến; Do đó, về phương-diện hình-thức, thẩm quyền bảo hiến của T.C.P.V. rộng-rãi hơn thẩm-quyền của Viện Bảo Hiến nhiều.

b)- Nội-dung của thẩm-quyền :

Ngay trong nội dung của thẩm-quyền kiểm hiệ̣n cụ̃ng có điệ̣m khác biệt. Vì hành vi hành-chánh, Viện Bao Hiệ̣n chỉ có quyền kiểm-soát các quy-tắc hành-chánh, còn T.C.P.V. có quyền kiểm-soát tất-ca các quyết-định hành-chánh.

1.- Quyết-định hành-chánh là một luật ngữ bao gồm các quyết-định cá nhân và quyết-định lập quy :

- Quyết-định cá-nhân là một quyết-định dùng để ấn định tình-trạng pháp-ly của riêng một chủ-thể mà người ta biết rõ danh tánh, lai lịch và các yếu-tố về bản thân. Thí dụ: Quyết-định cử ông X làm chánh sở, quyết-định cho ông Y từ Đốc-sự Hạng 3 lên Đốc-sự Hạng 2,....

- Quyết-định lập quy là một quyết-định dùng để tạo nên một tình-trạng pháp-ly tổng quát cho các chủ thể trong cùng một hoàn cảnh, không rõ đích danh là ai, không biết số-lượng bao nhiêu, chỉ biết rằng kể từ khi quyết-định ấy ban hành, nếu chủ-thể hội đủ một số điều-kiện thì phải do quyết-định lập-quy ấy chi phối. Thí dụ: Quyết-định tăng lương cho mỗi công chức là 3.000g, quyết-định áp-dụng lưu-thông một chiều trên một con lộ,....

2.- Từ nhận định trên, ta thấy rằng, các quyết-định lập quy trên thực-tế được thể hiện bằng các văn-kiên lập quy do các cơ-quan hành-chánh hữu quyền công bố. Đó, cũng chính là các quy-tắc hành-chánh mà Hiến-pháp 1956 nói đến.

Sự giải-thích trên hoàn toàn phù hợp với ý-chỉ của các nhà lập-pháp khi thảo luận và biểu quyết luật số 7/60 ngày 23-12-1960 thiết-lập Viện Bao Hiệ̣n.

Vì quy-tắc hành-chánh chỉ là một phần của các quyết-định hành-chánh nên ta kết-luận rằng quyền kiểm hiệ̣n của T.C.P.V. có một nội-dung rộng-rãi hơn quyền kiểm hiệ̣n của Viện Bao Hiệ̣n.

Mục 2 : Khác nhau trong cách tổ-chức và điều hành.-

a) - Về nhân sự và cơ cấu :

1. Danh-từ "quyết-định hành-chánh" ở đây được hiểu theo nghĩa của học-ly, bao gồm mọi hình-thức: sắc-lệnh, nghị-định, quyết-định, thông-tư,.... ( Xin xem lại Phần I Chương II, tr. 31 Luận-văn này)

2. Nguyễn-Khắc-Nhân, Luật Hành-Chánh, Giảng-Văn Ban Đốc-Sự (Sài-Gòn: Trường Q.G.H.C., 1973).

1. Nhân-số của Viện Bảo Hiến gồm 9 thẩm-phần (1 chủ tịch và 8 hội-tham), còn T.C.P.V. thoát đầu với Luật số 007/68 có 15 thẩm-phần (ngoại trừ nhiệm-ky đầu), hiện nay với Luật tu chính Hiến-pháp 001/74 mới hạ xuống còn 9 thẩm-phần.

Chủ-tịch Viện Bảo Hiến do Tổng-Thống cử với sự thỏa hiệp của Quốc-hội còn 8 hội-tham thì Tổng-Thống cử 1/2 (trong số các thẩm-phần cao cấp hay luật gia), Quốc-hội cử 1/2 (trong số các dân-biểu). Trái lại, thẩm-phần T.C.P.V. bắt buộc phải là thẩm-phần xử án, thẩm-phần công-tố hay luật-sư và phải tuyển chọn qua một thể-thực phức-tạp: do cử-tri đoàn bầu trước rồi Quốc-hội mới tuyển chọn và Tổng-Thống bổ nhiệm sau; hiện nay với đạo luật tu chính hiến-pháp, phương-thức tuyển chọn đã được giản - dị hóa nhưng thẩm-phần T.C.P.V. bắt buộc phải là thẩm-phần xử án hay thẩm-phần công-tố (tu-pháp hoặc hành-chánh) cao cấp, có nhiều thẩm-niên còn việc tuyển chọn thì hoàn toàn thuộc quyền Quốc-hội.

Thẩm-phần Viện Bảo Hiến có nhiệm-ky là 4 năm (trùng với nhiệm-ky của Quốc-hội), khi mãn nhiệm ky thì được bầu lại tất-cả; còn thẩm-phần T.C.P.V. có nhiệm-ky là 6 năm và theo luật số 007/68, cứ sau 3 năm sẽ được bầu lại 6 hoặc 9 thẩm-phần tùy trường-hợp, theo luật số 10/71 thì sau 6 năm sẽ được bầu lại tất-cả, hiện nay theo luật tu chính số 001/74, cứ mỗi 2 năm thì được Quốc-hội tuyển chọn lại 1/3 tổng-số.

Trong luật đối chiếu, tùy theo quan-niệm của từng quốc-gia mà nhân số, cách tuyển chọn và nhiệm-ky của các thẩm-phần cơ-quan bảo hiến mỗi nơi một khác. Tại Hoa-Kỳ T.C.P.V. có cả thảy 9 thẩm-phần do Tổng-Thống bổ nhiệm với một nhiệm ky suốt đời. Tại Pháp Hội-Đông Bảo Hiến có 9 nhân-viên chia ra làm 3 phần đều nhau do Tổng-Thống, Chủ-tịch T.N.V. và Chủ-tịch H.N.V. bổ nhiệm với một nhiệm ky là 9 năm và cứ sau 3 năm thì tái tân lại 1/3 tổng-số; ngoài ra, các cựu Tổng-Thống đều đương nhiên là nhân-viên vĩnh-viễn của Hội-Đông và vị Chủ-tịch Hội-Đông do Tổng-Thống bổ-nhiệm (điều 56 Hiến-pháp 1958 của Pháp).

2.- Về khía cạnh cơ-cấu, phụ-trợ nhiệm-vụ tài-phần cho Viện Bảo Hiến có Ủy-Ban Đình-Tham; Ủy-Ban này có 5 thẩm-phần do Chủ-tịch chỉ định và có nhiệm-vụ phận xét chấp-thuận hay bác bỏ các đơn xin phán quyết. Trái lại, phụ trợ nhiệm -vụ tài phần cho Đại Hội-Đông T.C.P.V. có Ban Bảo Hiến; Ban này do một Phó Chủ-tịch T.C.P.V. điều-khien cùng với hai thẩm-phần khác làm ủy-viên và chỉ có nhiệm-vụ thẩm-cựu các đơn xin phán quyết mà không có nhiệm-vụ tài phần.

b)- Về phương-diện điều hành :

Điểm khác nhau căn-bản trong việc điều hành là Viện Bảo Hiến không có quyền lập quy con T.C.P.V. thì có quyền lập quy.

Do đó, Chủ-tịch Viện Bảo Hiến không được ra các quyết-định hành-chánh có tánh cách quy-tắc, quyền này hoàn toàn tùy thuộc Tổng-Thống; Tổng-Thống ký sắc-lệnh ấn-định chi-tiết sự tổ-chức và điều-hành Viện Bảo Hiến nếu cần, ký sắc-lệnh tổ-chức Phòng Tổng-Thư-Ký, ký sắc-lệnh ấn-định phụ-cấp cho chủ-tịch và các hội-tham, ... Trái lại, Chủ-tịch T.C.P.V. có toàn quyền ban bố các quy-tắc (hoặc một mình hoặc sau khi Đại Hội-Đông biểu-quyết chấp-thuận) chỉ phối các vấn-đề nội-bộ.

Mục 3 : Khác nhau trong quy-chế của thẩm-phán .-

Giữa hai quy-chế của thẩm-phán có những khác biệt liên-hệ đến nghĩa-vụ bất khả kiem, đặc quyền tài phán, phụ-cấp và vấn-đề chấm dứt nhiệm-vụ của thẩm-phán.

a)- Cách thực hiện nghĩa-vụ bất khả kiem :

Nguyên-tắc bất khả kiem được áp dụng đối với thẩm-phán Viện Bảo Hiến cũng như thẩm-phán T.C.P.V. nhưng trong cách thực hiện có những điểm khác biệt đáng lưu ý:

Thẩm-phán Viện Bảo Hiến bị cấm không được kiêm nhiệm với những chức vụ có phương hại đến sự độc-lập của các vị đó nhưng luật không liệt kê rõ những chức-vụ nào. Trên thực-tế, ta thấy có những sự kiêm nhiệm được mặc nhiên chấp nhận như sau: hội-tham kiêm dân-biểu, chủ-tịch và hội-tham kiêm thẩm-phán chuyên-nghiệp hoặc luật-sư.

Trái lại, thẩm-phán T.C.P.V. được luật minh thị là không được kiêm nhiệm hoặc đặc nhiệm một chức vụ công-cu hay dân-cụ ngoại trừ việc giảng huan tại đại-học và những chức vụ hiến-định. Khi đặc tuyển thẩm-phán T.C.P.V. các thẩm-phán chuyên-nghiệp phải được đặt ngoại ngạch và luật-sư ( trước khi có luật tu chính 001/74 ) phải xin bỏ sót tên trên danh biểu luật-sư đoàn.

Vậy ngoài các chức vụ do luật cho phép, thẩm-phán T.C.P.V. tuyệt đối không được kiêm nhiệm một chức vụ nào khác. Còn sự kiêm nhiệm của thẩm-phán Viện Bảo Hiến có thể xảy ra và nếu xét thấy có hại cho sự độc-lập của vị đó, Viện Bảo Hiến mới họp lại để quyết-định sự chế tài.

b)- Cách áp-dụng quyền đặc miễn tài phán:

Trong quyền đặc miễn tài phán, sự áp-dụng đối với thẩm-phán Viện Bảo Hiến và thẩm-phán T.C.P.V. có những điểm khác nhau sau đây :

1.- Trong khi hành nhiệm, ngoài trừ quả tang phạm pháp, thẩm-phán T.C.P.V. tuyệt đối không thể bị truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử vì những ý-kiến và biểu quyết; còn thẩm-phán Viện Bảo Hiến có thể bị truy tố, tạm nã, ...nếu có sự chấp thuận của 2/3 tổng-số thẩm phán của Viện.

2.- Trong trường-hợp quả tang phạm pháp, sự truy-tố hay bắt giam một thẩm-phán T.C.P.V. sẽ bị đình chỉ nếu có sự yêu cầu của 2/3 tổng-số thẩm-phán của Viện; còn nếu một hội-tham Viện Bảo Hiến đương trưng phạm-pháp thì tuyệt nhiên không có một bao đảm nào về sự an-toan bản thân của vị đó.

3.- Thẩm phán T.C.P.V. can tội phạm quốc và các, trong tội khác chỉ bị truất quyền nếu có phạm-quyết của Đặc-Biệt Thap-Viện; còn đối với Viện Bảo Hiến, thủ-tục này chỉ áp dụng cho bị Chu-tịch mà thôi.

Do đó, trong chi-tiết của quyền đặc-miễn tài phán, thẩm phán T.C.P.V. có một sự bao đảm chắc chắn hơn thẩm phán Viện Bảo Hiến rất nhiều.

c)- Vấn-dề phụ-cấp của thẩm-phán :

1.- Cũng trong lãnh-vực quyền lợi, phụ-cấp của thẩm-phán Viện Bảo Hiến hoàn toàn do Tổng-Thống an-định. Trái lại, phụ-cấp của thẩm-phán T.C.P.V. do chính Đại Hội-Đồng T.C.P.V. an-định; ngoài ra, thẩm phán T.C.P.V. còn được hưởng hưu bổng do Đại Hội-Đồng quy định, loại phụ-cấp này không thay được an-định cho thẩm-phán Viện Bảo Hiến.

2.- Thẩm-phán Viện Bảo Hiến được kiêm nhiệm cả các chức vụ gốc ( dân-biểu, thẩm-phán thượng ) nên phụ-cấp do Tổng-Thống an định được kiêm lãnh với lương, bổng hoặc các khoản phụ-cấp khác. Trái lại, thẩm-phán T.C.P.V. chỉ lãnh một loại phụ-cấp duy nhất do Đại Hội-Đồng an-định mà thôi. Hệ quả của nguyên-tắc này là trên thực-tế các hội-tham Viện Bảo Hiến có các khoản phụ cấp tổng gộp cao thấp không đều nhau mặc dù luật định Tổng-Thống có quyền an-định một phụ cấp cao hơn đối với các hội-tham không lãnh lương bổng hay phụ-cấp của một công quỹ ( như đối với luật-sư làm hội-tham ); tình-trạng này không thể xảy ra đối với thẩm-phán T.C.P.V.

d)- Vấn-dề chấm dứt nhiệm-vụ :

Thẩm-phán T.C.P.V. có-thể bị chấm dứt nhiệm-vụ vì các lý-do luật định nhưng không thể chấm dứt nhiệm - vụ vì một lý-do kỷ-luật do Đại Hội-Đồng phán xét. Trái lại, thẩm-phán Viện Bảo Hiến có-thể bị chấm dứt nhiệm-vụ vì một lý-do kỷ-luật mà Viện Bảo Hiến xét ra chánh đáng như: vi phạm lời thề, làm điều thương tổn danh-cách độc-lập và phẩm giá của chức-vụ, v.v...

Do đó, sự chế tài đối với thẩm phán Viện Bảo Hiến có tính cách nặng hơn là đối với thẩm phán T.C.P.V. Cùng một sự vi phạm kỷ-luật, thẩm-phán T.C.P.V. chỉ có-thể bị cảnh cáo hoặc cảnh cáo có ghi hồ-sơ còn thẩm-phán Viện Bảo Hiến có-thể bị giải nhiệm.

### ĐOẠN B : VỀ THỦ-TỤC BẢO HIẾN .-

Trong thủ-tục kiểm hiến, sự khác biệt giữa Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. xảy ra ngay từ lúc nhận đơn đến khi công bố bản án.

#### Mục 1 : Khác nhau trong việc nhận và xét đơn xin phán quyết .-

##### a)- Sự nhận đơn :

Đặc-biệt trong phương-cách chánh tố, nguyên đơn không được nộp đơn khởi tố trực-tiếp tại Viện Bảo Hiến mà phải qua trung gian Tham-chánh-viện; Tham-chính-viện nhận đơn khởi tố và sau khi xét đơn có lý-do chính đáng mới chuyển đến Phòng Tổng-Thư-Ký Viện Bảo Hiến. Trái lại, trong phương cách chánh tố tại T.C.P.V., nguyên đơn có-thể nộp thẳng đơn khởi tố tại Nhà Tổng-Thư-Ký T.C.P.V. mà không qua bất cứ một định-chế trung-gian nào.

Xem thế, thủ-tục thứ nhứt có mục-dịch tránh cho Viện Bảo Hiến một sự tràn ngập công-việc nên hy-sinh một phần dân-chủ, còn thủ tục thứ nhì có-thể khiến T.C.P.V. tràn đầy công-việc nhưng có tính-cách dân-chủ hơn.

##### b)- Sự xét đơn :

Trong giải-pháp Viện Bảo Hiến, đơn xin phán quyết nói chung, sau khi được Tham-chính-viện và Tòa-án đương tụng chấp thuận chuyển đến Viện Bảo Hiến, phải qua sự thẩm định của Ủy-Ban Định-Thẩm; Ủy-Ban này có quyền phán xét để chấp-thuận hay bác bỏ đơn xin phán quyết. Do đó, chỉ những đơn được Ủy-Ban Định-Thẩm chấp nhận mới được Viện Bảo Hiến phán quyết về nội-dung.

Trái lại, trong giải-pháp T.C.P.V., chỉ có Đại Hội-Đồng T.C.P.V mới có thẩm-quyền quyết-định chấp thuận

hay bác bỏ một đơn xin phán-quyết, và quyết-định đó phải được đưa ra trong một phiên xử chánh-thực. Đó đó, tánh-cách dân-chủ lại càng thấy rõ hơn trong thủ-tục này.

Mục 1 : Khác nhau trong việc thăm-cứu, phán xử và công bố bản án .-

a)- Sự thăm cứu :

Trong giải-pháp Viện Bảo Hiến, việc thăm cứu chỉ được thực hiện một lần và do Ủy-Ban Định-Thăm phụ-trách. Trong giải-pháp T.C.P.V., ngoài việc thăm cứu chánh của Ban Bảo Hiến, các thẩm-phán T.C.P.V. còn có thể thực hiện việc thăm cứu bổ-túc các tụng phương ngay trong phiên xử.

b)- Sự phán xử :

Phiên xử của Viện Bảo Hiến không được tổ-chức công khai nên thủ-tục có tánh cách hoàn toàn bút ký và phi tụng. Trái lại phiên xử của Đại Hội-Đồng T.C.P.V. luôn luôn được tổ-chức công khai với sự hiện diện của các tụng phương và công-tô-viên, thủ-tục có tánh-cách khẩu diễn và thương thương đối tụng.

c)- Sự công-bố bản án :

Bản án của Viện Bảo Hiến được công bố trên công báo qua trung gian của Phủ Tổng-Thống; trái lại, bản án của T.C.P.V. thì được gửi thẳng đến Sở Công-báo để công-bố.

Đó đó, một bản án của Viện Bảo Hiến có hiệu-lực hay không là hoàn toàn tùy thuộc Tổng-Thống có đồng ý cho đăng trên Công báo hay không. Trái lại, bản án của T.C.P.V. luôn luôn có hiệu-lực vì Sở Công báo không có quyền bác khước việc đăng một bản án T.C.P.V. sau khi nhận được.

Trên đây, ta vừa nhận xét về những điểm dị biệt giữa Viện Bảo Hiến và T.C.P.V. Nhưng nguyên nhân nào đã làm xuất hiện hai giải-pháp với những dị biệt đó ? Và ưu khuyết điểm của hai giải-pháp đó ra sao ?

TIẾT III : GIẢI-THÍCH VÀ ƯU KHUYẾT ĐIỂM CỦA HAI GIẢI-PHÁP .-

ĐOẠN A : NGUYÊN-NHÂN XUẤT HIỆN CỦA HAI GIẢI-PHÁP .-

Phân-tích nguyên nhân xuất hiện của hai giải-pháp bảo hiến, người viết luận văn nhận thấy nguyên-nhân sâu-xa là căn-bản triết-lý mà các chế-độ đã chấp nhận và nguyên-nhân gần là tánh-cách đặc thù của giai-đoạn chánh-trị mà chế độ đó được hình thành tức là bối cảnh lịch-sử.



Mục 1 : Nguyên-nhân xa: căn-bản triết-lý chánh-trị của các chế-độ.-

a)- Điều 3 Hiến-pháp 1956 minh thị rằng, 'Quốc-dân ủy nhiệm quyền Hành-pháp cho Tổng-Thống dân cư và nhiệm vụ Lập-pháp cho Quốc-hội cũng do dân cư. Sự phân nhiệm giữa Lập-pháp và Hành-pháp phải rõ-rệt'.

Trên bình-diện triết-lý, thuyết 'phân nhiệm' do J.J. ROUSSEAU ( 1712-1788 ) diễn tả trong quyển 'Xã Ước' ( Contrat Social ) vào năm 1762 và đã gây sôi nổi chánh-trị lúc bấy giờ. Theo thuyết phân nhiệm, chủ quyền của quốc-gia có tánh-cách bất khả phân ( indivisibilité ), bất khả nhượng ( inalienabilité ), tuyệt đối ( absolu ) và vô qua ( infaillibilité ).

Vì chủ quyền không thể phân chia cho các cơ-quan nên người ta chỉ có-thể phân chia nhiệm-vụ hay phân công giữa các cơ-quan với nhau mà thôi. Vì tuyệt đối, bất khả nhượng nên chủ quyền phải luôn luôn thuộc về toàn dân và điều khiến cơ-quan công quyền phải gồm những người đại-diện nhân dân, hành sự quyền hành do nhân dân ủy nhiệm. Và vì vô-qua nên chủ quyền phải phù hợp với ý-chí chung, không được phân lại quyền lợi của tập thể nhân dân.

Trong quyển Xã Ước, Rousseau phân biệt rõ ràng vị chủ-tể với chánh-phủ. Vị chủ-tể là ý-chí chung, có nhiệm vụ làm ra luật-pháp, tức là cơ-quan Lập-pháp dân cư, còn chánh phủ là nhóm người thi hành luật-pháp tức là cơ-quan Hành-pháp. Rousseau không nói đến cơ-quan Tư-pháp giữ một vai tương đương kể nào trong gương máy chánh quyền.

Lấy thuyết phân nhiệm làm căn-bản triết-lý cho chế độ chánh-trị, Hiến-pháp 1956 chỉ chấp nhận sự phân chia nhiệm-vụ giữa Hành-pháp và Lập-pháp, còn Tư-pháp không được coi là cơ-quan có nhiệm-vụ độc-lập mà chỉ là một phần trong nhiệm -vụ Hành-pháp mặc dầu điều 4 khoản 2 có ghi 'Tư-pháp phải có một quy-chế bảo đảm tánh-cách độc-lập'. Điều đáng lưu ý là trong căn bản phân nhiệm đó, điều 3 khoản 3 Hiến-pháp lại cho Tổng-Thống quyền 'lãnh-đạo quốc-dân' nên trên thực-tế, hoàn toàn trái với chủ-trương của Rousseau là cơ-quan Lập-pháp phải tối cao (vì là chủ tể), cơ-quan Hành-pháp lại có một ưu thế rõ rệt trong việc hành sự chủ-quyền quốc-gia.

---

1. Hùng-Nguyên Nguyễn-Ngọc-Huy, Lịch-Sử Các Học-Thuyết Chánh-Trị ( Sài-Gòn: Cấp-Tiến, 1970 ), I, tr. 217-220.

Trong khung cảnh như thế, lẽ dĩ nhiên giải-pháp bảo hiến chỉ có thể xuất hiện dưới hình-thức một định-chế đặc biệt lệ thuộc Hành-pháp như là Viện Bảo Hiến.

b)- Đến khi Hiến-pháp 1967 xuất hiện, thuyết phân nhiệm không còn được chấp nhận tuyệt đối nữa. Điều 3 khoản 1 Hiến-pháp ghi: 'Ba cơ-quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ-rệt'.

Thuyết phân quyền đã được lý-thuyết gia người Pháp, MONTESQUIEU ( 1689-1755 ), trình bày trong quyển sách rất nổi tiếng của ông, quyển Tinh-Thần Pháp-Luật ( L'Esprit des Lois ), Montesquieu chủ-trương bảo vệ tự-do của người dân bằng cách dựng 'quyền hành chế ngự quyền hành' và ông đề nghị chia chủ quyền quốc-gia thành 3 quyền riêng biệt: Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp; ngoài ra, cơ-quan Lập-pháp phải được tế phân làm 2 viện: Quy-tộc viện và Thủ-dân viện. Các cơ-quan hay mỗi bộ-phần của cơ-quan không được hoạt-dộng trong lãnh-vực của cơ-quan khác nhưng có quyền ngăn chặn, kiểm-soát lẫn nhau.

Hiến-pháp 1967 lấy thuyết phân quyền làm căn-bản triết-ly cho chế-độ chính-trị và đã công nhận 3 quyền Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp được độc-lập và thăng-bằng trong một thể chế vận hành nhưng không gạt bỏ thuyết phân nhiệm. Thuyết phân nhiệm được nhắc tới trong y nghĩa cùng có sự phối-hợp và điều hòa hoạt động thay vì phân chia ranh giới một cách cứng rắn và hoàn toàn biệt lập giữa ba cơ-quan công quyền.

Nguyên-tắc phối-hợp và điều hòa hàm chứa tánh-cách công nhận có sự lan qua lẫn lại, kèm chế lẫn nhau giữa các cơ-quan. Cho nên theo Hiến-pháp 1967, nếu Lập-pháp có quyền kiểm-soát và bắt tin nhiệm chính-phủ thì Hành-pháp lại có quyền ban hành hay yêu-cầu phúc-nghị một đạo luật đã được Lập-pháp biểu quyết chấp thuận, có quyền ký sắc-luật trong một số trường-hợp đặc-biệt. Tương-tự như thế, nếu Lập-pháp và Hành-pháp có quyền tuyển chọn và bổ nhiệm các viên chức lãnh đạo ngành Tư-pháp thì dĩ nhiên Tư-pháp cũng phải có quyền kiểm-soát, tiết-chế hành-vi của hai cơ-quan đó - mà biện-pháp hữu hiệu nhất chỉ có thể là, thẩm quyền bảo hiến. Đó là lý-do giải-thích tại sao giải-pháp bảo hiến của chế-độ Đệ-nhi Cộng-hóa xuất hiện dưới hình-thức T.C.P.V., cơ-quan lãnh-đạo quyền Tư-pháp.

Mục 2 : Nguyên-nhân gần: bối cảnh lịch-sử .-

Nếu triết-lý chánh-trị là nguyên-nhân, sâu xa thì nguyên-nhân gần của các giải-pháp là ảnh-huống mặc nhiên của mỗi giai-đoạn chánh-trị mà các chế-độ được hình thành. Thật vậy, khung cảnh thời-gian, tiền 1956 và tiền 1967 có những nét đặc thù rất đáng chú ý.

a) - Trước hết, khung cảnh tiền 1956 là khung cảnh vừa mới chấm dứt sự hiện diện của quân-đội Pháp tại Việt nam. Ảnh hưởng của người Pháp trong mọi lãnh-vực sau gần 100 năm độ hộ còn rất mạnh mẽ trong tiềm thức của người Việt. Mặc dù trên nguyên-tắc, Việt-nam được Pháp thừa nhận độc lập kể từ 8-3-1949 (theo Hòa-ước Elysée), nhưng trên thực-tế, đến khi Chánh-phủ Ngô-Đình-Diệm nắm chánh quyền, cả một hệ thống pháp-lý và một guồng máy hành-chánh do người Pháp để lại vẫn còn nguyên vẹn. Trong bối cảnh lịch sử chánh-trị đó, các nhà Lập-hiến 1956 rất khó thoát khỏi khuynh hướng của hệ-thống pháp-luật La-tinh, trong đó, nhiệm-vụ bảo hiến chỉ thu hẹp trong phạm vi kiểm soát hợp hiến tính các văn-kiến lập-pháp và lập-quy, và thường được giao phó cho các viện hoặc hội-đồng năng tành cách chánh-trị hơn là tai phan.

b) - Việc người Pháp rút lui đã khiến Việt-nam đi vào một ngã rẽ mới. Vì sự sinh tồn của chế-độ tự-do trước làn sóng xâm-lãng của Cộng-San, Chánh-phủ Ngô-Đình Diệm bắt đầu nhận viện-trợ Hoa-Kỳ. Ảnh-huống của Hoa-Kỳ ngày càng mạnh dần, đặc-biệt kể từ khi chiến-tranh Việt-nam tại phát. Sau Cách-Mạng 1-11-1963, các Chánh-phủ quân nhân kế tiếp đã tỏ ra bất lực trong việc tạo lập những định-chế chánh-trị ổn cố khiến cho Cộng-san đã nắm ưu thế rõ-rệt vào các năm 1964-1965 và cũng đã khiến cho Hoa-Kỳ phải mang vào Việt-nam một đạo quân tăng viện hùng hậu hơn nửa triệu người. Đến khoảng thời-gian 1966-1967 thì ảnh-huống của Hoa-Kỳ coi như tràn ngập trên mọi địa hạt: quân-sự, chánh-trị, văn-hóa, xã-hội, ... Trong guồng máy công quyền, ở đâu người ta cũng thấy các cơ-van Mỹ bên cạnh các cấp chỉ-huy người Việt-nam.

Trong bối cảnh lịch-sử đó, các nhà lập hiến 1967 dầu muốn dầu không cũng phải chịu ảnh-huống của khuynh-hướng luật-pháp Anh-Mỹ, trong đó nhiệm vụ bảo hiến năng tành-cách tai-phan hơn là chánh-trị và được coi như là một lợi khí dành cho cơ-quan Tư-pháp để giúp cho cơ-quan này được thăng bằng với cơ-quan Lập-pháp và Hành-pháp trong một hệ-thống phân quyền.

### ĐOẠN B : ƯU KHUYẾT ĐIỂM CỦA HAI GIẢI-PHÁP .-

Từ tánh-chất tương đồng và dị biệt giữa hai giải-pháp bảo hiến, ta xét thấy hai giải-pháp đó có các ưu khuyết điểm chung và các ưu khuyết điểm riêng.

Mục 1 : Các ưu khuyết điểm chung .-

a)- Ưu điểm chung :

1.- Với sự tự chính điều 80 Hiến-pháp 1967, hiện nay cả hai giải-pháp đã gặp nhau ở một ưu điểm chung là phương cách tuyển chọn thăm-phần rất giản-di và dễ thực-hiện. Do đó, nó vừa tránh được sự tốn kém, mất thời giờ vừa giúp cho cơ-quan có thẩm-quyền dễ chọn được những nhân-vật tài đức xứng đáng.

2.- Tổ quyền bảo hiến được mở rộng qua sự áp dụng song hành hai phương-cách chánh tổ và khước biên không có giới hạn thời gian đã nói lên được tinh-cách dân chủ của chế độ, vì nó cho phép mọi người dân luôn luôn có cơ hội kiện trước cơ -quan bảo hiến để xin phán quyết đình chỉ một văn-kiện lập-pháp hay hành-chánh gây tổn hại cho mình.

3.- Ngoài ra, một thủ-tục tố-tụng giản-di và ít tốn kém của hai giải-pháp cũng là một điểm son đang được ghi nhận. Nhờ thế mà người dân không còn cảm thấy 'vô phúc đạo tung đình' nữa, trái lại, lúc nào cũng thấy dễ dàng bảo vệ quyền-lợi chính đáng của mình nếu muốn.

b)- Khuyết điểm chung :

Nếu có ưu điểm thì hai giải pháp cũng có những khuyết điểm chung sau đây :

1.- Các thăm-phần đều có một nhiệm-kỳ giới hạn ( 4 hoặc 6 năm ) và có thể được tái tuyển chọn vào các nhiệm kỳ kế tiếp. Điều này khiến cho các thăm-phần dễ bị lệ-thuộc cơ-quan có quyền tuyển chọn và bổ nhiệm mình vì nhu cầu muốn tái tục chức vụ sang nhiệm-kỳ khác. Với nhân quan của một chánh-trì gia, G.s, Nguyễn-Ngọc-Huy khi nhận đình về nhiệm kỳ 6 năm của thăm-phần T.C.P.V. đã cho đó là một sơ hở của các nhà lập hiến 1967, là một trong những lý-do 'làm cho chế-độ mà Hiến-pháp Đề-nhi Cộng-hòa xây dựng thiếu những bảo đảm cần-thiết để ngăn chặn những lạm quyền có thể có của nhà cầm quyền và điều này là một trở ngại lớn lao cho sự phát-triển chánh-trì'. Theo G.s. Huy, muốn cho T.C.P.V. được hữu hiệu, cần phải loại trừ ảnh-hưởng của các cơ-quan có quyền tuyển bổ họ bằng cách áp-dụng một trong hai giải pháp sau đây :

---

1. Nguyễn-Ngọc-Huy, "Nền Hành-Chánh và Việc Phát-Triển Chánh-Trì," Tài-Liệu Giảng-Thuyết (Soạn cho Khóa Hội-Thảo Chỉ-Huy Cao Cấp Dự-Trù Tổ-Chức tại Đà-Lạt, 1973 ).

- hoặc để cho các vị thẩm-phán này được giữ chức-vụ đến mãn đời hay đến khi hưu trí,

- hoặc không cho họ được tái cử ( hay tái tuyển chọn) nếu nhiệm-kỳ của họ ngắn như hiện nay.

2.- Về phương-cách sử dụng tố quyền, thủ-tục, khước biện rộng-rãi giống như con dao hai lưỡi, nếu nó đáp ứng được nhu cầu dân chủ thì nó cũng dễ bị tung nhân lạm dụng để diễn trị vụ kiện hầu thụ lợi cho mình và vô tình làm ngưng trệ guồng máy Tu-pháp vốn đã chậm chạp.

3.- Hiệu-lực bắt hồi tố của bản án có-thể gây thiệt thòi rất lớn cho người dân vì những tổn hại độ nhưng bản vẫn bất hợp hiến đã gây ra không được nhà nước bồi thường. Hơn thế nữa, hiệu-lực bắt hồi tố của bản án cũng dễ bị các cơ-quan hành-chánh thiếu thiện chí lợi-dụng bằng cách cứ ban hành quyết-định mặc dầu biết là bất hợp hiến để có-thể thi hành trong thời gian chưa có bản án hoặc bằng cách cứ dùng mọi thủ đoạn mà thủ-tục tố-tung cho phép để kéo dài vụ kiện ngõ hầu lợi dụng thời-gian chưa có bản án mà áp dụng triệt-để quyết-định đang bị chỉ-trích. Trong trường-hợp như thế, những ai bị quyết-định bất hợp hiến chỉ phôi cộ-thể bất lợi rất nhiều. Thí dụ : một quyết-định hành-chánh ban hành một sắc thuế bất hợp hiến.

4.- Sau cùng, trong một vụ kiện kiểm hiến, cơ-quan nhà nước luôn luôn là bị cáo nên không thể có một biện-pháp chế-tải chạnh-thức nào trong trường-hợp nhà nước không tuân hành bản án. Sự thật, nếu trường-hợp này xảy ra thì công-luận cũng có-thể xem như là một hình-thức chế tải nhưng thương không đủ sức mạnh áp đảo ý muốn của nhà nước. Cho nên, người dân luôn luôn ở thế 'thấp cổ bé miệng' và có-thể chịu sự thiệt-thòi ngay cả trường-hợp mình được kiện.

Mục 2 : Ưu và khuyết điểm/của hai giải-pháp .-<sup>riêng</sup>

a)- Giải-pháp Viện Bảo Hiến :

+ Ưu điểm :

Viện Bảo Hiến có một ưu điểm riêng là hình-thức tổ chức rất nhẹ nhàng và ít tốn kém. Nhân sự và phương-tiện của cơ-quan có-thể xem như ở mức tối thiểu, vừa đủ để có-thể làm tròn nhiệm-vụ được giao phó.

+ Khuyết điểm :

Ngoài ưu điểm khiêm nhường trên, khuyết điểm của Viện Bảo Hiến trầm trọng hơn nhiều :

1.- Tánh-cách nặng về chánh-trị mà nhẹ về chuyên - môn khiến cho Viện Bảo Hiến luôn luôn chỉ có thể hành-sử nhiệm-vụ theo chiều hướng hợp thời có lợi cho cơ-quan nắm ưu thế hơn là chiều hướng hợp pháp để phản ảnh công lý và sự vô tư. Vì lẽ 'chánh-trị' vào pháp định thì công lý phải ra đi' nên Viện Bảo Hiến khó chu toàn nhiệm-vụ tại phần của mình.

2.- Thẩm-quyền của Viện Bảo Hiến chỉ thu hẹp trong nhiệm-vụ kiểm-soát hợp hiến tính các văn-kiến lập-pháp và lập quy nên không thể bảo vệ Hiến-pháp một cách hoàn toàn được. Viện Bảo Hiến không có quyền trực-tiếp giải-thích Hiến-pháp nên không thể chặn đứng các ý định vi hiến của các công quyền. Ngoài ra, đối với các hành vi hành-chánh, Viện Bảo Hiến chỉ có thể kiểm-soát các quy-tắc hành-chánh nên cũng bất lực trước các quyết-định hành-chánh bất hợp hiến mà không có tánh-cách lập quy.

3.- Viện Bảo Hiến không có quyền lập quy, sự tổ- chức và điều hành nội-bộ hoàn toàn lệ thuộc Hành-pháp nên không có thể xem là một cơ-quan độc-lập để thi hành nhiệm vụ của mình một cách vô tư được.

4.- Với vị-trí lệ thuộc Hành-pháp, Viện Bảo Hiến không thể nào tương xứng với vai-trò tiết-chế quyền hạn của cơ-quan lập-pháp và Hành-pháp - một vai trò cũng quan-trọng, đòi hỏi cơ-quan bảo hiến một sự độc-lập hoàn toàn qua một kỹ-thuật tổ-chức có bảo đảm chắc chắn hơn. Do đó, Viện Bảo Hiến chỉ được dựng lên để làm cảnh, trang trí cho một chế-độ dân-chủ nguy hại hơn là có đầy đủ thực lực để phát-triển một chế-độ dân-chủ thật-sự.

b)- Giải-pháp Tối-cao Pháp-viện :

+ Ưu điểm :

Trái với Viện Bảo Hiến, T.C.P.V. nổi bật trong ba ưu điểm sau đây :

1.- Với một tính-cách rộng-rãi của thẩm-quyền, T.C. P.V. hầu như có thể ngăn chặn được bất cứ ý-dịnh hoặc hành vi bất hợp hiến phát xuất từ bất cứ cơ-quan nào nếu được yêu-cầu.

2.- Nhờ có quyền lập quy riêng và một quy-chế bảo đảm được tánh-cách độc-lập của thẩm-phần, giải-pháp T.C. P.V. không lệ thuộc quyền Lập-pháp hay Hành-pháp nên dễ chu toàn nhiệm-vụ của mình một cách vô tư và trong tinh-thần thượng tôn pháp-luật.

3.- T.C.P.V. có một vị thế ngang hàng với Hành-pháp

và lập-pháp nên rất tương xứng với vai trò tiết-chế quyền hạn của các cơ-quan này. Do đó, một khi dân chúng đã quen với sinh hoạt bảo hiến, T.C.P.V. sẽ có cơ hội đóng góp phần mình vào công cuộc bảo vệ và phát-triển dân-chủ vô cùng quan-trọng như T.C.P.V. Hoa-Kỳ đã từng chúng ta.

+ Khuyết điểm :

Tuy nhiên, bên cạnh các ưu điểm, T.C.P.V. có các khuyết điểm phát xuất từ thủ-tục bảo hiến như sau :

1.- Ta còn nhớ, bên cạnh T.C.P.V. có một Viện Chương lý để hành sự công tố quyền. Viện Chương-lý là một cơ-quan trực thuộc Hành-pháp, ( Bộ Tư-pháp, ) không giống như định-chế Ủy-viện Chánh-phủ của Tham-chánh-viện tức một tham-phần độc-lập chỉ đại diện cho pháp-luật và vô tư trước các từng phương. Do đó, các kết luận trạng của Viện Chương lý luôn luôn bênh vực cho cơ-quan Hành-pháp; trong mọi vụ kiện người dân luôn luôn phải ở thế thiệt thòi vì phải đương đầu thêm một đối thủ thứ hai ngoài đối thủ chánh là cơ-quan công quyền. Điều này thiệt tương đã vô tình đi ngược lại tinh-thần muốn mở rộng các tố quyền để bảo vệ tới đa Hiến-pháp. Trong khi thảo luận Luật số 7/68, các dân-biểu đòi lập cũng đã từng cực lực bác bỏ vai-trò thiếu vô tư của Viện Chương-lý ( Biên-bản H.N.V. số 45/68/M/BB ngày 20-6-1968, tr.20 ).

2.- Ngoài ra, thủ-tục có tánh-cách khẩu diễn cũng là một sự bất lợi cho người đi kiện. Trước T.C.P.V. người dân vốn đã yếu thế đối với các đối thủ chánh thực cũng như phi chánh thực của mình, nay với thủ-tục khẩu diễn, người dân lại chịu thiệt thòi thêm nếu không tìm được một luật-sư giỏi đại-diện.

Hơn nữa, thủ-tục phát ngôn trước tòa lại dành cho Viện Chương lý và bị đơn quyền nội sau cũng cũng bất lợi đáng kể đối với kẻ khởi kiện. Thủ-tục đó nếu đã áp dụng hợp lý trong các vụ án hình với bị đơn ở vào vị thế yếu kém thì không thể nào xem là hợp lý trong một vụ án bảo hiến với Viện Chương-lý và bị đơn chính là các cơ-quan công quyền luôn luôn có sẵn ưu thế hơn đối với người dân. Trong thực-tế, người nội sau cũng bao giờ cũng có lợi hợp lý-luận chót bao giờ cũng ảnh-hưởng tới sự quyết-định của các tham-phần nhiều hơn.

Khuyết điểm này không tìm thấy trong thủ-tục áp-dụng trước Tham-chánh-viện vì tại đó thủ-tục có tánh-cách hoàn toàn bút ký và lời nói sau cũng được dành cho Ủy-viện Chánh-phủ, một thứ tiếng nói vô tư, không nghiêng về phía nào như đã trình bày ở trên.

Tóm lại, qua các điểm nhận xét trong Chương này, ta phải công nhận rằng từ giải-pháp Viện Bảo Hiến bằng cơ-chế Viện Bảo Hiến đến giải-pháp bảo hiến bằng cơ-chế T.C.P.V. qua là một bước tiến rất quan trọng của chế-độ dân chủ tại Việt-nam trên bình diện pháp-lý. Nếu giải-pháp Viện Bảo Hiến bị xem là không có đủ điều-kiện cần-thiết để thi hành vai trò bảo vệ Hiến-pháp, phát-triển dân chủ thì trái lại, giải-pháp T.C.P.V. có rất nhiều hứa hẹn để hoàn thành vai trò đó.

Tuy nhiên, sự thành-công của một giải-pháp bảo hiến chỉ có-thể nhận định bằng những thành quả cụ-thể mà giải pháp đã đạt được. Để tạo được thành quả đó, giải-pháp bảo hiến chẳng những tùy thuộc ở các điều-kiện nội tại mà còn tùy thuộc ở cả khung cảnh bên ngoài. Vì vậy, muốn đo lường giá-trị của các giải-pháp, ta cũng cần có một nhận định chính xác về các an-lệ bảo hiến và thực tại chính-trị vậy.

-+++++-



## Chương hai

### ÁN-LỆ BẢO HIẾN VÀ THỰC-TẠI CHÁNH-TRỊ

Trong Chương I, ta vừa nhận định rằng Viện Bảo Hiến có quá nhiều khuyết điểm nên không thể là một giải pháp bảo hiến tốt đẹp. Trái lại, nhờ những ưu điểm về phương diện pháp-lý, Tối-cao Pháp-viện là một giải-pháp bảo hiến có nhiều hứa hẹn hơn.

Mặt khác, ta cần nhận định thêm rằng những yếu-tố chánh-trị bên ngoài cũng ảnh-hưởng đến thành quả của một giải-pháp bảo hiến không kém phần quan-trọng. Một quốc-gia có xu hướng độc-tại, trình-độ hội nhập chánh-trị của người dân thấp kém và luôn luôn ở trong một tình-thế bất ổn định ( chiến-tranh, nội loạn, ... ) không thể là môi-trường thuận tiện để các an-lệ bảo hiến tiến bộ ra đời.

Do đó, khi đề-cập đến thành-quả của các giải-pháp bảo hiến, người viết luận văn cũng thấy cần nhận xét về các yếu-tố của thực tại chánh-trị đã ảnh-hưởng đến các thành-quả đó.

Với nhận định như vậy, Chương này sẽ lược xét vấn đề qua hai Tiết:

- Tiết I : Án-lệ bảo hiến.
- Tiết II: Thực tại chánh-trị.

oOo

#### TIẾT I : ÁN-LỆ BẢO HIẾN .-

Trong quá trình hoạt-động, Viện Bảo Hiến đã không tạo được một an-lệ nào cả. Còn T.C.P.V. tính đến cuối tháng 4 năm 1974 đã xây-dựng được cả thảy 43 an-lệ bảo hiến. Vì thế, Viện Bảo Hiến đã bị coi như chỉ được dựng lên để trang-trị cho chế-độ, còn T.C.P.V. với thành-tích kể trên trong gần 6 năm qua cũng chưa thể nói là đã tạo được sự tin tưởng và hưởng ứng mạnh-mẽ của quần chúng đối với sinh-hoạt bảo hiến.

Nhưng dù thành quả khiêm nhường, T.C.P.V. cũng đã

chánh-thức làm công-việc bổ-túc Hiến-pháp qua một số án-lệ giải-thích hiến-pháp và cũng đã tuyên phan một số án-lệ về kiểm hiến quan-trọng, gây sôi nổi khá nhiều trong dư-luân của giới luật gia, chánh-trì gia cũng như quần chúng. Cho nên việc tìm hiểu các án-lệ này rất cần-thiết để một phan nào lượng giá vai-trò bảo hiến của T.C.P.V.

ĐOẠN A : LƯỢC KHẢO VỀ CÁC ÁN-LỆ BẢO HIẾN CỦA TỐI-CAO PHÁP-VIÊN .-

Trong số 43 án-lệ bảo hiến của T.C.P.V., chỉ có 3 án-lệ giải-thích hiến-pháp, còn lại là 35 án-lệ kiểm hiến. Tối-cao Pháp-viện chưa xây dựng được một án-lệ giải tan chánh đảng nào cả.

Mục 1 : Án-lệ giải-thích hiến-pháp .-

Tất-cả các án-lệ giải-thích hiến-pháp được ghi nhận đều phát xuất từ tờ quyền của Quốc-hội. Trong đó, do quý vị Chủ-tịch Quốc-hội yêu-cầu giải-thích 3 lần và do các nghị-sĩ, dân-biểu yêu-cầu giải-thích 5 lần. Ngoài trừ hai trường-hợp có tạn-cách tế-nhi nên T.C.P.V. đã có tránh né vai-trò giải-thích hiến-pháp, còn 6 trường-hợp khác T.C.P.V. đã bày tỏ quan-điểm một cách khá rõ-rệt đang để cho ta tìm hiểu.

a)- Về thủ-tục để Quốc-hội biểu-quyết việc nghị hòa.

Nhận một thông-diệp của Tổng-Thống xin Quốc-hội chấp-thuận việc Chánh-phủ tham-dự hòa-đàm tại Ba-Lê, Thượng-Nghị-Viện cho rằng thủ-tục biểu-quyết việc này là hai Viện họp riêng, trái lại, Hạ-Nghị-Viện thì chủ-trương hai Viện họp chung. Sự bất đồng ý-kiến này được Chủ-tịch Thượng-Nghị-Viện đưa ra T.C.P.V. và T.C.P.V. đã giải-thích điều 39 khoản 3 Hiến-pháp theo quan-điểm của Hạ - Nghị-Viện ( PQ ngày 6-12-1968 ).

Trong trường-hợp này, T.C.P.V. đã dựa vào quyền - lợi của quốc-gia mà đưa ra lời giải-thích. Theo quan-điểm của T.C.P.V., hai Viện họp chung để phan ảnh ý-chí và lập-trương của toàn dân hơn nên khi cần thảo-luận và biểu quyết một van-đề có tầm quan-trọng đặc-biệt mà Hiến pháp không minh định rõ-rang thủ-tục thì hai Viện cần họp chung.

b)- Về thủ-tục biểu quyết sự chấp thuận của 3/4 tổng-số dân-biểu để truy-tố một dân-biểu đồng viện .-

Nhận một vụ truy-tố dân-biểu phạm pháp, nhóm dân-biểu thân chính quan-niệm chỉ cần lấy đủ chữ ký chấp-

thuận của 3/4 tổng-số dân-biểu là hợp lệ. Trái lại, nhóm đối-lập, chủ-trương, tức-số chấp-thuận, truy tố một dân-biểu phải là kết-qua của một cuộc thảo-luận và biểu quyết trong một phiên họp khoáng đại của Hạ-Nghị-Viện. Vấn-đề được đưa ra T.C.P.V. và được giải-thích theo quan-điểm của nhóm dân-biểu đối-lập ( PQ ngày 24-3-1970 ).

Đây có-thể nói là một trong những án-lê sáng giá, của T.C.P.V. và đang được ca ngợi. Mặc dầu quan-điểm có đi ngược lại ý muốn của Hành-pháp và nhóm dân-biểu đa số tại Hạ-Nghị-Viện nhưng T.C.P.V. đã có đủ can đảm và vô-tú, sẵn-sàng dựa vào chủ-trương tốt đẹp của Hiến-pháp mà phản-quyết.

c) - Về trường-hợp biểu quyết dự luật ngân-sách trẻ nãi của Hạ-Nghị-Viện :

Theo điều 46 khoản 3 Hiến-pháp, Hạ-Nghị-Viện phải chuyển ban dự thảo ngân-sách sau khi biểu quyết đến Thượng-Nghị-Viện chậm nhất là ngày 1 tháng 12. Thế mà trong năm 1972 Thượng-Nghị-Viện lại nhận được ban dự thảo ngân-sách do Hạ-Nghị-Viện chuyển đến vào ngày 24 tháng 12. Thượng-Nghị-Viện đã đặt vấn-đề trước T.C.P.V. là phải giải quyết thế nào trong khi điều 46 khoản 4 buộc Thượng-Nghị-Viện phải biểu quyết dự thảo ngân-sách xong trước ngày 31 tháng 12 ?

T.C.P.V. đã khai thông bế-tắc bằng giải-pháp khuyến cáo Thượng-Nghị-Viện nên áp-dụng thủ-tục lập-pháp thông thường dự liệu tại điều 43 Hiến-pháp vì dù sao ngày 24 tháng 12 vẫn còn nằm trong thời hạn hiến định để Thượng-Nghị-Viện thảo-luận và biểu quyết ( PQ ngày 30-12-1971 ).

d) - Về quyền của Tổng-Thống yêu-cầu Quốc-hội phúc nghị dự luật ngân sách :

Nhân một trường-hợp Tổng-Thống yêu-cầu Quốc-hội phúc nghị dự luật ngân-sách, Quốc-hội quan-niệm rằng Hiến-pháp không cho phép Tổng-Thống có quyền này trong khi Hành-pháp cương quyết giữ lập-trường trái lại. Vấn-đề được 22 nghị-sĩ đưa ra T.C.P.V. và T.C.P.V. đã giải-thích theo quan-điểm của Hành-pháp nhưng đặt thêm điều kiện là Tổng-Thống không được tự ý xin Quốc-hội phúc-nghị về các Chương Mục thuộc các quyền độc-lập khác nếu không có sự yêu-cầu của các quyền này ( PQ ngày 31-1-69 ).

Chủ-thích phán-quyết trên, G.s. Nguyễn-Hữu-Lành và G.s. Hoàng-Xuan-Hào đã đúc kết ý-kiến trong đoạn kết-luận như sau: ' công nhận cho Tổng-Thống quyền yêu-cầu Quốc-hội phúc-nghị dự thảo ngân-sách là một giải-pháp hợp-lý, nhưng đặt thêm điều-kiện cho việc hành sự quyền

ấy là một quyết-định không thực-tế và thiếu căn-bản pháp-ly'.

e)- Về trường-hợp Tổng-Thống ban hành một dự luật sau khi Quốc-hội mới chỉ biểu quyết chấp thuận hình-thức lời yêu-cầu phúc-nghị của Tổng-Thống:

Sau Phán quyết ngày 31-1-1969, Tổng-Thống lại gửi thông-diệp xin tu chính thông-diệp yêu-cầu Quốc-hội phúc nghị dự luật ngân-sách trước đó nhưng bị Quốc-hội biểu quyết rằng thông-diệp tu chính không còn nằm trong thời hạn dành cho Tổng-Thống sử-dụng quyền này. Ông Chủ-tịch T.N.V. bèn gửi ban dự luật ngân-sách sang Tổng-Thống với lời khẳng định rằng: "... ngân-sách được Quốc-hội chung quyết" và Tổng-Thống đã ban hành dự luật ngân-sách đó theo kinh phí xin phúc nghị lần đầu. Có 31 nghị-sĩ cho rằng Quốc-hội mới chỉ chấp-thuận về hình-thức mà chưa chung quyết về nội-dung thông-diệp xin phúc-nghị của Tổng-Thống nên việc ban hành ngân-sách như thế là vi hiến và yêu-cầu T.C.P.V. giải-thích các điều khoản Hiến-pháp liên hệ đến trường-hợp này.

Trong phiên họp ngày 13-6-1969, Đại Hội-Đồng T.C.P.V. đã phán quyết như sau :

"Theo Điều 45 khoản 2 Hiến-pháp, Quốc-hội chỉ có-thể bác bỏ "về hình-thức hoặc nội-dung thông-diệp của Tổng-Thống yêu-cầu phúc nghị một dự luật khi hội đủ đa số quá bán tổng-số dân-biểu nghị-sĩ. Nếu không đạt được đa số vừa kể để bác bỏ hình-thức, Quốc-hội sẽ xét về nội-dung; trong những trường-hợp này, Tổng-Thống chỉ có-thể ban hành dự luật do Tổng-Thống xin phúc nghị sau khi Quốc-hội chung quyết nội-dung "lời yêu-cầu phúc nghị."

Trong vụ này mặc dầu ngân-sách đã được Hành-pháp trởt ban hành nhưng an-lệ đã bày tỏ một quan điểm pháp-ly rất rõ-rệt khá dĩ ngăn chặn được các sự kiện tương-tự đang tiếc về sau.

f)- Tổng-Thống ban hành một dự luật trong khi sự tranh chấp với Quốc-hội chưa dứt khoát :

Ngày 12-4-1969 Quốc-hội biểu quyết chấp thuận dự luật bãi bỏ Tòa-an Đặc-biệt nhưng Tổng-Thống xin Quốc-

Hội phúc nghị điều 2 và điều 3 dự luật đó. Kết-qua của cuộc biểu quyết về lời yêu-cầu phúc nghị đó là : điều 2 có 1 phiếu thuận, 103 phiếu chống và điều 3 có 37 phiếu thuận, 66 phiếu chống.

Theo điều 45 khoản 2 Hiến-pháp, dự luật chỉ được chung quyết với đa số qua ban tổng-số dân-biểu và nghị-sĩ nên kết-qua phúc nghị điều 3 không đủ túc số để chấp thuận và cũng không đủ túc-số để bác bỏ.

Tuy nhiên, quan-điểm của Quốc-hội cho rằng vì câu hỏi đã được đặt ra là 'ai thuận?' nên không đủ số phiếu để chấp thuận có nghĩa là Quốc-hội đã bác bỏ. Trại lại, Hành-pháp quan-niệm rằng điều 45 khoản 2 Hiến-pháp đã dùng từ ngữ 'chung quyết bác bỏ...' nên phải căn cứ vào số phiếu chống và nếu không đủ số phiếu chống thì coi như Quốc-hội đã chấp thuận. Do đó, ngày 26-5-1969 Tổng-Thống thông báo cho Quốc-hội là đã ban hành dự luật sau khi tự ý tu chỉnh điều 3 như văn-thư yêu cầu phúc nghị.

Vì thế, hai vị Chủ-tịch Quốc-hội đã yêu-cầu T.C.P.V. giải-thích điều 45 Hiến-pháp, Trong phiên họp ngày 19-8-1969, T.C.P.V. đã tuyên phán như sau :

"Chiếu điều 45 và 81 Hiến-pháp, sau khi Quốc-hội chung quyết một dự luật và chuyển lên Tổng-Thống để ban hành nếu không đồng quan điểm với Quốc-hội về việc giải-thích một điều khoản của Hiến-pháp, Tổng-Thống chỉ có thể ban hành sau khi vấn-đề tranh-chấp được Tối-cao Pháp-viện giải quyết."

Phán quyết trên chỉ minh định lại nguyên-tắc phân quyền, còn điểm pháp-ly tại điều 45 khoản 2 Hiến-pháp mà ta mong đợi thì chưa được T.C.P.V. giải quyết. Do đó, ta còn phải chờ đợi quan điểm của án-lệ trong tương-lai.

## Mục 2 : Án-lệ kiểm hiến .-

Hầu hết 35 án-lệ kiểm hiến đều phát xuất từ đơn khởi tố hoặc khước biện của các thể nhân. Duy chỉ có vụ đầu tiên ( Vụ thuế kiểm-ước ) do Chủ-tịch T.N.V., với tư cách đại-diện cho Thượng-Nghi-Viện, đứng đơn chánh tố. Ngoài những án-lệ chỉ liên-hệ đến quyền lợi cá nhân lẻ tẻ, ta có thể kể 3 vụ an quan-trọng nhất có liên-hệ đến quyền-lợi chung cũng uy-tín của chế-đó là : Vụ thuế kiểm ước, Vụ dân-biểu Trần-Ngọc-Châu kể đó là Vụ bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhiệm-kỳ II.

a)- Vụ án thuế kiểm ước :

1.- Nguyên nhân :

Trong thời Đệ-nhất Cộng-hòa, Quốc-hội đã chiếu/42 điều Hiến-pháp biểu quyết đạo luật số 13/61 ủy quyền cho Tổng Thống cai-trị bằng sắc-luật trong thời hạn 1 năm. Trong số những sắc-luật do Tổng-Thống ký có Sắc-luật số 20/61 ngày 29-12-1961 thiết-lập thêm sắc thuế kiểm-ước. Điều 4 sắc-luật này chuyển ủy cho Bộ-trưởng Kinh-tế và Bộ-trưởng Tài-chánh huy bỏ hay sửa đổi thuế suất nếu cần.

Sang thời Đệ-nhi Cộng-hòa, Tổng-trưởng Kinh-tế và Tổng-trưởng Tài-chánh chiếu điều 4 sắc-luật nói trên, đã ký ban hành Nghị-định Liên bộ số 1569-BTC/BKT/NĐ/LB ngày 23-10-1969 để tăng thuế suất thuế kiểm-ước khiến cho các hàng hóa nhập cảng tăng giá và vật giá nói chung gia tăng mạnh mẽ.

Do đó, trong phiên họp ngày 25-10-1969, các nghị-sĩ đã ủy nhiệm cho Chủ-tịch T.N.V. khởi tố tính-cách bất hợp hiến và bất hợp pháp của Nghị-định 1569.

## 2.- Diễn tiến nội vụ :

Do đơn khởi tố ngày 5-11-1969, Thượng-Nghi-Viện chỉ yêu-cầu T.C.P.V. phán quyết tính-cách bất hợp hiến và bất hợp pháp của Nghị-định 1569 nhưng trong biên-minh trang ngày 18-11-1969, Thượng-Nghi-Viện lại nêu lên sự vô hiệu và bất hợp hiến của điều 4 sắc-luật 20/61 cũng như Nghị-định 1569 và yêu-cầu T.C.P.V. tuyên phán 'tiêu hủy' Nghị-định 1569.

Trong khi đó, liên Bộ Kinh-tế Tài-chánh nộp kháng, biện luận bênh vực lập-trường của mình và đồng thời khước biện rằng :

- Thượng-Nghi-Viện không có tố quyền kiểm hiến vì không có tu-cách pháp-nhân,

- Thượng-Nghi-Viện đã áp-dụng sự song tưng và vi phạm nguyên-tắc phán quyết vì việc khởi tố xảy ra cùng lúc với việc biểu quyết dự luật bãi bỏ điều 4 Sắc-luật 20/61 và Nghị-định 1569 tại Hạ-Nghi-Viện,

Trong phiên xử ngày 19-11-1969, Chủ-tịch T.N.V. vắng mặt và cũng không cử người đại-diện; thế theo lời yêu-cầu đình hoãn của các đương tưng, T.C.P.V. đã tuyên an-tiên thăm hoãn xử đến ngày 28-11-1969 và mời các đương-tưng xuất đình vào phiên xử nói trên.

Chủ-tịch T.N.V. gửi văn-thư phản đối quan điểm của T.C.P.V., cho rằng vụ kiện không có tính-cách đối tưng và nhất quyết không xuất đình. Con liên Bộ Kinh-tế Tài-chánh lại khước biện thêm rằng T.N.V. đã nói rộng thỉnh-

cầu nguyên thủy và Chủ-tịch T.N.V. không <sup>minh</sup> chứng được sự ủy nhiệm hợp lệ do đúng đơn khiếu nại. Do đó, trong phiên xử ngày 28-11-1969, T.C.P.V. lại tuyên án tiền thẩm đối T.N.V. xuất nập biên-ban phiên họp ngày 25-10-1969 để chứng minh Chủ-tịch T.N.V. đã được ủy-nhiệm hợp-lệ và truyền hoãn phiên xử đến ngày 9-12-1969.

Trong phiên xử ngày 9-12-1969, T.C.P.V. lại tuyên án tiền thẩm khẳng định rằng thủ-tục áp-dụng cho nội vụ là 'đối tụng' để yêu-cầu Thượng-nghi-viện xuất định<sup>1</sup>.

### 3.- Kết thúc nội vụ :

Cuối cùng, trong phiên xử ngày 12-12-1969, Thượng-Nghi-Viện vẫn giữ nguyên lập-truong cũ và không xuất định. Liên Bộ Kinh-tế Tài-chánh khước biên thêm trương-hợp khuyết tịch nguyên đơn. Tuy nhiên, T.C.P.V. đã tuyên phán kết thúc nội vụ như sau :

(a) Bác các khước-biên của Liên Bộ Kinh-tế Tài-chánh về vấn-đề khuyết tịch nguyên đơn, tư cách khởi tố, song tụng và vi phạm nguyên-tắc phân quyền.

Tại phần dẫn lý của Phán-quyết, T.C.P.V. đã trình-rõ lý-dò như sau :

- Thủ-tục bảo hiến khác biệt với tố-tụng dân sự, các điều 63 và kế tiếp của Luật số 007/68 không dự liệu trương-hợp khuyết tịch nguyên đơn nên thỉnh cầu của Liên Bộ Kinh-tế Tài-chánh không thể chấp nhận được.

- Điều 73 Luật số 007/68 hạn chế những người có thể xin giải-thích hiện-pháp và giải tận chánh đang đã cho Chủ-tịch T.N.V. sử dụng tố quyền này. Do đó, tại điều 63, tố quyền kiểm hiến và kiểm pháp được mở rộng nên trong số những người có thể sử dụng tố quyền phải gồm có cả Chủ-tịch Thượng-nghi-viện.

- Liên Bộ Kinh-tế Tài-chánh không hữu lý khi nêu lên vấn-đề song tụng và vi phạm nguyên-tắc phân quyền vì lẽ sự kiểm hiến và kiểm pháp của một bản văn lập pháp

- 
1. Riêng Thẩm-phán Tối-cao Nguyễn-Văn-Biện đã yêu-cầu cước chú<sup>1</sup> khác biệt của Ông trong PQ ngày 9-12-1969 rằng thủ-tục không nhất thiết là đối tụng mà có khi là phi tụng ( Xin xem lại nguyên văn cước chú tại trang 47 Luận-văn này ).

hay lập quy thuộc thẩm-quyền hiến định của Tư-pháp chứ không phải của Lập-pháp hay của Hành-pháp.

(b) Ghi nhận T.N.V. không còn giữ trình cầu nguyên thủy trong đơn khởi tố ngày 5-11-1969.

Cũng tại phần dẫn lý của phán-quyết, T.C.P.V. đã nêu lý-do là :

- T.N.V. đã xác nhận 'xin tiêu hủy' Nghị-dịnh 1569 nhưng thủ-tục báo hiến không dự liệu biện-pháp này, còn con Sắc-luật số 20/61 trên nguyên-tắc đã thành luật nên không thể quan-niệm rằng T.N.V. lại dựng đơn chỉ-trích tính-cách bất hợp hiến hay bất hợp pháp của một hành vi lập pháp.

- T.N.V. tự xem mình không phải là nguyên đơn nên từ chối xuất định tục là xác nhận không có ý-dịnh đứng kiện.

4.- Mặc dầu Phán quyết ngày 12-12-1969 không giải quyết được vấn-đề chính do đơn khởi tố nêu lên nhưng tại phần dẫn lý của phán quyết, T.C.P.V. đã trình bày rất rõ ràng về tính-cách bất hợp pháp của Nghị-dịnh 1569. Hệ-quả của sự kiện này đã đưa đến việc công-dân Nguyễn-văn-Chúc nộp đơn khởi tố tính-cách bất hợp pháp của Nghị-dịnh 1569 và do Phán-quyết ngày 5-5-1970, T.C.P.V. đã chánh-thực tuyên phán bất hợp pháp Nghị-dịnh đó.

Ngoài ra, ta cũng cần lưu ý rằng Phán quyết ngày 12-12-1969 chỉ suy lý để kết-luận T.N.V. có tu-cách khởi tố mà không cho ta biết T.N.V. có tu-cách pháp nhân hay không - một điểm pháp-lý then chốt đã làm tốn hao khá nhiều giấy mực trong suốt thời-gian diễn tiến vụ kiện.

b)- Vụ án Dân-biểu Trần-Ngọc-Châu :

1.- Nguyên-nhân :

Căn-cứ vào bản quyết-nghi do 103 dân-biểu ký tên chấp thuận việc truy tố 3 dân-biểu Trần-Ngọc-Châu, Hoàng Hồ và Phạm-Thế-Trúc về tội 'liên-lạc với kẻ hoạt-động có phương hại đến quốc-phong,' Hành-pháp đã truy tố DB Trần Ngọc-Châu ra Tòa-an Quân-sự Mặt-trận Lưu-động Vùng 3.

Trong phiên xử ngày 2-3-1970, Tòa-an Quân-sự Mặt-trận đã bác đơn khước-biện của DB Châu, cũng không chịu chuyển đơn khiếu nại của đương-sự lên T.C.P.V. và đã tuyên phạt đương-sự 10 năm khổ sai.

2.- Diễn tiến nội vụ :



Do đơn khởi tố ngày 16-2-1970, DB Trần-Ngọc-Châu - sau khi nhắc lại các điểm khước biện - đã thỉnh cầu T.C.F.V. :

- Truyền Tòa-án Quân-sự Mặt-trận Vùng 3 CT phải đệ nạp cho T.C.F.V. các đơn khước biện do nguyên đơn đã nộp trước Tòa này cùng với hồ-sơ nội-vụ,

- Truyền cho nhập chung vụ chánh tố đang thụ lý với các vụ xét về các đơn khước-biện nói trên để được xét xử bằng một phán quyết duy nhất.

Trong phiên xử ngày 24-3-1970, T.C.F.V. đã tuyên áp tiên tham chấp thuận các thỉnh cầu trên của nguyên đơn và đình hoãn phiên xử đến ngày 28-4-1970. Nhưng cũng trong phiên xử này, với một phán quyết về giải-thích hiến-pháp, T.C.F.V. đã cho ta biết quyết-nghị của 103 dân-biểu trái với tinh-thần hiến-pháp.

Do đó, tại biện minh trạng ngày 24-4-1970, nguyên đơn xin bãi nại các đơn xin chánh tố ngày 16-2-1970 và đơn khước biện chống ông Chủ-tịch Hạ-Nghị-Viện cùng ban quyết nghị của 103 dân-biểu cho phép truy tố nguyên đơn, nguyên đơn chỉ còn giữ lại đơn khiếu nại ngày 2-3-1970 thỉnh cầu T.C.F.V. :

- tuyên phán bất hợp hiến Sắc-luật ngày 21-5-1962 thiết-lập Tòa-án Quân-sự Mặt-trận,

- tuyên phán bất hợp hiến trực-tố lệnh của ông Tổng trưởng Quốc-phòng đưa nguyên đơn ra xét xử đồng thời tuyên bố vô hiệu các thủ-tục truy tố kể cả ban an ngày 5-3-1970 tuyên phạt nguyên đơn 10 năm khổ sai,

- tuyên phán bất hợp hiến lệnh tổng giam ngày 19-2-1970 của ông Tổng-trưởng Quốc-phòng.

### 3.- Kết thúc nội vụ :

Vụ kiện được kết thúc trong phiên xử ngày 5-5-1970. T.C.F.V. đã phán quyết như sau :

- Tuyên phán bất hợp hiến các điều 3, 4, 5, 9, 12 và 13 của Sắc-luật số 11/62 tổ-chức Tòa án Quân-sự Mặt-trận. Lý-do là theo tổ-chức của Tòa-án này, chánh thẩm

1. Xin xem lại PQ ngày 24-3-1970 về "thủ-tục biểu-quyết sự chấp-thuận của 3/4 tổng-số dân-biểu để truy tố một dân biểu đồng viện," tr.82 Luận văn này.

và phụ thẩm không thuộc thành-phần xử án chuyên nghiệp, cũng không đặt dưới quyền kiểm soát hiến định của T.C.P.V. thủ-tục áp-dụng trước Tòa không cần có giai-đoạn tham vấn sơ khởi nên không tôn-trọng quyền biện hộ của bị can. Các điểm đó trái hẳn với điều 3, 76, 77, 78 và điều 7 khoản 6 của Hiến-pháp;

- Tuyên phán bất hợp hiến quyết-định truy tố ĐB Trần-Ngọc-Châu vì đã không căn cứ vào trường-hợp qua tang phạm pháp như điều 41 Bộ Hình-sự Tổ-tung đòi hỏi và cũng không căn cứ vào sự chấp-thuận của 3/4 tổng-số dân-biểu trong một cuộc thảo luận và biểu quyết, như vậy đã vi phạm điều 37 khoản 2 Hiến-pháp;

- Việc thỉnh-cầu tiêu hủy bản án ngày 5-3-1970 của Tòa án Quân-sự Mặt-trần Lưu-động Vùng 3 Chiến-thuật và lệnh tổng giam ngày 19-2-1970 của Tổng-trưởng Quốc-phong thuộc thủ-tục pha an.

4.- Phán quyết ngày 5-5-1970 đã đáp ứng được kỳ vọng của mọi người từng theo dõi nội vụ lúc bấy giờ. Trước một vụ án chánh-trị tế nhị nhưng T.C.P.V. vẫn có đủ sự độc-lập và vô tư để bảo vệ nền dân-chủ pháp trị. Đó là một điểm son trong thanh-tịch hào hiên và phát huy dân-chủ của T.C.P.V. rất đáng được ca ngợi.

c) - Vụ án về luật bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhiệm-ky II :

1.- Nguyên-nhân :

Đạo luật số 009/71 ngày 23-6-1971 ấn-định thể-thức bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhiệm-ky II, tại điều 10 khoản 7, đã đặt thêm một điều-kiện ứng cử là phải có sự giới-thiệu của 100 nghị-viên hoặc của 40 nghị-sĩ hay dân biểu. Điều-kiện này đã làm nhiều người không thể ra tranh cử được và cũng đã làm cho nhiều người bất mãn chống đối cho rằng điều 10 khoản 7 đã hoàn-toàn vi hiến.

2.- Tóm tắt nội-vụ :

Vụ án phát xuất từ các đơn khởi tố của 4 công-dân Nguyễn-Trần, Trần-Công-Quốc, Cao-thế-Dung và Lương-Văn-Thọ. Các đơn khởi tố này đại-đề yêu-cầu T.C.P.V. tuyên phán bất hợp hiến điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 vì các lý-do sau :

- Vi phạm nguyên-tắc bình-đẳng của công-dân về quyền bầu cử và ứng cử quy định tại điều 2 khoản 2 Hiến-pháp và điều 13 khoản 2 Hiến-pháp;

- Vi phạm từ điều 39 đến 49 Hiến-pháp vì các điều này không hề quy định nhiệm-vụ giới-thiệu ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống của các nghị-sĩ dân-biểu và vi phạm điều 70 Hiến-pháp vì điều này không hề quy định nhiệm-vụ giới-thiệu ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống của các nghị-viên;

- Vi-phạm nguyên-tắc bầu cử trực-tiếp do điều 52 khoản 1 Hiến-pháp an định;

- Vi phạm tinh-thần Hiến-pháp cùng ý-chí của nhà lập hiến 1967.

Lập-trường của Hành-pháp thì cho rằng điều 10 khoản 7 hợp hiến vì không có điều khoản nào của Hiến-pháp cấm đoán mà không cấm thì Quốc-hội có quyền làm.

Trong số 5 luật gia được T.C.F.V. tham khảo ý-kiến có 3 vi cho điều 10 khoản 7 hợp hiến là G.s. Nguyễn-Văn-Bông, G.s. Nguyễn-Quang-Quỳnh và ông Lý-Bình-Huê, 2 vi còn lại cho điều 10 khoản 7 bất hợp hiến là Luật-su Lê-Văn-Đình và Luật-su Thái-Thị Nhu-Ngọc.

### 3.- Phán-quyết của Tối-cao Pháp-viên :

Trong phiên xử ngày 13-7-1971, T.C.F.V. đã tuyên phạt 4 ban an về 4 đơn khởi tố nêu trên, Ngoại trừ đơn khởi tố của công-dân Lương-Văn-Thọ bị bác về hình-thức, 3 đơn khởi tố còn lại đều bị bác về nội dung vì lẽ điều 10 khoản 7 không vi hiến.

Đặc-biệt bên dưới các phán quyết có ghi ý kiến khác biệt của Thẩm-phán Tối-cao Trần-Minh-Tiết cho rằng điều 10 khoản 7 luật số 009/71 vi phạm điều 2 khoản 2, điều 13 khoản 2 và tinh-thần chung của Hiến-pháp.

4.- Vụ án vừa trình bày ở vào một trường hợp mà các điều khoản của Hiến-pháp không quy-định rõ ràng nên vấn-đề hợp hiến hay bất hợp hiến của điều luật bị chỉ-trích cần đến sự giải-thích rộng-rãi của cơ-quan bảo hiến. Nó cũng nằm trong khuôn khổ một sự tranh-chập có ảnh-hưởng đến uy-tin của chế-độ và vận mạng quốc-gia. Thiết nghĩ trong trường-hợp như vậy, một ban an 'hợp thời' của T.C.F.V. thật là cần-thiết.

Tuy nhiên, T.C.F.V. đã không theo lập-trường đó mà trái lại đã khẳng định rằng 'nhiệm-vụ của T.C.F.V. trọng vụ hiện hữu không phải là đề ra một quan-niệm về diện có nên hay không nên đặt ra nguyên-tắc giới-thiệu ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống trong khuôn khổ Hiến-pháp ngày 1-4-1967 mà là xét coi điều 10 khoản 7

Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 có vi phạm một điều khoản nào của Hiến-pháp hay không.' ( Trích phần dân-lý của Phan-quyết ngày 13-7-1971 ).

Sự dè dặt trên đã đưa đến hậu quả đáng tiếc là sự 'độc diễn' của Liên-danh 'DÂN-CHỦ' trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng-Thống ngày 3-10-1971 gây tổn thương ít nhiều cho chánh-thể dân-chủ hiện tại. Nếu không từ chối vai trò trong đại của mình, T.C.P.V. rất có thể đã tạo được uy tín và thành-tích vẻ-vang trong cơ-hội quý báu đó.

### ĐOẠN B : ANH-HƯỞNG CỦA CÁC ÁN-LỆ BẢO HIỆN .-

Với thành-của vừa kể, T.C.P.V. đã đóng góp được những gì cho nền pháp-chế cũ-kỹ và cho chế độ dân-chủ phôi thai Việt-nam? Chúng ta sẽ nhận định vấn-đề qua ảnh-hưởng của các án-lệ bảo hiến về khía cạnh pháp-lý cũng như chánh-trị.

#### Mục 1 : Ảnh-hưởng về mặt pháp lý .-

Về mặt pháp lý, án-lệ bảo hiến có thể giải-thích và áp-dụng luật-lệ hoặc bổ-túc và sáng tạo thêm các nguyên-tắc luật-lệ nói chung.

##### a) - Giải-thích và áp dụng luật-lệ :

Giải-thích ở đây có nghĩa là làm sáng tỏ thêm một điều khoản của luật-lệ, còn áp-dụng là mang các nguyên-tắc luật-lệ đưa vào sự sinh-hoạt hàng ngày của chúng ta để buộc mọi người phải hành-động trong tinh-thần thượng tôn pháp-luật. Hai công-tác này thường đi đôi với nhau. Án-lệ bảo hiến của T.C.P.V. đã tạo được những ảnh-hưởng đáng kể về việc giải-thích và áp dụng Hiến-pháp cũng như luật-pháp. Sau đây là vai thí dụ điển hình :

##### 1.- Về giải-thích và áp dụng Hiến-pháp :

- Trong Phan quyết giải-thích Hiến-pháp ngày 24-3-1970, T.C.P.V. giải-thích sự chấp thuận của 3/4 tổng-số dân-biểu để truy-tố một dân-biểu phạm pháp phải là kết quả của một cuộc thảo luận và biểu quyết trong một phiên họp khoáng đại của Hạ-nghị-viện. Quan-điểm đó lại được chính T.C.P.V. áp-dụng trong Phan-quyết ngày 5-5-1970 để cho rằng ban quyết-nghị của 103 dân-biểu cho phép truy tố DB Trần-Ngọc-Chau là không hợp-lệ.

- Trong Phan quyết kiểm hiến ngày 5-5-1970, T.C.P.V. giải-thích các điều khoản Hiến-pháp đã uy-nhiệm cho T.C.P.V. hành sự quyền Tư-pháp, kiểm-soát mọi tòa-án cấp dưới, ... để tuyên các điều khoản của Luật số 11/62

ngày 21-5-1962 liên-hệ đến việc tổ-chức các tòa-án quân-sự mặt-trần là bất hợp hiến. Nhờ thế, ngày nay mọi cơ - quan tài-phần đều nằm trong một hệ-thống duy nhất đứng đầu bởi Tối-cao Pháp-viện.

2.- Về giải-thích và áp dụng các văn-kiến lập pháp:

Trong Phan quyết kiểm hiến ngày 21-9-1973, T.C.P.V. đã giải-thích điều 64 Luật số 007/68 không có y-dinh cho các đương tụng sử dụng quyền khước biện như là một biện-pháp diễn trị vụ kiện; do đó, T.C.P.V. đã bác khước biện của nguyên đơn André de L'Épine như danh Muller chống Bộ Tu-pháp vì đương-sự đã nêu các điểm khước biện về các điều luật không có liên hệ gì đến nội vụ.

b)- Bổ-túc và sáng tạo thêm các nguyên-tắc luật-lệ:

Bổ-túc là thêm vào các điều khoản sẵn có của luật-lệ những ý nghĩa cần-thiết để giúp cho các điều khoản đó được đầy đủ hơn; sáng tạo là một hình-thức bổ-túc quan-trọng vì nó dựa vào tinh-thần luật-lệ mà tạo thêm ra những nguyên-tắc mới để đáp ứng nhu cầu của tình-thế. Đây là nhiệm-vụ tối quan-trọng của án-lệ nói chung và án lệ bảo hiến nói riêng. Xây-dựng được những án-lệ loại này, cơ-quan bảo hiến mặc nhiên đóng vai-trò của cơ-quan lập hiến, lập pháp hay lập quy. T.C.P.V. Việt-nam chưa xây-dựng được nhiều án-lệ loại này, nhưng ta có thể kể một vài án-lệ điển hình sau đây mà T.C.P.V. đã thật sự đóng góp :

1.- Về bổ-túc và sáng tạo thêm các nguyên-tắc hiến tính :

- Trong Phan quyết giải-thích hiến-pháp ngày 6-12-1968, dù Hiến-pháp không dự liệu thủ-tục để 'Quốc-hội quyết-định việc tuyên chiến và nghị hòa' ( điều 39 khoản 3 Hiến-pháp ) là hai Viện họp chung hay họp riêng, nhưng T.C.P.V. đã dựa vào quyền-lợi quốc-gia mà tuyên phán là 'họp chung'; Ta thấy rõ-ràng đó là một nguyên-tắc hiến tính mới mà làm căn-bản cho việc điều hành của Quốc-hội.

- Phan-quyết giải-thích hiến-pháp ngày 31-1-1969 cũng là một thí-dụ tương-tu khi T.C.P.V. tuyên phán rằng Tổng-Thống có quyền yêu-cầu Quốc-hội phục nghị dự luật ngân-sách nhưng lại đặt thêm điều-kiện rằng Tổng-Thống không có quyền tự ý yêu-cầu Quốc-hội phục nghị các Chương Mục Ngân-sách thuộc các quyền độc-lập khác. Điều-kiện đó không hề được Hiến-pháp quy định nên phải coi như là một điểm sáng tạo của án-lệ vậy.

2.- Về bổ-túc và sáng tạo các nguyên-tắc luật định:

Trong Phan-quyết kiểm hiến ngày 12-12-1969, T.C.P.V. đã cho rằng điều 73 Luật số 007/68 đã cho Thương-Nghi Viện quyền xin giải-thích hiến-pháp và giải tán chánh đảng nên điều 63 Luật đó cũng công-nhận T.N.V. có tổ quyền kiểm hiến. Với sự giải-thích như thế, T.C.P.V. đã mặc nhiên bổ-túc cho Luật số 007/68 bằng một nguyên-tắc mới sáng tạo là: hệ ai có quyền xin T.C.P.V. giải-thích hiến-pháp và giải tán chánh đảng thì cũng đều có quyền xin T.C.P.V. kiểm hiến một ban văn.

Tại Hoa -Kỳ với vai-trò bổ-túc và sáng tạo luật-lệ, T.C.P.V. đã tạo được những thành-tích thật vẻ-vàng. Nhờ những phan quyết sáng suốt và hợp thời của T.C.P.V. mà Hiến-pháp Hoa-Kỳ luôn luôn thích ứng với hoàn cảnh mới và đáp ứng được các nhu-cầu trong đại của quốc-gia. Chính vì thế mà quyền giải-thích hiến-pháp của T.C.P.V. Hoa-Kỳ được coi như là một phương-thức tự chính hiến-pháp và luật-pháp được mọi người công nhận.

Mục 2 : Ảnh-hưởng về mặt chánh-trị .-

Với thẩm-quyền hiến định, T.C.P.V. trong vai-trò bảo hiến có hai mục-dịch chánh-trị là bảo vệ quyền-lợi của người dân do Hiến-pháp công nhận và bảo vệ nguyên-tắc phân quyền của chế-độ dân-chủ. Ta thử xét xem án-lệ bảo hiến đã gây được những ảnh-hưởng nào qua hai mục-dịch đó.

a)- Về bảo-vệ quyền-lợi của người dân :

Trong một chế-độ dân-chủ pháp-trị, quyền-lợi của người dân phải được luật-pháp che chở. Nếu luật-pháp không có đủ khả năng che chở trước cường quyền thì khi quyền-lợi hiến định của người dân bị tổn hại, cơ-quan bảo hiến phải có nhiệm-vụ can-thiệp. Các vụ kiểm hiến hầu hết đều do các thể nhân dụng đơn chánh tổ hoặc khước biện nên án-lệ kiểm hiến của T.C.P.V. đã ít nhiều bảo vệ quyền lợi của tư nhân đang kể.

Sau đây là vài thí dụ về các án-lệ đã trực-tiếp bảo-vệ quyền-lợi của người dân :

- Trong một loạt các phan quyết về các đơn chống sắc-luật số 11/62 tổ-chức Toa-an Quan-su Mặt-trần - mà Phan-quyết ngày 5-5-1970 về vụ Trần-Ngọc-Châu là điển-

---

1. Xin xem K.C. Wheare, Hiến-Pháp Tân-Tiến, Nguyễn-Quang dg (1967), tr. 136-163.

hình - Tối-cao Pháp-viện đã làm đình chỉ hoạt-dộng của cả một hệ-thống pháp-định đe dọa đến tự do của người dân hơn hết. Cho nên với những phán-quyết đó, T.C.P.V. không những trực-tiếp bênh-vực quyền-lợi của các nguyên đơn mà còn gián-tiếp cứu vớt những người đang bị các pháp-định đó giam cầm xét xử. Nhưng rất tiếc là kết-quả của các phán-quyết đó chỉ được Hành-pháp tôn-trọng có một phần ( thuận đặt các Tòa-án Quận-sự Mặt-trận dưới sự thống thuộc của T.C.P.V. ), các nguyên đơn trong những vụ án nổi tiếng đó vẫn còn bị Hành-pháp giam cầm theo các bản án mà Tòa-án Q.S.M.T. đã tuyên trước sự im-lặng của Tối-cao Pháp-viện.

- Trong Phán quyết ngày 11-11-1970, T.C.P.V. đã tuyên bất hợp hiến điều 3 Nghị-định 045/TTM/NĐ ngày 16-1-1968 của Bộ Quốc-Phòng buộc ĐB Mã-Xái và kk phải tái ngũ sau nhiệm-kỳ dân-cử vì đã vi phạm quyền lợi của các đương-sự do điều 23 khoản 1 Hiến-pháp công nhận.

- Trong các Phán quyết ngày 3-4-1973, T.C.P.V. đã tuyên bất hợp hiến quyết-định của Giám-đọc Trung-tâm chuẩn-chỉ Dân-phí khước từ việc chuẩn-chỉ những chứng phiếu lương bổng của các Giáo-sư Đại-học kiêm Nghị-sĩ Vũ-Văn-Mậu và Nguyễn-Huy-Chiếu vì đã vi phạm quyền-lợi của các đương-sự do điều 37 khoản 6 Hiến-pháp công nhận.

b) - Về việc bảo-vệ nguyên-tắc phân quyền :

Phân quyền là nguyên-tắc hiến định căn-bản của chế độ Đệ-nhi Cộng-hòa Việt-nam. Các luật-giả và lý-thuyết gia coi đó như là thành trì để bảo-vệ chính-thể dân chủ. Vì thế cơ-quan bảo hiến có nhiệm-vụ can-thiệp khi nguyên tắc này bị vi phạm.

Vấn-đề bảo-vệ sự phân quyền thường được các án-lệ giải-thích hiến-pháp thực hiện nhiều hơn những đời khi ta cũng thấy trong các án-lệ kiểm hiến. Sau đây là vai an-lệ điển hình :

- Trong Phán-quyết giải-thích hiến-pháp ngày 19-8-1969, trước sự kiện Hành-pháp đã tự ý ban hành một dự luật trong khi còn sự tranh-chấp với Lập-pháp về một điều khoản của Hiến-pháp nên xem như đã giành quyền giải-thích hiến-pháp, T.C.P.V. tuyên phán rằng giải-thích hiến pháp là quyền hiến định của T.C.P.V. nên khi sự tranh-chấp còn tiếp diễn thì chỉ có T.C.P.V. mới có thẩm quyền giải quyết vấn-đề.

- Trong các Phán-quyết kiểm hiến ngày 29-4-1970, 5-5-1970 và 11-11-1970, trước sự kiện Tòa-án Quận-sự Mặt-trận đặt thuộc quyền của Hành-pháp ( Bộ Quốc-Phòng ),

T.C.P.V. đã coi đó là sự vi phạm nguyên-tắc phân quyền và tuyên phán rằng chỉ có T.C.P.V. mới là cơ-quan đứng đầu và kiểm-soat mọi pháp đình không phân biệt.

Ta vừa lược khảo xong một số án-lệ bạo hiến quan-trong cũng nhận định về các ảnh-hương đó các án-lệ tạo ra. Trong Tiết kế tiếp, ta sẽ nhận định xem những yếu-tố nào của thực tại chánh-trị đã trực-tiếp hoặc gián-tiếp ảnh-hương đến thành quả của các giải-pháp bạo hiến.

## TIẾT II : THỰC-TẠI CHÁNH-TRỊ .-

Thực tại chánh-trị dưới hai chế-độ Công-hòa có những sắc-thai riêng biệt. Vì theo luật tiến hóa, một chế-độ chánh-trị phải trải qua từ giai-đoạn phôi thai đến giai-đoạn trưởng-thành và y-thực chánh-trị của người dân cũng đi theo chiều hướng đó.

Trong chế-độ Đệ-nhất Công-hòa, pháp-ly đã trở ngại cho sinh-hoạt dân-chủ mà những yếu-tố của thực tại chánh-trị cũng cản trở cho sự thành-công của một chánh-thể dân chủ rất nhiều. Sang thời Đệ-nhi Công-hòa, mặc dù mức độ chiến-tranh có trầm-trọng hơn và làm lực tính-thể bất ổn định nhưng những nhược điểm trên có phần được cải thiện.

Để nhận định về những ảnh-hương của thực tại chánh-trị đối với sinh-hoạt bạo hiến, ta sẽ xét những yếu-tố của thực tại chánh-trị đưa đến sự bất đồng của Viện Bảo Hiến trước và những yếu-tố của thực-tại chánh-trị đã thúc đẩy sự hoạt-động của T.C.P.V. sau.

### ĐOẠN A : NHỮNG YẾU-TỐ CỦA THỰC-TẠI CHÁNH-TRỊ ĐƯA ĐẾN SỰ BẤT ĐỒNG CỦA VIỆN BẢO HIẾN .-

Có hai yếu-tố về thực-tại chánh-trị đã khiến cho giải-pháp Viện Bảo Hiến dưới thời Đệ-nhất Công-hòa không thể thành-công được. Đó là tánh-cách độc-tại của cơ-quan Hành-pháp và sự xà-la của người dân đối với biện pháp đấu tranh bằng pháp-ly.

#### Mục 1 : Tánh-cách độc đoán của cơ-quan Hành-pháp :

Sự độc đoán của cơ-quan Hành-pháp Đệ-nhất Công-hòa thật sự đã manh nha kể từ khi bắt đầu thành-lập chế-độ với ý-dịnh thiết-lập một chánh-thể dành nhiều sự ưu đãi cho Tổng-Thống. Ý định đó đã thành hình nhờ ở hoàn cảnh lịch-sử thuận-tiện. Thật vậy, vào năm 1956 Ngô-Đình-Diệm đã truất-phê xong Bao-Đại, thành-công trong việc dẹp Bình Xuyên, giai giới xong các đơn vị võ-trang của các giáo-phái và không gặp một trở ngại quan-trọng nào trong việc



dân áp đối-lập. Thành-thủ trong số 121 dân-biểu Quốc-hội Lập-hiến đã có 101 người của chánh quyền, số còn lại cũng thuộc thành-phan thân chính.

Sau ngày 26-10-1956, nhờ một ưu thế pháp-lý hiến định, Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đi sâu thêm vào con đường tập trung quyền-lực. Thân-tượng Ngô-Đình-Diệm được cán-bộ nhà nước cổ súy mọi người đề cao; bài hát 'Suy tôn Ngô Tổng-Thống' được gắn liền với bài Quốc-ca trong mọi buổi lễ chào cờ; các cuộc bầu cử Quốc-hội Lập-pháp được Chánh-quyền dùng đủ mọi thủ đoạn để đưa người vào, thành thử tại diễn đàn Quốc-hội không có tiếng hơi của đối-lập.

Trong một khung cảnh thực-tại chánh-trị như thế, Tổng-Thống có thể làm bất cứ điều gì Tổng-Thống muốn. Mạnh-vi của cơ-quan Lập-pháp và Hành-pháp đều có tánh-cách tuyệt-đối, bất khả chỉ trích. Cho nên, Viện Bảo Hiến chỉ là cái bóng mờ ít người biết đến trong hệ-thống tổ-chức giương may quốc-gia và không thể nào là một định-chế hữu-hiệu được.

Mục 2 : Biện-pháp đấu tranh bằng pháp-lý còn xa lạ với mọi người .-

Thêm vào khuynh hướng độc-tài của Chánh-quyền, ý-thức chánh-trị của người dân cũng còn rất au-trĩ. Tưng sống dưới chế-độ thực dân phong kiến, người dân chịu đủ mọi sự bất công thiệt-thòi mà không có sự bao che của luật-pháp. Câu 'vô phúc đạo tưng đình' thường được mọi người nhắc nhở nên phải đến tòa-an là một việc vụn vặt đặc dĩ. Đối với người dân, việc kiện tụng nhà nước càng xa lạ hơn, nó chẳng những không thể thành-công mà còn có khi rước họa vào thân.

Ý nghĩ của người dân phản ảnh được phần nào thực-tế nhưng thái độ tiêu-cực của người dân không thể làm cho các định-chế pháp-lý có cơ-hội hoạt-động để ta có thể lường-gia được mục hữu hiệu của chúng.

Với một yếu-tố chánh-trị thực-tại như thế, Viện Bảo Hiến dù có năng lực pháp-lý đến đâu cũng khó có thể là một định-chế hữu-hiệu để bảo-vệ quyền-lợi của người dân và phát huy dân-chủ.

- 
1. Nguyễn-Văn-Tương, Định-Chế Chánh-Trị Việt-Nam, Giảng-Văn ( Sài-Gòn : Trường Quốc-Gia Hành-Chánh, 1972 ), trang 36.

**ĐOẠN B : NHỮNG YẾU-TỐ CỦA THỰC-TẠI CHÍNH-TRỊ ĐÃ THỨC ĐẨY SỰ HOẠT-ĐỘNG CỦA T.C.P.V. .-**

Từ cuộc Cách-Mạng 1-11-1963 cáo chung chế-độ Đệ-nhất Công-hòa đến ngày ban hành Hiến-pháp 1967 là khoảng thời-gian có nhiều xáo trộn về chính-trị nhứt nhưng cũng lôi kéo người dân tham-giã hoặc lưu tâm đến sinh-hoạt chính-trị nhiều nhứt.

Hệ quả của những biến chuyển chính-trị dồn dập trong khoảng thời-gian đó đã khiến cho chính-quyền trong chế-độ Đệ-nhi Công-hòa cởi mở hơn và ý-thức chính-trị của người dân cũng trưởng thành hơn. Nhưng có lẽ cản trở cho sinh-hoạt dân-chủ nhiều nhứt là chính-quyền phải đương đầu một cuộc chiến ở một cường độ quá cao và những khó khăn kinh-tế quá lớn trong những năm qua.

**Mục 1 : Tánh-cách cởi mở của cơ-quan Hành-pháp :**

Hiến-pháp 1-4-1967 được thiết-lập trong lúc tình-hình chính-trị Việt-nam còn đang phức-tạp và không có một cá-nhân, đoàn-thể ap-lục nào nắm được ưu-thế tuyệt-đối. Do đó, Hiến-pháp không dành cho Tổng-Thống một ưu-thế pháp-ly đáng kể nào. Hơn nữa, Tổng-Thống Đệ-nhi Công-hòa dù muốn cũng không thể đi ngay vào khuynh hướng độc-tại khi mà tám gương Ngô-Đình-Diệm còn ngay trước mắt và chế-độ được dựng lên chính là do những cáo trạo đòi hỏi dân-chủ rất hăng say của quan-chung trước đó.

Với chế-độ Đệ-nhi Công-hòa, người ta không còn nghe thấy canh đê cao rầm rộ hoặc suy tôn vi nguyên thủ quốc-gia trong mỗi buổi chào quốc-ky như trước nữa. Trái lại, lần đầu tiên người ta được nghe thấy những tiếng nói đối-lập tại diễn đàn Quốc-hội cũng như trên báo-chí. Vì thế, một hành-vi của cơ-quan Lập-pháp hay Hành-pháp không thể có tánh-cách tuyệt-đối, trái lại, có thể bị phê đối-lập và công-luan bình phẩm chỉ-trích dễ-dạng. Nhờ thế mà vai-trò của T.C.P.V. được nhiều người chú ý và bắt đầu tin tưởng.

**Mục 2 : Sự tăng trưởng về ý-thức chính-trị của người dân.**

Song song với tinh-thần cởi mở của chính-quyền, ý-thức chính-trị của người dân cũng tăng trưởng hơn nhờ trải qua các biến cố chính-trị dồn dập trên thực-tế. Người dân bắt đầu lãnh-hội những bài học kinh-nghiệm rằng sự tranh đấu của họ đã có hiệu-quả. Vì thế, hành-vi của chính-quyền, tiếng nói của đối lập chính-trị, dư-luận báo chí được nhiều người lắng nghe, theo dõi và biểu-lộ quan điểm.

Cũng trong thời-gian này, Quy-chế Chánh-đảng và đổi lập Chánh-trị ( Luật số 009/69 ngày 19-6-1969 ) ra đời, Quy-chế báo-chí ( Luật số 019/69 ngày 30-12-1969 ) xuất hiện. Nhờ hai đạo luật quan-trọng đó mà sinh-hoạt chánh-trị nhộn-nhip hẳn lên: có nhiều đảng phái được phép thành-lập và hoạt-động công khai, có nhiều báo mới được xuất bản. Những phương-tiện đó đã đóng góp vào công cuộc giáo-dục quần-chúng rất quan-trọng và đã khiến cho họ bớt nhút-nhát đi trước 'đối thủ nhà nước'. Yếu-tố chánh-trị này là lý-do thứ hai thúc đẩy cơ-quan báo hiên hoạt-động.

Mục 3 : Những lý-do cản trở sinh-hoạt báo hiên.-

Nếu trên thực-tế, chế-độ Đệ-nhi Cộng-hòa đã có những yếu-tố chánh-trị khá dĩ giúp cho F.C.P.V. tạo được một số thành-tích báo hiên đang kể thì trái lại, trong các năm vừa qua, sinh-hoạt báo hiên hầu như bị hoàn toàn ngưng trệ. Sự kiện đó được nhận thấy qua bảng ghi thời-gian các án-lệ được cấu-tạo như sau :

Năm	1968	1969	1970	1971	1972	1973	1974
Số-lg án-lệ	1	9	9	19	1	4	0

Do bảng trên, ta thấy sinh-hoạt báo hiên bị ngưng trệ trầm trọng kể từ năm 1972 đến nay sau khi qua một thời-gian nhộn-nhip nhút (1971). Vậy những lý-do nào đã ảnh-hưởng đến sự ngưng trệ đó ?

Theo K.C. Wheare, các nỗ-lực tiết-chế quyền hạn của chánh-quyền để cho phù hợp với Hiến-pháp thượng bị hai kẻ thù chính sau đây cản trở: chiến-tranh và kinh-tế suy sụp. Lý-do ngăn trở nỗ-lực báo hiên tại Việt-nam trong các năm qua nghĩ cho cùng cũng ở vào trường-hợp tương-tự.

a) - Nếu từ năm 1968 - sau biến cố Tết Mậu-Thân - chiến cuộc giam đần theo sự tiến triển tốt đẹp của công-tác bình-dinh thì ta phải nói nó đã bộc phát với cuộc tấn công đại quy mô của Cộng quân vào mùa Hè năm 1972. Với sự gia tăng chiến cuộc, dĩ nhiên chánh-quyền cần được tự-do hành-động để có-thể phản ứng kịp thời với tình thế và người dân thì cũng sẵn-sang để cho chánh-quyền được tự-do. Bởi thế, ngày 25-11-1972 Tổng-Thống đã ký một lượt 3 Sắc-luật ban hành khẩn cấp tình-trạng báo động

(Sắc-luật số 017/72), khẩn-trương (Sắc-luật 018/72) và giới-nghiêm (Sắc-luật 019/72) trên toàn lãnh-thổ, hạn chế rất nhiều quyền tự-do của người dân nhưng được mọi người mặc nhiên chấp nhận. Đặc-biệt hơn hết là trước đó, Quốc-hội đã biểu quyết chấp thuận đạo luật số 005/72 ngày 28-6-1972 đồng ý ủy quyền cho Tổng-Thống cai-trị bằng sắc-luật về các lãnh-vực an-ninh, quốc-phòng, kinh-tế và tài-chánh trong thời hạn 6 tháng mặc dù Hiến-pháp không minh thị cho phép. Đạo luật ủy quyền bị nhiều người chỉ-trích là vi hiến nhưng chưa ai đặt thẳng vấn-đề kiểm-hiến của nó trước T.C.P.V. và hệ quả là trên 50 sắc-luật được Tổng-T hống ký ban hành trong khoảng thời-gian trên, chỉ phối mạnh-mẽ mọi lãnh-vực hoạt-động của quốc-gia. Xem thế dù biết lý-do chiến-tranh đã ảnh-huống đến hoạt-động bảo hiến của T.C.P.V. biết là dương nào.

b)- Song song với lý-do chiến cuộc, tình-trạng kinh-tế Việt-nam cũng rất nguy kịch. Chiến-tranh đã khiến hàng triệu người mất công ăn việc làm và cần được nuôi dưỡng, sự giải giới của quân-đội Mỹ cũng bỏ lại sau lưng một số đông đảo người thất nghiệp, ... Ngoài ra, sự sản-xuất yếu kém khiến vật giá ngay một gia tăng dù đôi, ngân-sách quốc-gia mỗi năm một thiếu hụt trăm-trong và sự lạm-phát hầu như không thuốc chữa. Trước tình-trạng đó, người dân cũng mặc nhiên để cho chánh-quyền được tự-do hành-động nhiều hơn là bị hạn chế, vì một nỗ-lực hạn chế lúc này cũng thành vô hiệu. Cho nên, rất nhiều biện-pháp thuế khóa được đặt ra - điển hình là thuế trị giá gia tăng - ảnh-huống nặng đến đời sống người dân nhưng sự chỉ-trích chỉ hướng vào khía cạnh 'nên hay không nên' áp-dụng các biện pháp đó thay vì nêu lên khía cạnh pháp lý như trong vụ án 'thuế kiểm ước' (1969) mặc dù hầu hết các sắc thuế mới đều được thành-lập do những sắc-luật của Tổng-T hống căn-cứ vào đạo luật 'ủy quyền'.

o o o

Để kết luận Chương II, ta có-thể nói rằng án-lệ bảo hiến đã thất sự đóng góp được một phần nào cho nền pháp-ly và sinh-hoạt dân-chủ tại Việt-nam. Tuy nhiên, thành quả bảo hiến của các giải-pháp qua khiêm nhường về lượng cũng như về phẩm nên chưa đáp ứng được nhu cầu của một quốc-gia đang cải tiến và đang đứng trước một nện pháp-luật cũ kỹ với nhiều khiếm khuyết. Thành quả đó hậu như gắn liền với một thực-tại chánh-trị đầy bất trắc của Việt-nam. Cho nên những tia hy-vọng tốt-đẹp được nhiều người đặt nơi T.C.P.V. bỗng vụt tắt trước những biến chuyển của tình-thế trong các năm qua.

### KẾT-LUẬN PHẦN THỨ HAI :

Qua sự nhận-xét vừa được trình bày trong hai Chương

trên, ta có thể rút ra một bài học kinh-nghiệm về sự hữu-hiệu của một giải-pháp bảo hiến.

Bài học đó cho ta biết điều-kiện tiên yếu phải là một bản Hiến-pháp dân-chủ, nghĩa là bản Hiến-pháp đó không phải được làm ra cho một người, một giống họ, một đảng phái mà phải được làm ra cho toàn dân. Chỉ có bản Hiến-pháp dân-chủ mới theo đuổi mục-tiêu tiết-chế chánh quyền và giải-pháp bảo hiến phát-sinh từ nó mới có thể hội đủ điều-kiện pháp-ly cần-thiết để hoàn-thành trọng trách.

Mặt khác, một giải-pháp bảo hiến hữu-hiệu cũng không thể có trong một chủ-nghĩa chuyên-chế hoặc trước mọi hình-thức bất ổn định chi phối mạnh-mẽ đời sống của người dân. Nói một cách khác, chỉ với một chánh-quyền có thiện-chí tiến mạnh trên đường hợp hiến và với một khung cảnh hòa-bình, thịnh-vượng thì một giải-pháp bảo hiến mới có môi-trường thuận-tiện để hoạt-động và tiến đến hữu-hiệu.

Bài học bảo hiến tại nước nhà còn thô-sơ nhưng cũng đủ là mở kinh-nghiệm thực-tiến để giúp cho dân-tộc này muốn tiến nhanh trên con đường dân-chủ hóa.

-+++++

---

1. Theo K. C. Wheare : "Sở dĩ cần đặt ra Hiến-pháp là để tiết-chế Chánh quyền."

# TỔNG KẾT

I.- Một điểm tương đồng nổi bật nhất của hai bản Hiến-pháp thiết-lập các nền Cộng-hòa tại Việt-nam là đều chọn chính-thể dân-chủ toàn diện, một chính-thể đề cao nhân phẩm với ý niệm con người là chủ nhân và phải được hưởng các quyền tự-do căn-bản.

Lời mở đầu của Hiến-pháp ngày 26-10-1956 long trọng xác nhận 'tín tưởng ở giá-trị siêu việt của con người mà sự phát-triển tự-do, điều-hòa và đầy-đủ trong cương vị cá-nhân cũng như trong đời sống tập-thể phải là mục-dịch của mọi hoạt-động quốc-gia'. Những điều khoản căn-bản của Hiến-pháp ấy nêu lên nghĩa-vụ bảo-vệ tự-do, dân-chủ và chính-thể Cộng-hòa.

Lời mở đầu của Hiến-pháp ngày 1-4-1967 bày tỏ sự ý thức rằng dân-tộc Việt-nam đã đón nhận những tự-tướng tiên-bộ nên cam-kết 'thiết-lập một chính-thể Cộng-hòa của dân, do dân và vì dân' hậu bảo đảm 'tự-do, dân-chủ trong công-bằng, bác ái'. Hiến-pháp này cũng minh thị công nhận và bảo đảm những quyền căn-bản của mọi công - dân.

Tuy nhiên, chính-thể dân-chủ tốt-đẹp đó trên thực-tế vẫn còn là một lý-tưởng xa lạ đối với người dân Việt nam.

Hiến-pháp năm 1956 đề cao dân-chủ nhưng thật sự là đặt ra chế-độ cá-nhân trị. Hiến-pháp áp-dụng nguyên-tắc phân nhiệm nhưng với dụng ý tập trung quyền hành vào tay Tổng-Thống. Do đó, Tổng-Thống dùng đầu cơ-quan Hành-pháp mà nắm cả quyền Tư-pháp, quyền bảo hiến và có một vai trò lập-pháp rất quan-trọng. Căn-bản pháp-ly đó chỉ để hậu thuẫn cho một chính-quyền chuyên-chế, khiến cho một quần-chúng vốn đã kèm ý-thức chính-trị không sao tin-tưởng thật sự vào các giá-trị của chính-thể dân-chủ và sẵn-sàng bảo-vệ những giá-trị ấy bằng những biện-pháp sinh-hoạt chính-trị có tinh-cách công khai.

Hiến-pháp năm 1967 khắc phục được các khuyết điểm căn-bản của Hiến-pháp năm 1956 nên có-thể coi như là một sự tiến bộ trên bình-diện pháp-ly. Với nguyên-tắc

phân quyền, cơ-quan Hành-pháp không còn uy thế quá đáng nữa; chánh quyền cũng tỏ ra cởi mở và người dân cũng lưu ý đến sinh-hoạt chánh-trị nhiều hơn. Tuy nhiên trước đã gia tăng của chiến cuộc do Công-sản Bắc-Việt gây ra trong âm mưu thôn tính Miền Nam bất chấp cả Hiệp-dinh vận hội hòa-bình mà chúng đã ký kết và trước viễn ảnh của một nền kinh-tế đen tối, nhu-cầu cần có một cơ-quan Hành-pháp mạnh để giữ vững chế-độ đã thật sự xuất hiện từ mấy năm qua. Do đó, trên thực-tế người dân Việt-nam lại vẫn không thể có một chánh-quyền hoàn-toàn hợp hiến hay đang tiến mạnh trên đường hợp hiến.

II.- Quá trình xây-dựng dân-chủ tại Việt-nam đặc-biệt qua nhiều cam-go mà ít khi sang lạn.

Nếu kể nền độc-lập Việt-nam bắt đầu từ ngày 8-3-49 với Thỏa-hiệp Elysee ký giữa Tổng-Thống Pháp Vincent Auriol và Quốc-trưởng Bảo-Đại thì ta có thể nói rằng ý-thức về sự cần-thiết của một chánh-thể dân-chủ đã được biểu-lộ ngay trong Dự số 1 ngày 1-7-1949, văn-kiến hiến tính đầu tiên của Việt-nam. Nhưng những hua hẹn về sự thiết-lập các định-chế dân-chủ ghi nơi đạo dụ đó đã không thực hiện được trước chủ-trương cần phải có một chánh-phủ 'đủ quyền bính' để 'thực hành chủ quyền' một cách 'mau lẹ và hiệu-qua'.

Vì thế, Quốc-trưởng Bảo-Đại xem như hoàn-toàn thất bại trong sự mang dặt nên mong cho chánh-thể dân-chủ hợp với nguyện vọng tha-thiết của toàn dân nên đã bị Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm truất-phế dễ-dàng qua hình-thức cuộc tổng tuyển cử ngày 23-10-1955.

Nắm được chánh-quyền, Ngô-Đình-Diệm thiết-lập nền Công-hoa, có công tổ-chức xây-dựng Hiến-pháp ngày 26-10-1956. Nhưng như ta đã biết, Hiến-pháp năm 1956 chỉ là một văn-kiến hợp thực hóa cho chủ-trương củng-cố một Hành-pháp mạnh, có tánh-cách phản dân-chủ hơn là thật tâm thực hiện chánh-thể dân-chủ mà phan mở đầu của Hiến-pháp đó đã đề cao. Cho nên, kết-qua là đã đưa tới cái chết bi thảm của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm trong cuộc Cách-mạng ngày 1-11-1963.

Quân-đội đã vì nhu-cầu dân-chủ của toàn dân mà đứng lên lật đổ chế-độ độc-tại. Nhưng sau đó, chánh-quyền quân-nhập thay vì lo xây dựng các định-chế dân chủ để sớm hoàn thành vai-trò lịch-sử của mình, trái lại, chỉ lo củng cố sức mạnh để đối phó với tình-thế ngày một thêm khẩn trương. Chánh-thể dân-chủ lại chỉ được hua hẹn trên các văn-kiến hiến tính tạm thời trong khi nhu-cầu thay đổi chánh-trị của người dân mỗi ngày một lớn. Tình-

trạng này đã làm phát-sinh các phong-trào chống đối chánh-quyền khắp nơi khiến các chánh-phủ thiếu căn-bản pháp-ly đã phải thay phiên nhau sụp đổ.

Sự chống đối đó tại xuất hiện quyết-liệt vào đầu năm 1966 do Giáo-hội Phật-giáo lãnh-đạo với đòi hỏi triệu tập Quốc-hội Lập-hiến, xây-dựng chánh-thể dân-chủ, khiến Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia đã chiếu quyết-nghi của Hội-đồng Quân-lục kỷ sắc-luật chấp-thuận vào ngày 14-4-1966. Đó chính là bối cảnh lịch-sử mà Hiến-pháp ngày 1-4-1967 ra đời, làm căn-bản pháp-ly cho chế-độ hiện tại.

III.- Đề cao chánh-thể dân-chủ nhưng lại e ngại thực hiện chánh-thể đó trong thực-tế là đặc-điểm chung tại các quốc-gia đang phát-triển chứ không riêng gì Việt-nam.

Đối với chánh-quyền tại những quốc-gia này, dân-chủ đối nghịch với hữu-hiệu. Nhưng vì theo đuổi hữu-hiệu, hy-sinh dân-chủ mà một số chánh-quyền bị mất hậu thuẫn nhân-dân nên bất lực trong việc giải-quyết các vấn-đề trọng đại của quốc-gia.

Cái vòng lẩn-quẩn đó cứ trôi buộc các quốc-gia trong sự chậm tiến và bất ổn định về chánh-trị. Cho nên các chánh-quyền khôn-khéo không bao giờ coi sự hy-sinh dân-chủ là một biện-pháp trọng-kỳ, trái lại phải luôn luôn tạo cơ-hội phát-triển dân-chủ song song với việc củng-cố sự hữu-hiệu. Và như thế, dân-chủ không còn bị coi là đối-lập với hữu-hiệu nữa mà lại là bạn đồng hành với hữu-hiệu, làm tăng thêm tánh-cách hữu-hiệu của chánh-quyền.

Trở lại vấn-đề Việt-nam, trước tình-thế khó-khăn hiện tại, chúng ta không thể võ đoán rằng chính quyền đã chọn sự hy-sinh dân-chủ làm biện-pháp lâu dài. Bởi vì kinh-nghiệm thực tiễn trong quá trình xây-dựng dân-chủ đã buộc nhà lập hiến năm 1967 lựa chọn chánh-thể dân-chủ thực sự, chắc hẳn cũng luôn luôn nhắc nhở chánh-quyền hiện tại đi vào con đường khôn khéo như đã nói. Trong chiều hướng này, nên dân-chủ Việt-nam có phát-triển mạnh trong tương-lai hay không tùy thuộc vào ba điều-kiện :

- Trước hết là tinh-thần trong pháp của cơ-quan Hành-pháp. Tinh-thần này có thể cao hay thấp tùy theo tinh-cách khó-khăn của tình-thế mà Chánh-phủ phải đối phó.



- Thứ hai là ý-thức chánh-trị cần-thiết của người dân trong một quốc-gia dân-chủ: đảm bênh vực và đòi hỏi những quyền lợi chánh đáng bằng những hình-thức đấu tranh hợp pháp, nhưng phải có nhiệm-vụ đóng góp tích-cực vào nền thịnh-vượng và phát-triển chung.

- Sau hết là khung cảnh ổn-định trong nhiều lãnh-vực quản-trọng của quốc-gia, đặc-biệt là lãnh-vực quân-sự, chánh-trị và kinh-te.

Nỗ-lực xây-dựng dân-chủ trong tương-lai còn là nỗ lực đẩy mạnh quốc-gia đi vào con đường hợp hiến, nên mặt khác, chúng ta không thể quên vai-trò bảo hiến quan trọng của Tối-cao Pháp-viện hiện tại. Tối-cao Pháp-viện phải có trách-nhiệm thúc đẩy tinh-thần trọng pháp của chánh quyền, điều-hòa thế quân bình chánh-trị giữa các cơ-quan hiến định và phải tạo được niềm tin tưởng của người dân vào luật-pháp và công-lý. Vai-trò đó chỉ hoàn thành với một định-chế bảo hiến tương thành, thật sự độc-lập và đầy qua cam./-

Sài-Gòn, ngày 15 tháng 5 năm 1.974

**VĂN-THẾ-VĨNH**

# THU TỊCH

## 1.- SÁCH :

- Berman, H.J. Những Cuộc Nói Chuyện về Hiến-Pháp Hoa-Kỳ. Sài-Gòn: Việt-Nam Khảo-Dịch Xa, 1968.
- Bùi-Quang-Khánh. Ý-Niệm Dân-Chủ và Những Chính-Thể Dân-Chủ. Sài-Gòn: Bộ Tam-Lý Chiến, 1965.
- Coyle, D.C. Cách Tổ-Chức và Sự Điều-Hành Nền Chánh-Tri Hoa-Kỳ. Nguyễn-Ngọc-Nhà d.g. Sài-Gòn: Việt-Nam Khảo-Dịch Xa, 1968.
- Duverger, Maurice. Droit Constitutionnel et Institutions Politiques. Paris: Presses Universitaires de France, 1958.
- Farnsworth, E.A. Giới-Thiệu Nền Pháp-Lý Hoa-Kỳ. Không có chi-tiết về dịch giả và xuất bản.
- Freund. The Supreme Court of The United States. New-York: No publisher, 1961.
- Hamilton và tđk. Luận về Hiến-Pháp Hoa-Kỳ. Sài-Gòn: Việt Nam Khảo-Dịch Xa, 1966.
- Lê-Đình-Chân. Luật Hiến-Pháp. Sài-Gòn: k.t., 1966.
- Nguyễn-Văn-Bông. Luật Hiến-Pháp và Chánh-Tri Học. Sài-Gòn: k.t., 1971.
- Nguyễn-Ngọc-Huy. Lịch-Sử các Học-Thuyết Chánh-Tri. Q.I, Sài-Gòn: Cấp-Tiến, 1970.
- Nguyễn-Quang-Quyển. Hiến-Pháp Lược Khảo. Sài-Gòn: Thư-Lâm Ấn Thư Quán, 1961.
- Trần-Văn-Ân. Dân-Chủ và Hiến-Pháp. Sài-Gòn: k.t., 1966.
- Trương-Tiến-Đạt. Hiến-Pháp Chú-Thích. Sài-Gòn: k.t., 1967.
- Vũ-Văn-Mẫu. Luật Học Đại-Cương. Sài-Gòn: k.t., 1971.
- Wheare, E.C. Hiến-Pháp Tân-Tiến. Nguyễn-Quang d.g. Không có chi-tiết về xuất-ban.

2.- GIANG-VĂN :

Nguyễn-Văn-Hào. Dân-Sự Tố-Tụng. Sài-Gòn: Đại-Học Luật-Khoa, 1970.

Nguyễn-Khắc-Nhân. Định-Chế Tư-Pháp. Sài-Gòn: Trường Quốc Gia Hành-Chánh, 1972.

\_\_\_\_\_. Luật Học Căn-Bản. Sài-Gòn: Trường Quốc Gia Hành-Chánh, 1971.

\_\_\_\_\_. Luật Hành-Chánh. Sài-Gòn: Trường Quốc Gia Hành-Chánh, 1973.

Nguyễn-Văn-Tương. Định-Chế Chánh-Tri Việt-Nam. Sài-Gòn: Trường Quốc-Gia Hành-Chánh, 1972.

Nguyễn-Độ. Công-Pháp Tụng. Sài-Gòn: Trường Đại-Học Luật Khoa, 1971.

3.- LUẬN-VĂN :

Cung-Trọng-Thạnh. Đặc Khảo về Thẩm-Quyền của Tối-Cao Pháp-viện. Sài-Gòn: H.V.Q.G.H.C., 1972.

Đào-Đông-Hải. Tìm Hiểu Bản Hiến-Pháp Ngày 1-4-1967 qua Qua Trình Hình-Thành của Nó. Sài-Gòn: H.V.Q.G.H.C., 1968.

Nguyễn-Ngọc-Điệp. Tối-Cao Pháp-Viện Nền Đệ Nhị Cộng-Hòa. Sài-Gòn: H.V.Q.G.H.C., 1972.

Nguyễn-Minh-Kháng. Khảo-Luận về Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam Cộng-Hòa. Sài-Gòn: H.V.Q.G.H.C., 1972.

Nguyễn-Tấn-Thời. Nhiệm-Vụ Bảo Hiến của Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam Cộng-Hòa. Sài-Gòn: H.V.Q.G.H.C., 1973.

4. TẬP-CHÍ:

Anh-Việt. 'Bản về các Cơ-Quan Có Nhiệm-Vụ Kiểm Hiến qua các Chánh-Thể.' Quê-Hương, II, tháng Tư 1963.

Lê-Văn-Đình. 'Quyết-Định Hành-Chánh trước Tối-Cao Pháp-Viện.' Tư-Pháp Tập-San, III, năm 1969.

Nguyễn-Văn-Bông. 'Tham Chính Viện trong Chế-Độ Tư-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa.' Tư-Pháp Tập-San, II, năm 1969.

Nguyễn-Hữu-Lành và Hoàng-Xuân-Hào. 'Chú-Thích Phán-Quyết Ngày 31-1-1969 trước T.C.P.V.' Pháp-Lý Tập-San, III, năm 1968.

Nguyễn-Thượng-Toàn. 'Các Quyết-Định Thành-Văn Có-Thể Bị Kiểm-Soát Bất Hợp-Pháp hay Bất Hợp Hiến.' Pháp-Lý Tập-San, II, năm 1971.

Nguyễn-Quang-Quyển. 'Thẩm-Quyền của Tối-Cao Pháp-Viện.' Nghiên-Cứu Hành-Chánh, IV, năm 1969.

\_\_\_\_\_ . 'Khoản 7 Điều 10 của Luật Bầu Cử Tổng-Thống 1971' Nghiên-Cứu Hành-Chánh, IV, 1971.

Nguyễn-Khắc-Nhận. 'Khía Cạnh Pháp-Lý của Thuế Kiệm-Uớc.' Nghiên-Cứu Hành-Chánh, IV, năm 1969.

Nguyễn-Văn-Thành và Phan-Văn-Tám. 'Vấn-Đề Kiểm-Soát Sự Tôn-Trọng Hiến-Pháp của Tổng-Thống.' Nghiên-Cứu Hành-Chánh, IV, năm 1971.

'Sinh-hoạt Quốc-Hội.' Quê-Hương, XIX, tháng Giêng 1961.

#### 5.- NHUT BAO :

Nam-Dinh và Nguyễn-Kỳ-Nam. Các bài 'Nhân-Định' trên Đuốc Nha Nam, tháng 5, 6, 9, 10 năm 1971 và tháng Giêng 72.

#### 6.- BÀI GIẢNG-THUYẾT và PHÚC-TRÌNH :

Nguyễn-Văn-Bông. Tối-Cao Pháp-Viện và Thẩm-Quyền Kiểm Hiến các Đạo Luật có trước Ngày Ban Hành Hiến-Pháp Đệ-Nhi Cộng-Hoa. Phúc-Trình. Sài-Gòn: 15 tháng Mười 1969.

Nguyễn-Ngọc-Huy. 'Nền Hành-Chánh và Việc Phát-Triển Chánh-Tri.' Tài-Liệu Giảng-Thuyết, soạn cho Khóa Hội-Thảo Chỉ-Huy Cao Cấp dự tru tổ-chức tại Đà-Lạt, 1973.

Trần-Văn-Linh. 'Tối-Cao Pháp-Viện và Vấn-Đề Kiểm-Hiến.' Giảng-Thuyết. Sài-Gòn: Tòa Thượng-Thẩm, 28 tháng Mười Hai 1969.

#### 7.- ÁN PHẨM CỦA CHÁNH-PHỦ và QUỐC-HỘI :

Hạ-Nghị-Viện. Công-Tác Lập-Pháp. Sài-Gòn: 1970.

Tối-Cao Pháp-Viện. Vu Án Kiểm-Soát Hiến Tính Điều 10 Khoản 7 Luật Số 009/71.

Quốc-Hội. Phúc-Trình của Ủy-Ban Lương Viện Quốc-Hội Nghiên-Cứu Đề-Nghị Tu-Chỉnh Hiến-Pháp. Sài-Gòn: 16 tháng Giêng 1974.

Việt-Nam Cộng-Hòa. Công Báo Việt-Nam - Ấn Bản Quốc-Hội.  
Sai-Gòn: Sở Công Báo.

8.- CÁC VĂN-KIỆN PHÁP-LÝ CĂN-BẢN :

Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa Ngày 26-10-1956.

Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa Ngày 1-4-1967.

Luật Tu-Chính-Hiến-Pháp Số 001/74 Ngày 22-1-1974.

Luật Số 007/60 Ngày 23-12-1960 Quy-Định Tổ-Chức và Điều  
Hành Viện Bảo Hiến.

Luật Số 007/68 Ngày 3-9-1968 Quy-Định Tổ-Chức và Điều-  
Hành Tối-Cao Pháp-Viện.

Nội-Quy Tối-Cao Pháp-Viện Ngày 22-11-1968.

-\*\*\*\*\*-